**NHÓM GIÁO VIÊN SOẠN**

**BÀI 6: HÀNH TRÌNH TRI THỨC**

**(Sách: Ngữ văn 7 – bộ: Chân trời sáng tạo)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **GV soạn** | **Ghi chú** |
| 1 | ***Tri thức ngữ văn***  **VB 1:** Tự học – một thú vui bổ ích | Lê Thị Thu Huyền  GV trường THCS Dị Sử - Huyện Mỹ Hào - Tỉnh Hưng Yên |  |
| **Đọc kết nối chủ điểm:** Tôi đi học |
| 2 | **VB 2:** Bàn về đọc sách | Nguyễn Thị Ngọc Huệ  GV trường THCS Hiến Nam – TP Hưng Yên – Tỉnh Hưng Yên |  |
| ***Tri thức tiếng Việt***  Thực hành tiếng Việt |
| 3 | **Đọc mở rộng theo thể loại:** Đừng từ bỏ cố gắng | Vũ Thị Ngọt  GV Trường TH&THCS Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La |  |
| 4 | **Viết:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa  GV Trường PTDTNT THCS- THPT huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình. |  |
| 5 | **Nói và nghe:** Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống | Nguyễn Thị Minh Lý  GV Trường THCS Trung Hoà- xã Ea Ktur - huyện Cư Kuin - tỉnh Đăk Lăk |  |
| **Ôn tập** |

**Bài 6:**

**HÀNH TRÌNH TRI THỨC**

**(12 TIẾT)**

**CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**Đọc và thực hành tiếng Việt:**

- Đọc – hiểu các văn bản*: Tự học – một thú vui bổ ích (*Nguyễn Hiến Lê); *Bàn về đọc sách* (Chu Quang Tiềm)

*-* Đọc kết nối chủ điểm*: Tôi đi học* (Thanh Tịnh)

- Đọc mở rộng theo thể loại: *Đừng từ bỏ cố gắng* (Theo Trần Thị Cẩm Quyên)

*-* Thực hành Tiếng Việt: Liên kết trong văn bản: Đặc điểm và chức năng.

**Viết:** Viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống

**Nói và nghe.** Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống

**Ôn tập**

**THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết**

1. Đọc và thực hành tiếng Việt: 8 tiết

2. Viết: 2 tiết

3. Nói và nghe: 1 tiết

4. Ôn tập: 1 tiết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài học | | Số tiết | Thời điểm | | Ngày dạy |
| Tiết | Tuần |
| **Bài 6:**  **HÀNH TRÌNH TRI THỨC** | **Tri thức đọc hiểu + Đọc:** *VB Tự học – Một thú vui bổ ích* | 12 |  |  | …../ … / 2022 |
| **Đọc:** *VB Bàn về đọc sách* |  |  | …../ … / 2022 |
| **Đọc kết nối chủ điểm:** *Tôi đi học* |  |  |  |
| **Tri thức tiếng Việt + Thực hành Tiếng Việt** |  |  | …../ … / 2022 |
| **Đọc mở rộng theo thể loại:** *Đừng từ bỏ cố gắng* |  |  |  |
| **Viết:** *Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống* |  |  | …../ …/ 2022 |
| **Nói và nghe:** *Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống* |  |  | …../ …/ 2022 |
| **Ôn tập** |  |  | …../ …/ 2022 |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề

- Năng lực chuyên biệt

+ Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: GV sử dụng ảnh, tranh ảnh hoặc clip về tự học, các hiện tượng xã hội.

+ Phiếu học tập: sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (CẢ CHỦ ĐỀ)**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề của bài học 6 là *Hành trình tri thức* gắn với thể loại văn bản nghị luận.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV chiếu cho HS xem video [“Đác-uyn – Nhà bác học không ngừng học”](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM)

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM> .

Yêu cầu: HS xem video và trả lời các câu hỏi: *? Tại sao Đác-uyn dù đã lớn tuổi nhưng vẫn tiếp tục học? Theo em việc học của mỗi người có lúc nào dừng lại không? Vậy việc học có ý nghĩa gì với chúng ta?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ cá nhân thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS chia sẻ cá nhân, trả lời câu hỏi của GV

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Giới thiệu bài học 6:**

*Học là một hoạt động không thể thiếu đối với tất cả mọi người từ khi sinh ra cho đến suốt cuộc đời. Mỗi người muốn tồn tại phát triển và thích ứng được với XH thì cần phải học tập ở mọi hình thức bởi cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng .Lê nin từng nói: “Học, học nữa, học mãi”. Câu nói đó luôn có giá trị ở mọi thời đại, đặc biệt trong xã hội ngày nay đang hướng tới nền kinh tế tri thức, nó đòi hỏi mọi người phải vận động để theo kịp sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy mà tinh thần tự học có vai trò vô cùng quan trọng.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**(CẢ CHỦ ĐỀ)**

**NỘI DUNG 1: ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (8 tiết)**

**Thao tác 1:**

**Tiết :**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**ĐỌC VB 1: TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống

- Chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống trong văn bản; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:*** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3*.* Về phẩm chất*:***

- Chăm chỉ, có trách nhiệm với việc học, có ý thức tự học.

**2. Thiết bị dạy học và học liệu**

**2.1. Giáo viên:**

- Giáo án;

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu bài tập.

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2.2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3.Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS xem một clip về việc tự học (có thể gửi cho HS xem trước ở nhà – vì clip khá dài)

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=fPGym2U0iPY>

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Thế nào là tự học?

? Theo em, việc tự học có gì thú vị?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

| **A. TRI THỨC NGỮ VĂN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm của văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội).  - HS trả lời, hoạt động cá nhân  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Đọc nhanh mục Tri thức ngữ văn – Nghị luận xã hội (SGK/Tr 5) và cho biết:*  ? VB nghị luận về một vấn đề đời sống viết ra để làm gì?  Hoàn thành bài tập điền từ còn thiếu và chỗ trống    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  Hs trao đổi theo cặp trong bàn, nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi và hoàn thành bài tập  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **1. Khái niệm**  Văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.  2. Đặc điểm  Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống có những đặc điểm sau:  - Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.  - Ý kiến lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |

**Hoạt động 3.2.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **B. VB: TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH** | |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.  - Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Tiến hành đọc văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích”.  - Nêu được các nét chung về tác giả, xác định được xuất xứ, thể loại....  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1. Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về PHT1 (GV đã giao về nhà chuẩn bị từ tiết trước)  *? Giới thiệu đôi nét về tác giả* *Nguyễn Hiến Lê?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả**  Tiểu sử và cuộc đời học giả Nguyễn Hiến Lê – ECCthai  - Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984)  - Quê : Sơn Tây (Ba Vì – Hà Nội)  - Ông là một tác giả, dịch giả, nhà giáo dục, nhà văn hoá với nhiều tác phẩm sáng tác, biên soạn, dịch thuật nhiều lĩnh vực khác nhau. |
| **N.vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  ? Xác định phương thức biểu đạt chính?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc – hiểu chú thích***  ***b. Tìm hiểu chung:***  - Trích từ tác phẩm *Tự học – một nhu cầu thời đại*  - Thể loại: văn nghị luận  - PTBĐ: nghị luận  - Bố cục: 2 phần  + Nêu vấn đề: Từ đầu -> …*một cái thú.*  + Giải quyết vấn đề: Còn lại |
| **PHT 1**   |  |  | | --- | --- | | NHIỆM VỤ | NỘI DUNG | | 1. Giới thiệu đôi nét về tác giả? |  | | 2. Nêu xuất xứ của văn bản? |  | | 3. Văn bản thuộc thể loại nào? |  | | 4. Xác định phương thức biểu đạt chính? |  | | 5. Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? |  | | |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **1. Nêu vấn đề** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Hiểu được mục đích của văn bản Tự học – một thú vui bổ ích  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, kĩ thuật động não để tìm hiểu về mục đích của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích”  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ VB nghị luận viết ra nhằm mục đích gì?*  *+ VB Tự học – một thú vui bổ ích viết ra nhằm thuyết phục chúng ta về điều gì*  *+ Tác giả đã nêu vấn đề như thế nào?*  *+ Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề ấy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV gợi mở (nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin và chuyển dẫn sang đề mục sau. | - VB nghị luận được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.  - VB *Tự học*… được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  => Nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn, xúc tích |
| **2. Giải quyết vấn đề** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và chỉ ra mối liên giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT khăn phủ bàn tìm hiểu ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong VB  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc vă bản, gạch chân những ý chính trong đoạn văn. Thảo luận theo nhóm theo PHT 2, chỉ rõ những lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu trong văn bản?  Câu hỏi gợi dẫn:  + *Chỉ ra các câu văn nêu ý kiến, các câu văn nêu lí lẽ, dẫn chứng trong VB?*  + HS đọc lại đoạn cuối của VB:  *? Chỉ ra những bằng chứng trong đoạn trích này?*  *? Em có nhận xét gì về những bằng chứng này?*  *? Vì sao những bằng chứng này có thể làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***a. Ý kiến 1:*** *Thú tự học giống thú đi bộ*  - Lí lẽ: Tự học giúp người học hình thành tri thưc một cách tự chủ, tự do  - Dẫn chứng: Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…  ***b. Ý kiến 2:*** *Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*  - Lí lẽ: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, an ủi  - Bằng chứng: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của Mon-ti Mông-te-xki-ơ  ***c. Ý kiến 3:*** *Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên*  - Lí lẽ: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội  - Bằng chứng:  + Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến -> những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống -> khẳng định dù bất kì ai chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội  + Những tấm gương nhà khoa học tự học…  -> những người có sức ảnh hưởng  => Nhiều người biết, đáng tin cậy, số đông thừa nhận nên những bằng chứng này có tác dụng làm rõ cho ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận. |
| **PHT 2**  **VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN**  **Thú vui tự học**  Ý kiến 1  …………………..  Ý kiến 2  ……………………  Ý kiến 3  ……………….  ……….  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………..  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………...  Lí lẽ……….  Dẫn chứng……….. | |
| **3. Nhận diện đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua VB** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống qua văn bản *Tự học – một thú vui bổ ích*  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân, nhóm để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *? Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra Tự học – một thú vui bổ ích là văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - VB thể hiện thái độ đề cao, đồng tình của người viết với việc tự học  - VB đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ cho ý kiến, các lí lẽ, ý kiến được sắp xếp theo trình tự hợp lí ( *trước hết, hơn nữa, quan trọng hơn cả:* tăng dần theo mức độ quan trọng) để người đọc nhận ra các lợi ích của việc tự học |
| **4. Bài học** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** nêu tình huống, HS trả lời:  *+ Giả sử một bạn HS chủ động tìm đến thầy cô để được hướng dẫn những vấn đề mà bạn ấy tìm tòi, nghiên cứu ở nhà, thì như thế có được tính là tự học không?*  *+ Theo em, có thể tự học thành công mà hoàn toàn không cần sự trợ giúp của người khác không?*  *+ Theo em, tự học như thế nào để hiệu quả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Tự học không phải là không cần sự trợ giúp của ai, mà là người học chủ động, tự giác trong việc học của mình, biết lên kế hoạch học tập, chủ động tìm kiếm tri thức và biết tìm sự trợ giúp khi cần thiết để việc học được hiệu quả.  - Tự học hiệu quả:  + Lập kế hoạch và mục tiêu cho việc tự học  + Lựa chọn môn học yêu thích, học xen kẽ các môn yêu thích và môn không thích  + Đặt thời gian học từ ít đến nhiều  + Tham gia vào nhóm, câu lạc bộ tự học để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm  + Chọn cách ghi nhớ riêng : viết lại nhiều lần trên giấy, vẽ sơ đồ hệ thống, đọc to, đọc thầm…  + Kỷ luật khi học  + Thường xuyên tự kiểm tra kiến thức và ôn lại |
| **III. Tổng kết** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Nội dung:**  - VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học  **2. Nghệ thuật:**  - Phương thức biểu đạt: nghị luận.  - Các lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể. |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “ ***Bay lên nào***”

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi “Bay lên nào” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” đưa ra mấy ý kiến?

- 3 ý kiến

**Câu 2**: Dẫn chứng cho ý kiến “*Thú tự học giống thú đi bộ”*?

- Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…

**Câu 3**: Vì sao bằng chứng “Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến” lại làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?

**-** Họ là những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống

D. Vì họ là những người có sức ảnh hưởng lớn

**Câu 4**: VB *Tự học – một thư vui bổ ích* viết ra nhằm mục đích gì?

**-** Thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.

**Câu 5.** “Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn” là dẫn chứng cho ý kiến nào?

*- Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*

**Câu 6**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” thuộc thể loại gì?

- Văn nghị luận

**Câu 7.** Nội dung chính của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” là gì?

- VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của bản thân mình?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Bàn về đọc sách”

**Thao tác 2: Văn bản 2:**

**Tiết .....:**

**BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

**(Chu Quang Tiềm)**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống

- Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:***

Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3*.* Về phẩm chất*:***

- Chăm chỉ, có trách nhiệm với việc học, có ý thức tự học.

**2. Thiết bị dạy học và học liệu**

**2.1. Giáo viên:**

- Giáo án;

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập.

**2.2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3.Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: *Xem video sau và cho biết thông điệp được gửi gắm là gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 3.2.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.  - Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt.  - Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Tiến hành đọc văn bản “Bàn về đọc sách”.  - Nêu được các nét chung về tác giả, xác định được xuất xứ, thể loại....  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về PHT1 (GV đã giao về nhà chuẩn bị từ tiết trước)    *? Giới thiệu đôi nét về tác giả* *Chu Quang Tiềm?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả**  C:\Users\Admin\Documents\Zhu_Guangqian_1933_(cropped).jpg  - Chu Quang Tiềm (1897 – 1986)  - Là nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  ? Xác định phương thức biểu đạt chính?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc – hiểu chú thích***  ***b. Tìm hiểu chung:***  - In trong “Danh nhân TQ bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”  - Thể loại: văn nghị luận  - PTBĐ: nghị luận  - Mục đích: khẳng định đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Đồng thời, từ việc đưa ra những sai lầm trong việc đọc sách để hướng tới cách đọc sách khoa học, hợp lí cho con người.  - Bố cục: 3 phần  + Từ đầu … “làm kẻ lạc hậu”: Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách  + Tiếp … “Những cuốn sách cơ bản”: Các khó khăn, thiên hướng sai lệch khi đọc sách  + Còn lại: Phương pháp đọc sách |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **1. Bàn về đọc sách** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống  - Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, kĩ thuật động não, phương pháp thảo luận nhóm để thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Văn bản *Bàn về đọc sách* được viết ra nhằm mục đích gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV gợi mở (nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **a. Mục đích của văn bản**  Thuyết phục người đọc về 2 vấn đề  (1) Tầm quan trọng của việc đọc sách.  (2) Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + Yêu cầu HS hoàn thiện PHT 2    + Trả lời 3 câu hỏi sau khi hoàn thiện PHT2    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **b. MQH giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB**  Soạn bài 6 Đọc Bàn về đọc sách  Nhận xét:  - Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí  - Việc sắp xếp các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng góp phần làm rõ mục đích của văn bản  - Tác giả sắp xếp theo trình tự “một là…”, “hai là…” nhằm giúp người đọc dễ dàng nhận ra các lí lẽ, điều này giúp tăng sức thuyết phục cho VB. |
| **2. Bài học** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân, nhóm để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *- Theo em, để tích luỹ tri thức qua việc đọc sách, ta có cần lưu ý đến tốc độ đọc và số lượng sách được đọc không? Vì sao?*  *- GV cho HS xem 3 clip ngắn để*  *+ Nhận xét cách học*  *+ Rút ra bài học cho bản thân*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Đọc sau, đọc kĩ  - Có kĩ năng đọc nhanh, đọc lướt  - Cần xác định mục tiêu đọc để có cách đọc hiệu quả. |
| **III. Tổng kết** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | 1. Nghệ thuật :  - Vấn đề được đề cập đến một cách toàn diện, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể qua phân tích, so sánh đối chiếu  2. Nội dung  - Tầm quan trọng ý nghĩa của việc đọc sách "Học vẫn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách rốt cuộc là một con đường quan trọng của học vấn"  - Cái khó của việc đọc sách:  - Phương pháp đọc sách  + Đọc tinh, đọc kĩ. |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “ ***Ngôi sao may mắn***”

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn” qua hệ thống 7 câu hỏi liên quan đến các kiến thức vừa học.

HS trả lời ngắn, trả lời đúng được nhận phần thưởng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV chốt đáp án đúng, đánh giá bài làm của HS bằng điểm số (phần thưởng)

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Có ý kiến cho rằng, hiện nay Công nghệ thông tin phát triển, cả thế giới đều thu gọn trong chiếc máy tính, việc đọc sách vở như trước đây là không cần thiết nữa. Em có đồng ý với ý kiến đó không?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ để trả lời

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS bày tỏ ý kiến cá nhân

HS khác nhận xét, bổ sung

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài Đọc kết nối chủ điểm “Tôi đi học”

**-------------------------------------------------------------------**

**Thao tác 3: Đọc kết nối chủ điểm**

**Tiết :**

**TÔI ĐI HỌC**

**(Thanh Tịnh)**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Kiến thức**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung Văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản *“Tự học – một thú vui bổ ích”* và *“Bàn về đọc sách”* để hiểu hơn về chủ điểm Hành trình tri thức.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3*.* Về phẩm chất*:***

- HS trân trọng những kí ức tuổi thơ về những ngày đầu đến đi học

**2. Thiết bị dạy học và học liệu**

**2.1. Giáo viên:**

- Kế họa bài học; Máy chiếu, máy tính

- Phiếu bài tập.

**2.2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3.Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS: ***Em hãy nghe bài hát “Ngày đầu tiên đi học” và chia sẻ cảm nghĩ của em sau khi nghe bài hát này?***

- GV cho HS nghe bài hát “Ngày đầu tiên đi học“

Link: https://youtu.be/hgR9aYNXeJ0

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Ngày đầu tiên khai trường, đó là cái ngày mà chắc hẳn không ai trong chúng ta có thể quên được. Cảm giác bỡ ngỡ, rụt rè khi thoát khỏi vòng tay của mẹ và bước qua cổng trường thật lạ kì. Vậy ngày đầu tựu trường với nhân vật “ tôi” trong VB Tôi đi học diễn ra như thế nào chúng ta cùng đi tìm hiểu VB.*

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu**:  Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại của văn bản  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao PHT 1 cho HS tìm hiểu trước ở nhà  Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi hoàn thiện thông tin của PHT -> trình bày    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  - GV: tác phẩm *Tôi đi học*  ghi lại cảm xúc và những kỷ niệm đẹp, đáng nhớ của tuổi thơ trong ngày tựu trường. | **1.Tác giả**  Trang thơ Thanh Tịnh - Trần Văn Ninh (21 bài thơ)  - Thanh Tịnh ((1911-1988), tên thật là Trần Văn Ninh  - Quê ven sông Hương, ngoại ô Huế  - Là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ.  - Sáng tác của ông toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.  - Tác phẩm tiêu biểu: Hậu chiến trường (1937), Quê mẹ (1941)…  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc – hiểu chú thích**  **b. Tìm hiểu chung**  **-**Xuất xứ:*Tôi đi học* được in trong tập *Quê mẹ* (1941),  - Thể loại: Truyện ngắn  - PTBĐ: Tự sự, miêu tả, biểu cảm  - Bố cục gồm 3 phần:  + Đoạn đầu (từ đầu đến “*trên ngọn núi”*): Tâm trạng nôn nao, háo hức về kỉ niệm ngày tựu trường đầu tiên.  + Đoạn thứ hai (tiếp theo*đến “tôi cũng lấy làm lạ”*): Tâm trạng nhân vật “tôi” và khung cảnh ở sân trường làng trong ngày khai trường.  + Đoạn cuối (phần còn lại): Cảm xúc của nhân vật "tôi" khi bước vào lớp đón nhận giờ học. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| 1. **Diễn biến tâm trạng của nhân vật tôi** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Chỉ ra và nêu được tác dụng của phép so sánh khi diễn tả suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi”  - Hiểu được những thay đổi tâm trạng của nhân vật “tôi”  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS chia sẻ cặp đôi trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Xác định và nêu tác dụng của những phép so sánh dùng để diễn tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm thống nhất ý kiến  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV** gọi đại diện HS của nhóm trả lời câu hỏi.  **HS** lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định:**  GV  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản. | **a. Cảm xúc suy nghĩ của nhân vật “tôi”**  *- Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.*  -> So sánh cảm xúc khi nhớ về buổi tựu trường – “ cành hoa…đãng” => diễn tả niềm vui, sự náo nức trong tâm hồn của nhân vật “tôi” khi nhớ lại những kí ức mơn man của buổi tựu trường.  *- Ý nghĩ thoáng qua ấy trong trí óc thôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.*  => diễn tả những suy nghĩ thoáng qua mơ hồ đầy non nớt của nhân vật tôi khi lần đầu tiên đi học, với đầy những bỡ ngỡ. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khi vào lớp học tâm trạng của nhân vật “tôi” thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi ấy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **b. Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi”**  - Không còn bỡ ngỡ, sợ sệt, mà cảm thấy mọi thứ trong lớp học thân quen, quyến luyến.  - Sự thay đổi tâm trạng ấy là do  + thầy giáo đón tiếp các em HS một cách ân cần, nhiệt tình, cách bài trí lớp học, bàn ghế.  + bạn bè rất ấm áp thân thiện khiến nhân vật “tôi” cảm thấy yên tâm, quyến luyến, quen thuộc. |
| **3. Ý nghĩa nhan dề** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Giúp HS hiểu ý nghĩa nhan đề và dụng ý lặp cụm từ “ Tôi đi học” ở cuối VB  - Liên hệ, kết nối với văn bản *“Tự học – một thú vui bổ ích”* và *“Bàn về đọc sách”* để hiểu hơn về chủ điểm Hành trình tri thức.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT tia chớp  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? “Tôi đi học” vừa là nhan đề, vừa là cụm từ nhà văn dùng để khép lại văn bản. Theo em cụm từ ấy gợi ra ý nghĩa gì?*  *? Trình bày ý kiến của em về mối quan hệ giữa việc đi học - tự học - đọc sách?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Gợi nhắc cột mốc quan trọng của đời người, ngày đầu tiên đi học với sự trân trọng, nâng niu.  - Gợi tới những bước đầu tiên trên cuộc hành trình lĩnh hội tri thức của cuộc đời, thể hiện thái độ trân trọng tri thức, trân trọng việc học tập…  - Kết nối:  + ***Đi học*** là quá trình trau dồi kiến ​​thức trau dồi kiến thức, trí tuệ và vận dụng nó vào cuộc sống xã hội.  + ***Tự học*** giúp ta nhớ lâu và bổ sung kiến thức còn thiếu ở nhà trường.  + ***Đọc sách*** nâng cao kiến thức, kỹ năng, phát triển tư duy, rèn luyện nhân cách con người. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+ Văn bản đề cập đến nội dung gì?*  *+ Nghệ thuật văn bản?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá, nhận định**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***1. Nội dung:***  - Truyện kể lại kỷ niệm trong sáng của tuổi học trò trong ngày tựu trường đầu tiên hết sức chân thực, tinh tế qua dòng hồi ức của nhà văn.  ***2. Nghệ thuật:***  - Bố cục theo dòng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật tôi theo trình tự thời gian buổi tựu trường.  - Đan xen yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Nghệ thuật so sánh tạo hiệu quả diễn đạt cao, kết hợp các từ láy, tính từ, động từ giàu hình ảnh và sinh động.  - Ngôn ngữ hình ảnh trong sáng, giàu chất thơ, nhẹ nhàng phù hợp với tâm trạng ngây thơ, rụt rè của những đứa trẻ trong buổi tựu trường đầu tiên. |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “ ***Ai là triệu phú***”

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** “Ai là triệu phú” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1:** Quê hương của Thanh Tịnh là ở đâu?

**A**. Ven sông Hương, thành phố Huế

B. Ven sông Hồng, thành phố Hà Nội

C. Ven sông Đuống, Gia Lâm (Hà Nội)

D. Một tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ

**Câu 2:** “Tôi đi học” của Thanh Tịnh được viết theo thể loại nào?

A. Bút kí

**B**. Truyện ngắn trữ tình

C. Tiểu thuyết

D. Tuỳ bút

**Câu 3:** Các phương thức biểu đạt được tác giả Thanh Tịnh sử dụng trong văn bản "Tôi đi học”?

A. Tự sự

B. Miêu tả, tự sự

C. Biểu cảm, miêu tả

**D.** Tự sự, miêu tả, biểu cảm

**Câu 4:** Nhân vật chính trong văn bản" Tôi đi học” là ai?

A. Người mẹ

B. Người thầy giáo

C. Ông đốc

**D.** Nhân vật “tôi”

**Câu 5:** Nhân vật chính trong văn bản" Tôi đi học" được miêu tả chủ yếu ở phương diện nào?

A. Ngoại hình

B. Tính cách

**C.** Tâm trạng

D. Hành động

**Câu 6:** Câu văn nào không sử dụng biện pháp so sánh để nói lên tâm trạng của nhân vật “tôi”?

A. “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.

B. “Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập”.

C. “Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi”.

D. “Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ”.

**Câu 7:** Câu văn "Tôi bặm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất" trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh cho ta hiểu điều gì?

A. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở.

B. Cậu bé chưa tập trung vào việc.

C. Cậu bé quá hồi hộp.

D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở.

**Câu 8:** Hình ảnh "bàn tay" trong hai câu văn: "Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước...Một bàn tay quan nhẹ vuốt mái tóc tôi" nhằm diễn tả ý gì?

A. Sự âu yếm của mẹ hiền.

B. Sự săn sóc của mẹ hiền.

**C.** Tấm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chở che, nâng đỡ và thương yêu đối với con thơ.

D. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

**Câu 9:** Ý nào nói đúng nhất tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy, nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”?

A. Tô đậm cảm giác trong trẻo, tươi sáng của nhân vật “tôi” ngay trong ngày đến trường đầu tiên.

B. Nói lên nỗi nhớ thường trực của nhân vật “ tôi” về ngày đến trường đầu tiên.

**C.** Cho người được thấy được những kỉ niệm trong buổi sáng đến trường đầu tiên luôn được in đậm trong tâm trí nhân vật “tôi”.

D. Tô đậm vẻ đẹp của những cành hoa tươi nở giữa bầu trời quang đãng.

**Câu 10:** Chất thơ trong sáng, nhẹ nhàng và rung động và thấm thía của truyện "Tôi đi học" được thể hiện qua phương thức biểu đạt nào?

**A. Biểu cảm.**

B. Tự sự.

C. Thuyết minh.

D. Miêu tả.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc câu hỏi và lựa chọn đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

**-** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ: *Kí ức ngày đầu tiên đi học thường là ấn tượng khó phai trong tâm trí mỗi người. Em hãy chia sẻ những kỉ niệm ấy với các bạn.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS chia sẻ kỉ niệm ngày đầu tiên đi học của bản thân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS chia sẻ

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “ Thực hành Tiếng Việt”

**-----------------------------------------------------------**

**Thao tác 4:**

**Tiết ........:**

**TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Liên kết trong văn bản: Đặc điểm và chức năng)**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN: ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: ……

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**1. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1.1. Về kiến thức:***

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản.

***1.2. Về năng lực:***

***a. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

***1.3. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**2.1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập...

**2.2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**Phiếu học tập số 1:**

Đọc ví dụ và hoàn thành các câu hỏi

|  |  |
| --- | --- |
| VD: (1) Hơn nữa, tự học quả là một phương thuốc trị bệnh âu sầu. (2) Theo bác sĩ E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những bệnh nhân nào biết đọc sách cũng mau khỏe mạnh hơn những bệnh nhân khác. (3) Nhiều bác sĩ Anh và Pháp, sau lời tuyên bố đó, làm những bảng thống kê các bệnh nhân trong các bệnh viện và thừa nhận ông E.Gờ-ron-nơ-veo có lí.  *(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích)* | |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Qua đoạn văn này, tác giả Nguyễn Hiến Lê đã nêu ý kiến gì? |  |
| (2) Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các câu trong đoạn |  |
| (3) Các câu trong đoạn liên kết với nhau như thế nào? |  |
| (4) Qua việc phân tích VD trên, em hãy nêu đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết? |  |

**Phiếu học tập số 2:**

Nối ví dụ ở cột A với nội dung ở cột B, C để tạo thành các kết luận đúng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Cột C | Nối |
| Ví dụ | Phép liên kết | Nội dung |
| (I) Khi đọc ***sách***, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở ***sách*** ra là ta cũng gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (1) Phép thế | (a) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |  |
| (II) ***Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay*** đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. ***Các thành quả đó*** sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (2) Phép lặp từ ngữ | (b) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước |  |
| (III) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là 1 con đường quan trọng của học vấn. ***Bởi vì*** học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (3) Phép liên tưởng | (c) Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước. |  |
| (IV) Hơn nữa, tự học quả là một ***phương thuốc trị bệnh âu sầu***. Theo ***bác sĩ*** E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những ***bệnh nhân*** nào biết đọc sách cũng mau ***khỏe mạnh*** hơn những bệnh nhân khác.  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (4) Phép nối | (d) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. |  |

**Phiếu học tập số 3:**

Đọc lại văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” và trả lời các câu hỏi sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Chỉ ra các từ ngữ dùng để liên kết các đoạn trong văn bản |  |
| (2) Em hãy cho biết đó là phép liên kết nào? |  |
| (3) Phép liên kết này có gì khác với các phép liên kết được sử dụng trong các ví dụ của phiếu học tập 1, 2. |  |

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

*a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những kiến thức đã học ở các bài trước kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

*b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Giải ô chữ”.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Giải ô chữ”**

***Luật chơi:***

Ô chữ có 7 từ hàng ngang. HS trả lời các câu hỏi để mở từ hàng ngang. Trả lời được các từ hàng ngang sẽ tìm được từ khóa.



Ô từ khoá: có 07 chữ cái

Hàng ngang 1 (08 chữ cái) : Thể loại của văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích” là gì

Hàng ngang 2 (08 chữ cái) : Tên 1 tác phẩm của nhà văn Thanh Tịnh mà các em đã được học?

Hàng ngang 3 (12 chữ cái) : Tên tác giả của văn bản “Bàn về đọc sách”?

Hàng ngang 4 (07 chữ cái): Văn bản “Tôi đi học” sử dụng ngôi thứ mấy?

##### Hàng ngang 5 (07 chữ cái) : Đây là nghĩa của từ nào “Đặc điểm về mặt cường độ, nhịp độ các hoạt động tâm lí của cá nhân”?

##### Hàng ngang 6 ( chữ cái) : Tác giả của văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích” là ai?

##### Hàng ngang 7 (09 chữ cái) : Tác giả của văn bản “Tôi đi học” là ai?

Ô từ khoá: LIÊN KẾT

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh chơi trò chơi “Giải ô chữ”.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

*Bằng việc trả lời các câu hỏi từ hàng ngang, các em vừa nhắc lại những kiến thức liên quan đến 3 văn bản mà chúng ta đã học và tìm được từ khóa “LIÊN KẾT”. Vậy liên kết trong văn bản có đặc điểm và chức năng gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tri thức tiếng Việt** | |
| *a. Mục tiêu:*  Học sinh hiểu:  - Liên kết, tác dụng của liên kết  - Nhận biết và xác định được 4 phép liên kết: Phép lặp từ ngữ, phép thế, phép nối, phép liên tưởng  - Phân biệt được liên kết câu và liên kết đoạn  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu học tập  *c. Sản phẩm:* Phiếu học tập của học sinh của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ:**  ? Liên kết là gì?  ? Hoàn thành phiếu học tập số 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần kiến thức ngữ văn để trả lời câu hỏi  - Xen lại phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày phiếu học tập của mình.  - HS khác nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt**  1. Đặc điểm và chức năng  - Liên kết là 1 trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm cho văn bản trở lên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức.  - Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:  + Nội dung các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Các câu các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ:**  ? Hoàn thành phiếu học tập số 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần kiến thức ngữ văn để trả lời câu hỏi  - Trình bày phiếu học tập (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày phiếu học tập số 2  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức (4 phép liên kết thường dùng) | 2. Một số phép liên kết thường dùng  + Phép lặp từ ngữ  + Phép thế  + Phép nối  + Phép liên tưởng |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ:**  ? Hoàn thành phiếu học tập số 3.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc lại văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích”  - Trình bày phiếu học tập (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày phiếu học tập số 3  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức | 3. Phân biệt:  + Liên kết câu (VD ở phiếu học tập 1,2)  + Liên kết đoạn (Liên kết giữa các đoạn trong văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích”)  *\* Lưu ý :*  Phép liên kết câu phải được thực hiện ít nhất ở hai câu. Trong một câu thì không gọi là phép liên kết mặc dù vẫn có tác dụng liên kết. |

**Dự kiến sản phẩm các phiếu học tập**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| VD: (1) Hơn nữa, tự học quả là một phương thuốc trị bệnh âu sầu. (2) Theo bác sĩ E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những bệnh nhân nào biết đọc sách cũng mau khỏe mạnh hơn những bệnh nhân khác. (3) Nhiều bác sĩ Anh và Pháp, sau lời tuyên bố đó, làm những bảng thống kê các bệnh nhân trong các bệnh viện và thừa nhận ông E.Gờ-ron-nơ-veo có lí.  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Qua đoạn văn này, tác giả Nguyễn Hiến Lê đã nêu ý kiến gì? | Ý kiến: Thú tự học là phương thức chữa bệnh âu sầu |
| (2) Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các câu trong đoạn | Câu (1) nêu ý kiến, câu (2) nêu lí lẽ, câu (3) nêu dẫn chứng để làm rõ cho ý kiến nêu ở câu (1) |
| (3) Các câu trong đoạn liên kết với nhau như thế nào? | Các từ “Phương thuốc trị bệnh âu sầu”; “bác sĩ”; “bệnh nhân”; “khỏe mạnh” đều cùng trường liên tưởng “khám chữa bệnh” -> Phép liên tưởng. |
| (4) Qua việc phân tích VD trên, em hãy nêu đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết? | - Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:  + Nội dung các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Các câu các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp. |

**Phiếu học tập số 2:**

Nối ví dụ ở cột A với nội dung ở cột B, C để tạo thành các kết luận đúng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Cột C | Nối |
| Ví dụ | Phép liên kết | Nội dung |
| (I) Khi đọc ***sách***, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở ***sách*** ra là ta cũng gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (1) Phép thế | (a) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước | I-2-c |
| (II) ***Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay*** đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. ***Các thành quả đó*** sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (2) Phép lặp từ ngữ | (b) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước | II-1-d |
| (III) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là 1 con đường quan trọng của học vấn. ***Bởi vì*** học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (3) Phép liên tưởng | (c) Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước. | III-4-b |
| (IV) Hơn nữa, tự học quả là một ***phương thuốc trị bệnh âu sầu***. Theo ***bác sĩ*** E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những ***bệnh nhân*** nào biết đọc sách cũng mau ***khỏe mạnh*** hơn những bệnh nhân khác.  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (4) Phép nối | (d) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. | IV-3-a |

**Phiếu học tập số 3:**

Đọc lại văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” và trả lời các câu hỏi sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Chỉ ra các từ ngữ dùng để liên kết các đoạn trong văn bản | Trước hết (đoạn 2) – Hơn nữa (đoạn 4)  Tự học (Đoạn 1 -2-4-5) |
| (2) Em hãy cho biết đó là phép liên kết nào? | Phép nối  Phép lặp |
| (3) Phép liên kết này có gì khác với các phép liên kết được sử dụng trong các ví dụ của phiếu học tập 1, 2. | -> Liên kết đoạn |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Thực hành tiếng Việt** | |
| *a. Mục tiêu:* HS thực hành làm bài tập để hiểu và khắc sâu những kiến thức về liên kết trong văn bản.  *b. Nội dung:* Học sinh làm tập SGK/14-15.  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập HS đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Hướng dẫn HS làm các bài tập phần “Thực hành TV” (SGK/14-15)**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:  **Nhiệm vụ**: GV chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu các nhóm làm các bài tập  - Nhóm 1: Bài tập 1 (SGK/14)  - Nhóm 2: Bài tập 2 (SGK/14)  - Nhóm 1: Bài tập 3 (SGK/15)  - Nhóm 1: Bài tập 4 (SGK/15)  - Nhóm 1: Bài tập 5 (SGK/15)  **VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới (HS trong từng nhóm đếm số từ 1 đến 5, HS số 1 của các nhóm vào nhóm A, HS số 2 của các nhóm vào nhóm B, HS số 3 của các nhóm vào nhóm C, HS số 4 của các nhóm vào nhóm D, HS số 5 của các nhóm vào nhóm E) và thực hiện nhiệm vụ mới (Trả lời câu hỏi):  ? Khái quát nội dung liên kết văn bản bằng 1 sơ đồ tư duy?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập(17p)**  ***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia: (***7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (15 phút)***  **HS**:  - 5 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 10 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV gọi đại diện 1 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 1 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-5p**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | Bài tập 1 (SGK/14)  Phép lặp từ ngữ trong các đoạn trích  a. tự học  b. sách  c. tôi nhìn, tôi.  Bài tập 2 (SGK/14)  Phép thế trong những đoạn trích  a. *“Nó”* thay thế cho *“sách”*  b. *“Con đường này”* thay thế cho *“con đường làng dài và hẹp”*  c. *“Họ”* thay thế cho *“mấy cậu học trò mới”*  Bài tập 3 (SGK/15)  Phép nối trong các đoạn trích:  a. *Nhưng*  b. *Một là …. Hai là ….*  Bài tập 4 (SGK/15)  Phép liên tưởng trong đoạn trích:  a. *lớp, hình gì treo trên tường, bàn ghế* (trường liên tưởng: lớp học)  b. *chán đời, nỗi đau khổ* (trường liên tưởng: Bệnh âu sầu)  c. *kẻ giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ - kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai của mình* (trường liên tưởng: quan điểm về kẻ mạnh)  Bài tập 5 (SGK/15)  Phép nối: *Trước hết…. Hơn nữa ….*  Phép lặp: *tự học*  ***=> Liên kết câu và liên kết đoạn văn*** |

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*

- HS vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn có sử dụng các phép liên kết

*b. Nội dung:* Giáo viên giao bài, hướng dẫn học sinh làm bài

*c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Em hãy viết 1 đoạn văn khoảng 200 chữ nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của học sinh hiện nay. Chỉ ra các phép liên kết mà em đã sử dụng trong đoạn

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Về nhà)**

**-** GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ (Báo cáo bài viết vào tiết văn sau).

**-** HS làm việc cá nhân và viết đoạn văn vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Tiết sau)**

**GV**:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Học bài

- Xem lại các bài tập

- Chuẩn bị bài mới: **Đọc mở rộng theo thể loại:** Đừng từ bỏ cố gắng

+ Đọc văn bản (SGK/15-16)

+ Trả lời các câu hỏi phần “Hướng dẫn đọc” (SGK/17) và hoàn thành phiếu học tập.

**Vấn đề cần bàn luận:**

*"Đừng từ bỏ cố gắng"*

**Ý kiến:**

**Lí lẽ + bằng chứng:**

+ HS hoàn thành phiếu học tập, nộp cho GV trước khi học văn bản.

+ Mức độ hoàn thành phiếu học tập của HS:

Đạt: từ 80% nội dung bài học trở lên.

Chưa đạt: dưới 80% nội dung bài học. GV yêu cầu HS bổ sung.

**Thao tác 5: Đọc mở rộng theo thể loại**

**Tiết :**

**ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG**

**(Trần Thị Cẩm Quyên)**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Nêu được những trải nghiệm trong đời sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3*.* Về phẩm chất*:***

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập trên lớp.

**2. Thiết bị dạy học và học liệu**

**2.1. Giáo viên:**

- Kế họa bài học; Máy chiếu, máy tính

- Phiếu bài tập.

**2.2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3. Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:**Giáo viên cho học sinh nghe và nêu cảm nhận về ý nghĩa của bài hát ***Đường đến ngày vinh quang*** của Nhạc sĩ - Ca sĩ Trần Lập.

Link: https://youtu.be/Rg36-vmjabw

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu học sinh nghe bài hát: ***Đường đến ngày vinh quang*** của Nhạc sĩ - Ca sĩ Trần Lập.

*? Lời bài hát có ý nghĩa như thế nào?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**

- GV: Yêu cầu HS trình bày.

- HS: trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Từ học sinh chia sẻ

*- GV: Trong bài hát những điều mộc mạc, giản dị, rất tự nhiên ấy nhắc nhở mỗi chúng ta chỉ cần không ngừng nỗ lực cố gắng trước khó khăn thử thách thì thành công sẽ đến. Đừng từ bỏ cố gắng, đừng chùn bước trước khó khăn..... Vào bài mới*

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Đọc văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**  - Giúp học sinh biết cách đọc 1 văn bản nghị luận  **b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản  **c. Sản phẩm:** Phần đọc của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS đọc to, diễn cảm văn bản  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. |  |
| **II. Khám phá văn bản** | |
| **1. Các yếu tố nghị luận trong VB “Đừng từ bỏ cố gắng”** | |
| **a. Mục tiêu**  - Nắm được thông tin về thể loại văn nghị luận, đọc văn bản  **b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu học tập  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)*  *? Em hãy xác định ý kiến, các lí lẽ và bằng chứng của văn bản "Đừng từ bỏ cố gắng"*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  +*Văn bản NL sử dụng các lí lẽ dẫn chứng cụ thể, rõ ràng*  +*Văn bản đưa đến quan điểm về sự nỗ lực cố gắng trước khó khăn thử thách, con người sẽ thành công.* | |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Vấn đề cần bàn luận:**

*“Đừng từ bỏ cố gắng”*

**Ý kiến:** Trong cuộc sống con người luôn phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại; muốn thành công phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình; rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

**Lí lẽ + bằng chứng:**

- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.

- Bằng chứng:

+ Thô-mát Ê-đi-sơn từng bị đánh giá là “dốt đến mức không học được bất cứ thứ gì’, trải qua nhiều thất bại trước khi phát minh ra dây tóc bóng đèn - phát minh mang kỉ nguyên ánh sáng cho nhân loại.

+ Ních Vu-chi-xích khiếm khuyết tứ chi có thể lội, lướt ván, trở thành nhà diễn thuyết nổi tiếng, là người truyền cảm hứng cho nhiều người vươn tới cuộc sống không giới hạn.

|  |
| --- |
| **2. Mục đích, đặc điểm của VB nghị luận “Đừng từ bỏ cố gắng”** |
| **a. Mục tiêu**  - Nắm được đặc điểm, mục đích, tác dụng thể hiện mục đích của văn văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng*  **b. Nội dung:** Thông qua hoạt động cá nhân, hđ nhóm, HS nắm bắt được mục đích, đặc điểm của VB *Đừng từ bỏ cố gắng*  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và kết quả thảo luận của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nhiệm vụ 1: VB *Đừng từ bỏ cố gắng* được viết ra nhằm mục đích gì?  - Nhiệm vụ 2: Hoàn thiện bảng bài tập trong SGK trang 17 (thời gian thảo luận 3 phút)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**  ***NV1:*** suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  ***NV2:*** Thảo luận nhóm (6 nhóm)  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**  ***\* NV 1:***  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  **HS:**  - HS trình bày ý kiến.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  ***\* NV 2:***  **GV:**  - Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS:**  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức. |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

***\* NV 1:*** Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được trong cuộc sống luôn có những khó khăn, thử thách và thất bại nhưng con người cần phải nỗ lực, có ý chí và niềm tin ắt sẽ thành công.

***\* NV 2:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống** | **Biểu hiện trong VB *Đừng từ bỏ cố gắng*** | **Tác dụng trong việc thực hiện mục đích VB** |
| Thể hiện rõ ý khen, chê, đồng tình, phản đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận | *Thể hiện quan điểm đồng tình với vấn đề cần bàn luận* | *Người đọc nhận rõ được những mặt tích cực của vấn đề đặt ra trong bài viết* |
| Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe | *- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.*  *- Bằng chứng:*  *+ Thành công của Thô-mát Ê-đi-sơn*  *+ Sự nỗ lực hết mình của Ních Vu-chi-xích, một người sinh ra bị khiếm khuyết tứ chi* | *Các lí lẽ, bằng chứng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, giúp củng cố ý kiến, tăng tính thuyết phục cho VB* |
| Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí | *Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí* | *Bài nghị luận khoa học, chặt chẽ.* |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Giáo viên hỏi, HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức trò chơi “Đón khách lên xe buýt”. HS sẽ giúp các bạn học sinh lên xe buýt bằng cách điền từ còn thiếu vào dấu “…”.

Câu 1: Văn nghị luận là loại văn bản có mục đích nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về ...

*TL: Một vấn đề*

Câu 2: Trong văn nghị luận, người viết trình bày ... về một ... mà mình quan tâm, sử dụng lí lẽ .... để củng cố cho ý kiến của mình.

*TL: ý kiến – vấn đề – bằng chứng*

Câu 3: Lí lẽ: Cơ sở cho ý kiến, .... của ....

*TL: Quan điểm – người viết*

Câu 4: Bằng chứng: những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là ...... , ........ , ....... từ thực tế.

*TL: nhân vật – sự kiện – số liệu*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS

- Chốt kiến thức.

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ: *Cuộc đời của mỗi chúng ta có thể ví như một hành trình tri thức, một hành trình gian nan, khó khăn đầy thử thách nhưng cũng đầy ắp những điều lí thú mở ra trước mắt. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một phép liên kết.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “ Thực hành Tiếng Việt”

**-----------------------------------------------------------**

**- NỘI DUNG 2: VIẾT**

**Tiết .....:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Kiến thức**

Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:*** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực tạo lập văn bản

**1.3. Phẩm chất**

- Trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**2. Thiết bị và học liệu**

**2.1. Giáo viên**

- Máy chiếu, máy tính sử dụng trong suốt giờ học

- Giấy A4: Làm việc nhóm sử dụng trong phần hình thành kiến thức mới

- Phiếu học tập sử dụng trong làm bài tập hình thành kiến thức mới

- Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo…

**2.2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3. Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi của GV nêu ra

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bức tranh

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” ***Mỗi hình ảnh tương ứng với một hiện tượng đời sống, em hãy gọi tên hiện tượng đó?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS chia sẻ

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Có nhiều vấn đề của cuộc sống luôn được đặt ra cho chúng ta, đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ để đưa ra quan điểm của mình, để thuyết phục người khác về một vấn đề trong đời sống. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách để trình bày ý kiến một cách rõ ràng, mạch lạc thuyết phục

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. GIỚI THIỆU KIỂU BÀI:**  **Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:** | |
| **a. Mục tiêu:** HS hiểu yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống:  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  GV giao nhiệm vụ:  HS đọc thông tin SGK/17, 18 và trả lời các câu hỏi  1- Thế nào là bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống?  2- Nêu yêu cầu đối với kiểu bài này?  3- Nêu bố cục của bài văn nghị luận về 1 vấn đề đời sống?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh đọc phần kiến thức lí thuyết, kết hợp nhớ lại nội dung hai VB nghị luận đã học và bài học về văn NL năm học lớp 6 , trao đổi thảo luận với bạn cặp đôi theo yêu cầu câu hỏi. Ghi kết quả thảo luận ra giấy  + GV quan sát, khuyến khích  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày các ‎ lần lượt theo câu hỏi  Các học sinh khác theo dõi, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV chốt kiến thức:** về yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống ( GV sử dụng sơ đồ tư duy hoặc bảng hệ thống chiếu trên máy chiếu hoặc tivi cho HS nghe kết hợp quan sát)  GV lưu ‎ cho HS: *Kiểu bài NL về 1 vấn đề trong đời sống là sự phát triển tiếp nối của kiểu bài NL về 1 hiện tượng đời sống các em đã được học ở lớp 6, kiểu bài này có sự mở rộng hơn bao gồm cả hiện tượng đời sống, cả tư tưởng đạo lí* | **Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:**  1- Bài văn NL về 1 vấn đề trong đời sống thuộc thể NLXH. Trong đó, người viết đưa ra ‎ kiến của mình về một vấn đề gợi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống, hoặc một vấn đề thuộc về lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.  2.Yêu cầu đối với kiểu bài:  - Nêu được vấn đề cần bàn luận  - Trình bày được ý‎ kiến tán thành, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn luận  - Đưa ra lí lẽ, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ‎ý kiến  3. Bố cục bài viết cần đảm bảo  Mở bài: giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ràng ‎ kiến của người viết về vấn đề ấy  Thân bài: giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí, đưa ra được bằng chứng đa dạng cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ, xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện  Kết bài: khẳng định lại ‎ kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động. |
| **II. HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂU BẢI**  **(Ý nghĩa của sự tha thứ)** | |
| **a. Mục tiêu:** HS đọc, phân tích tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.  **b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK, HS thảo luận nhóm nhỏ.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  - GV giới thiệu: VB. Cho HS đọc to VB, cả lớp cùng theo dõi  - GV chia nhóm yêu cầu HS thảo luận (Thời gian 15 phút theo nhóm)  *Nhóm 1,2: Câu 1, 2, 3*  *Nhóm 3,4: Câu 4, 5, 6, 7*  1- Theo em, tác giả viết bài viết này nhằm mục đích gì?  2- Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đây là bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?  3- Chức năng của đoạn mở bài trong bài văn trên là gì?  4- Bài viết đã đưa ra y kiến bằng chứng nào về sự tha thứ  5- Xác định đoạn văn có chức năng giải thích và đoạn văn có chức năng bổ sung, xem xét vấn đề từ nhiều khía cạnh.  6- Ở phần kết bài, tác giả đã đề xuất giải pháp gì ? Theo em đề xuất ấy có hợp lí, khả thi không?  7- Từ bài viết trên, em rút ra bài học gì về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đọc kĩ văn bản tham khảo, chú ‎y quan sát các dấu hiệu, các ‎ gợi dẫn phía bên phải VB để định hướng câu trả lời; sử dụng giấy nháp thảo luận theo nhóm ghi ra kết quả theo thứ tự câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần)  + Học sinh các nhóm quan sát, theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  **-** GVnhận xét, đánh giá, động viên học sinh:  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| - Mục đích của bài viết: | Thuyết phục mọi người cần biết tha thứ khi ai đó phạm lỗi lầm |
| - Ý‎ kiến của người viết: | Về ý‎ nghĩa của sự tha thứ: Tha thứ là điều cần thiết trong cuộc sống. |
| - Dấu hiệu của bài văn nghị luận:  + Nêu được vấn đề cần bàn luận:  + Có lí lẽ, dẫn chứng cụ thể:  + Thể hiện được y‎ kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận | +Ý nghĩa của sự tha thứ  + Lí lẽ:  Tha thứ tạo cơ hội cho con người sửa chữa lỗi lầm  Không ai tránh khỏi những sai lầm  Sự tha thứ sẽ cho con người động lực sửa sai  + Thể hiện được ‎ kiến tán thành của người viết về vấn đề cần bàn luận |
| - Chức năng của phần mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận và nêu rõ ‎ kiến của người viết | Giới thiệu vấn đề sự tha thứ và nêu ‎ kiến tha thứ là cần thiết |
| - Bằng chứng của sự tha thứ: | + Những bức thư gửi lời xin lỗi của phạm nhận trong trại giam Gia Trung gửi người bị hại đã nhận được hàng chục thư hồi âm  + Ý kiến của nhà văn Gu-i-li-am A-thơ-rơ Gu-ơ- rơ: Cuộc sống nếu không có tha thứ thì chỉ là tù ngục  + Nghiên cứu cảu bác sĩ Ca-ren Xơ-goát: sự tha thứ giúp giải tỏa căng thẳng… |
| - Đoạn văn có chức năng giải thích và đoạn văn có chức năng bổ sung, xem xét vấn đề từ nhiều khía cạnh. | Đoạn văn (2), (5), (7) |
| Kết bài: Đề xuất giải pháp | + Đặt mình vào vị trí của người khác để cố gắng hiểu họ  + Viết thư cho người từng mắc lỗi để thể hiện sự tha thứ và tình yêu thương  -> Giải pháp khả thi |
| Khi viết văn nghị luận cần: | * Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cần đưa ra những ý kiến, lí lẽ hợp lí, bên cạnh đó là bằng chứng rõ ràng, xác thực, đa dạng; các lí lẽ bằng chứng cần được sắp xếp theo một trình tự hợp lí để thể hiện rõ quan điểm tán thành hay phản đối của người viết . |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT** | |
| **1. Chuẩn bị trước khi viết** | |
| **a. Mục tiêu:** HS xác định được mục đích viết để thuyết phục người đọc (người nghe) theo ý kiến của mình; dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.  - Biết lần lượt thực hiện các bước chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý  **b. Nội dung:** tìm hiểu kiến thức, hướng dẫn SGK, câu hỏi trong sách để viết.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Đề bài:** Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm. | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  - GV nêu câu hỏi gợi dẫn: Trước khi viết, em cần chuẩn bị những gì ?  - GV chia lớp thành 3 nhóm, giao cho mỗi nhóm 1 nhiệm vụ: Các nhóm sẽ tìm những vấn đề được giao trong phiếu  20220402_155105  - GV sử dụng giấy A4 cho mỗi nhóm, dán tờ phiếu của mỗi nhóm lên bảng, phát cho mỗi HS 1 tờ giấy nhớ, HS sẽ chọn đề tài tương ứng của nhóm mình được giao, sau khi hoàn thành dán lên phần giấy của nhóm.  - GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới)  *- Vấn đề có gần gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em hay không?*  *- Em có hiểu biết về vấn đề đó không?*  *- Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về vấn đề ấy?*  *GV nêu câu hỏi: VB em viết nhằm mục đích gì?Người đọc bài viết này có thể là những ai?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs thực hiện nhiệm vụ cá nhân theo nội dung nhóm được phân công , suy nghĩ đọc sgk để tham khảo các vấn đề được giới thiệu, hs cũng có thể tìm vấn đề khác.  Học sinh dùng giấy nhớ, ghi vấn đề mà mình quan tâm dán lên phần nhóm mình  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS dán lên phần bảng nhóm mình  **B4: Kết luận, nhận định:**  Sau khi học sinh dán xong Gv đọc, lược bỏ những vấn đề trùng nhau  GV nhận xét các ‎ vấn đề học sinh lựa chọn, khái quát và chốt lại. Lưu ‎ý‎ HS bài viết sẽ được đánh giá cao khi viết về các vấn đề có ‎ nghĩa với bản thân và xã hội, những vấn đề đang được quan tâm. Những ‎ý tưởng dán trên nhóm học sinh có thể sử dụng để lựa chọn vấn đề viết  GV chọn một vấn đề cụ thể để thực hiện các thao tác tiếp theo | **a. Lựa chọn đề tài, mục đích, người đọc**:  Vấn đề cần bàn là gì? Chọn một trong các đề tài sau:  + Sức mạnh của tình yêu thương.  + Vai trò của việc tự học.  + Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh.  + Bạo lực học đường.  + Bàn về câu tục ngữ Uống nước nhớ nguồn.  + Trình bày ý kiến về câu nói của Lê-nin (Lenin): Học, học nữa, học mãi. |
| **Gv hướng dẫn học sinh cách thu thập tư liệu liên quan đến vấn đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV phát cho Hs phiếu học tập số 1 để HS điền thông tin theo gợi ý:    GV HD học sinh cách thu thập tư liệu  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh quan sát phần hướng dẫn của GV để hoàn thành một phần phiếu học tập số 1, phần còn lại HS sẽ làm ở nhà  **Bước 3: Trao đổi và thảo luận:**  GV gọi 2 hoặc 3 học sinh trình bày phần thu thập tư liệu của mình cho 1 hoặc 2 câu  **Bước 4: Kết luận nhận định:**  GV khái quát lại cách thu thập thông tin, tư liệu: Các tư liệu được thu thập từ việc tìm hiểu trên mạng Intenet, các bài báo, bài văn, các sách tham khảo. Khi tìm hiểu cần trả lời các câu hỏi:  Ý kiến, lí lẽ nào em đồng tình, hoặc không đồng tình?  Trong các tài liệu tìm được, ý kiến hay lí lẽ nào chưa được tác giả đề cập đến | **b. Thu thập tư liệu** |
| 1. **Tìm ý và lập dàn ý** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV nêu câu hỏi:  - Cần hiểu như thế nào về vấn đề này? Nó có nghĩa là gì? Vấn đề này được biểu hiện như thế nào?   * Những khía cạnh cần bàn bạc? có mặt nào đúng, mặt nào chưa đúng? Lấy dẫn chứng nào để khẳng định? Làm thế nào để giải quyết vấn đề đó?... * Bài học rút ra từ vấn đề?... * GV sử dụng sơ đồ tư duy cho HS điền vào     **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh đọc sgk, dựa vào câu hỏi gợi dẫn của GV trả lời để tìm ‎ cho đề bài mình chọn  **Bước 3: Trao đổi thảo luận:**  GV kiểm tra bài của 1 số học sinh  **Bước 4: Kết luận nhận định:**  GV khái quát lại cách tìm‎:Đặt các câu hỏi để tìm y cho bài viết, càng nhiều câu hỏi thì bài viết càng phong phú, sâu sắc | **a. Tìm ý**  Đặt câu hỏi để tìm ý  - Vấn đề này có nghĩa là gì? Biểu hiện như thế nào?  - Ý kiến, thái độ của em về vấn đề đó (đúng/sai; lợi/ hại; cần thiết/ không cần thiết; tích cực/ tiêu cực)  -Tại sao vậy? Các khía cạnh cần bàn:  *+ Lí lẽ để bàn luận vấn đề:*  *+ Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng*  *- Mở rộng vấn đề/* Tìm ra nguyên nhân  - Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)  - Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV HD học sinh từ các ý ‎ đã tìm được sắp xếp vào dàn ‎theo mẫu trong sgk được  Gv thiết kế thành phiếu học tập số 2 *(vận dụng kiến thức đã học ở bài nghị luận về 1 hiện tượng đời sống HS đã học ở lớp 6)*  - Mở bài em sẽ viết những ‎ nội dung gì?  - Thân bài:  Em sẽ trình bày những ‎ nào? Chọn lí lẽ cơ bản nào? Dẫn chứng nào sẽ phù hợp và tiêu biểu cho lí lẽ ấy?  Sắp xếp các ý ra sao cho tăng độ thuyết phục?  - Kết bài có nhiệm vụ như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ: HS viết ra giấy phần tìm ý, lập dàn ý đề tài đã chọn.Trao đổi với bạn  + GV quan sát hỗ trợ khi cần thiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày ý tưởng, GV chụp, chiếu một vài dàn bài của HS lên bảng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung  + HS chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dàn ý của mình  **B4: Kết luận, nhận định**  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo nội dung hướng dẫn trong sgk như phiếu học tập số 2. | **b. Lập dàn ý**  - *Mở bài*:  + Giới thiệu hiện tượng, nêu ý kiến của về hiện tượng  - *Thân bài*: Ðưa ra ý kiến bàn luận.  + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)  Trao đổi ý kiến trái chiều  - *Kết bài*: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. |
| **3. Viết bài (sinh viết bài ở nhà, Gv thu vào tiết học sau, chấm, chữa)** | |
| **a. Mục tiêu:** HS biết bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)  **b. Nội dung:** chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV, kĩ thuật viết tích cực.  **c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV cho HS viết theo các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề mà em quan tâm, và dựa vào dàn ý đã lập để viết  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS viết *ở nhà*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả**  HS báo cáo kết quả tiết học sau  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với bài văn theo bảng kiểm sgk  Chú ý: Các câu chuyển ý, chuyển đoạn, dẫn chứng chính xác, tiêu biểu, diễn đạt mạch lạc, rõ ràng | **3. Viết bài**:  Chú ý:  - Mở bài: Chọn một trong hai cách:  + Trực tiếp: Nêu thẳng vấn đề cần nghị luận  + Gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện để giới thiệu vấn đề   * Thân bài: Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể. * Thể hiện rõ quan điểm của người viết.   Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp |
| **4. Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS sau khi viết bài ở nhà:  - Sử dụng bảng kiểm trong sgk để tự kiểm tra, sửa chữa, điều chỉnh bài viết ( theo mẫu phiếu học tập số 3)  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau ( sử dụng bảng kiểm) ( phiếu học tập số 3) ( HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu  + HS sửa bài viết cho bạn để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng)  GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | **4. Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  \* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết theo bảng kiểm gợi ý  \* HS chữa bài cho nhau |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1- TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề mà em quan tâm

Vấn đề cần bàn là :.................................................................................................... ......................................................................................................................................

-. Ý kiến, thái độ của em về vấn đề đó: .....................................................................................................................................

......................................................................................................................................

*-. Lí lẽ để bàn luận vấn đề:* .......................................................................................................

...................................................................................................................................

-.*Bằng chứng làm sáng tỏ vấn đề*

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

Bài học (đề xuất) em rút ra..........................................................................................

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- LẬP DÀN Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**:Lập dàn ý cho bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề mà em quan tâm

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận  - Nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận |
| **Thân bài** | 1. Giải thích từ ngữ, khái niệm hoặc cả câu văn  2. Bàn luận:  - Khẳng định ‎ kiến tán thành hoặc phản đối của người viết về vấn đề đó  - Trình bày các lí lẽ làm sáng tỏ ý kiến  + Lí lẽ 1  + Bằng chứng 1  + Lí lẽ 2  + Bằng chứng 2  …  3. Lật lại vấn đề: Nhìn nhận vấn đề ở chiều ngược lại, trao đổi với ‎ kiến trái chiều, đánh giá những ngoại lệ, bổ sung ‎ý cho vấn đề thêm toàn vẹn |
| **Kết bài** | - Khẳng định lại ‎ kiến của mình  - Đề xuất những giải pháp, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 ( nhận xét, chỉnh sửa bài viết)**

Họ tên người nhận xét, đánh giá :..........................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành phần của bài viết.** | **Nội dung kiểm tra.** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Mở bài. | Có dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận.  Nêu được cụ thể vấn đề sẽ bàn luận. |  |
| Thân bài. | Thể hiện rõ ràng ý kiến về vấn đề nghị luận .  Trình bày được ít nhất hai lý lẽ cụ thể để làm rõ ý kiến.  Đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.  Đang sắp xếp các lý lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lý. |  |
| Kết bài. | Khẳng định lại ý kiến của mình.  Đề xuất những giải pháp |  |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố lại các kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức trò chơi “Bức ảnh bí mật”. HS trả lời các câu hỏi để mở các mảnh ghép và cho biết nội dung các bức ảnh sau các mảnh ghép

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

**Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**

+ HS tham gia trò chơi

+ HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

GV nhận xét thái độ của HS, cho điểm thưởng (nếu cần)

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học làm bài

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Đề bài:** Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh.

*NV1:* (Thực hiện trên lớp) GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho đề bài theo các bước đã được học.

- Xác định kiểu bài? vấn đề cần bàn là gì?

- Phần tìm ý em sẽ thực hiện những nội dung gì?

- Lập dàn ý cho đề văn trên.

NV2: (Về nhà)Dựa vào phần dàn ý hoàn thành bài viết và sẽ trình bày trước lớp trong tiết nói và nghe: Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia ý kiến để xác định yêu cầu của đề, tìm ý, lập dàn ý (trên lớp)

HS viết bài văn (về nhà)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS

***Dự kiến sản phẩm:***

1. Mở bài

– Giới thiệu khái quát về Internet  
– Dẫn dắt vào vấn đề tác động của internet

2. Thân bài

a. Tác động tích cực của internet  
– Đối với cuộc sống  
+ Internet là kênh thông tin khổng lồ, từ điển bách khoa đồ sộ, là thế giới tri thức phong phú, đa dạng, cập nhật.  
+ Internet là phương tiện trao đổi, giao lưu, giải trí giữa mọi người trên toàn thế giới  
+ Internet có mặt trong mọi mặt đời sống như kinh tế – chính trị, văn hóa – xã hội, góp phần không nhỏ cho sự phát triển của các ngành kinh tế.

– Đối với con người đặc biệt là với học sinh  
+ Tiếp cận với nguồn tri thức khổng lồ  
+ Học tập qua mạng, chủ động tìm kiếm những phương pháp học tập hay, mới lạ  
+ Là sân chơi bổ ích, giải trí đa màu sắc  
+ Cập nhật tình hình trong nước và trên thế giới mọi lúc mọi nơi

b. Tác động tiêu cực của internet  
– Đối với cuộc sống  
+ Nguồn thông tin chưa được kiểm chứng, xác thực một cách chặt chẽ  
+ Chứa nhiều tin xấu, bạo động, lừa đảo  
+ Lạm dụng internet dẫn đến hao tốn thời gian, sức khỏe và tiền bạc

– Đối với con người, thanh niên, học sinh  
+ Tình trạng nghiện internet, nghiện các trò chơi điện tử bỏ bê học hành  
+ Lạm dụng, sử dụng không đúng mục đích các nền tảng mạng xã hội  
+ Dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, chia sẻ thông tin sai lệch trên mạng xã hội

c. Giải pháp  
– Sử dụng internet đúng cách, đúng mục đích  
– Sử dụng internet một cách văn hóa, có chọn lọc và kiểm duyệt  
– Hạn chế để lộ thông tin cá nhân trên mạng internet

3. Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

- Bài học nhận thức và hành động

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài: nói và nghe: Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống.

**-------------------------------------------------**

**NỘI DUNG 3: NÓI VÀ NGHE (1 tiết)**

**Tiết ………..:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**1. Mục tiêu:**

**1.1. Kiến thức**

Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện bài tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

**2. Thiết bị và học liệu**

**2.1. Giáo viên**

- Máy chiếu, máy tính sử dụng trong suốt giờ học

- Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo…

**2.2. Học sinh:**

**-**SGK, SBT Ngữ văn 7, vở ghi.

- Viết bài

**3. Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** GV chiếu video,HS quan sát, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh nhận quà”:

Em hãy quan sát video sau và nhanh tay ghi ra giấy nháp:

1. Vấn đề nói đến trong video

2. Ghi ra các lợi ích và hại của vấn đề nói đến.

Link:

https://youtu.be/8yFA1psdk4I

https://youtu.be/PPmA4u7iQFM

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS xem video suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày

- HS khác nhận xét bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét câu trả lời của học sinh -> dẫn dắt vào nội dung tiết học

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG** | |
| **a) Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe;  - Xác định không gian và thời gian nói;  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng vấn đề và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| ***Vấn đề: Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh*** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS hoàn thành bảng    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ hoàn thành bảng  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang bước 2. | **Bước 1: Xác định đề tài, không gian và thời gian nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Khi nói cần lựa chọn không gian và xác định thời gian nói.  - Tìm hình ảnh, video, sơ đồ cho bài nói thuyết phục. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS  - Dự kiến những phương tiện phi ngôn ngữ sẽ sử dụng để tăng sức thuyết phục cho bài nói  - Lập dàn ý dựa vào sơ đồ sau    - Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi:    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ hoàn thành yêu cầu của GV  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang bước 3. | **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý:**  \* Dàn ý (Theo tiết trước)  \* Lưu ý:  - Chuẩn bị thêm các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ  - Dự kiến các câu hỏi, phản hồi người nghe - chuẩn bị câu trả lời.  - Tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ.  - Nêu rõ ý kiến, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, cụ thể như sau:  + Nêu ý kiến trực tiếp, chọn ý kiến trọng tâm tạo điểm nhấn.  + Đảm bảo các lí lẽ có đủ cơ sở và kết luận, sắp xếp các lí lẽ theo trình tự hợp lí (sử dụng trích dẫn tăng thuyết phục cho lí lẽ)  + Một bằng chứng thuyết phục cần cụ thể, tiêu biểu, xác thực và liên kết chặt chẽ với lí lẽ. Bằng chứng cần chọn lọc chi tiết, sự việc, câu chuyện thông điệp sâu sắc, khơi gợi sự đồng cảm ở người nghe. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp.  GV khuyến khích HS sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói tăng sức thuyết phục  - HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trình bày bài nói trước lớp  HS khác lắng nghe, ghi chép, có ý kiến phản hồi sau bài nói của bạn  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Bước 3. Luyện tập và trình bày**  ***a. Luyện tập***  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.  (HS thực hiện trước tiết học)  ***b. Trình bày***  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Tương tác với người nghe qua điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… tự tin.  + Sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp bài nói. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trao đổi thảo luận về bài nói của bạn  + 3 ưu điểm về bài nói của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình hoặc đánh giá bài nói của bạn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS nhận xét, đánh giá bài nói của bạn * HS khác nhận xét, bổ sung   **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Bước 4: Trao đổi và đánh giá** |

****

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:

GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”. GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm, HS giành quyền trả lời

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

HS tham gia trò chơi

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

Gv nhận xét, nhắc lại các kiến thức liên quan

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết vấn đề thực tế.

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ giáo viên giao

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:

GV yêu cầu:

- HS tìm hiểu, nêu ý kiến của mình về vấn đề: Bạo lực học đường.

- HS trình bày ý kiến của mình và ghi lại bằng 1 video để gửi giáo viên (thời hạn: 1 tuần)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, tìm hiểu, làm bài (ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

HS quay video bài nói gửi cho giáo viên

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

GV nhận xét:

Ý thức làm bài

Thời gian nộp bài

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học, luyện nói nhiều lần và đọc, làm trước 7 câu hỏi phần ôn tập để chuẩn bị cho tiết sau

**-------------------------------------------------------------------------**

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (CẢ CHỦ ĐỀ)**

**NỘI DUNG 4: ÔN TẬP (1 tiết)**

**Tiết .....:**

**ÔN TẬP**

**1. Mục tiêu:**

**1.1. Kiến thức**

HS biết cách hệ thống lại các đơn vị kiến thức đã học ở bài học 6 bao gồm 4 kĩ năng: đọc – viết- nói và nghe.

**1.2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3. Phẩm chất**

**-** Biết chia sẻ, quan tâm, và trân trọng mọi người.

**2. Chuẩn bị của GV và HS**

**2.1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập.

**2.2.** **Học sinh**:

Đọc lại các VB và tự làm các bài tập mục Ôn tập trước ở nhà.

HS có thể ghi lại những khó khăn, thắc mắc để trao đổi tại lớp trong tiết Ôn tập.

**3.Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức trò chơi “Nhìn hình đoán tác phẩm”: Quan sát tranh và cho biết bức tranh minh hoạ cho nội dung của văn bản đọc hiểu nào trong bài học 6.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát tìm câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập**

HS trả lời (gọi tên các tác phẩm đã học:

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**3.2. Hoạt động 2: Tiến hành ôn tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học 6 để hoàn thành các bài tập trong mục Ôn tập.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:

**Nhiệm vụ**: GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm làm các bài tập

**Nhóm 1:** Làm câu 1 (SGK/26)

**Nhóm 2:** Làm câu 2 – VB 1 (SGK/26)

**Nhóm 3:** Làm câu 3 (SGK/26)

**Nhóm 4:** Làm câu 4 (SGK/26)

**Nhóm 5:** Làm câu 5 (SGK/26)

**Nhóm 6:** Làm câu 7 (SGK/26)

**VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới (HS trong từng nhóm đếm số từ 1 đến 6, HS số 1 của các nhóm vào nhóm A, HS số 2 của các nhóm vào nhóm B, HS số 3 của các nhóm vào nhóm C, HS số 4 của các nhóm vào nhóm D, HS số 5 của các nhóm vào nhóm E, HS số 6 của các nhóm vào nhóm G) và thực hiện nhiệm vụ mới (Trả lời câu hỏi):

? Khái quát nội dung bài 6 bằng 1 sơ đồ tư duy?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:

**HS**:

- Làm việc cá nhân … phút để xem lại các bài tập đã làm ở nhà.

- Thảo luận nhóm … phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

**GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

***\* Vòng mảnh ghép***

**HS**:

- … phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.

- ….phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.

**GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV gọi đại diện 1 nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

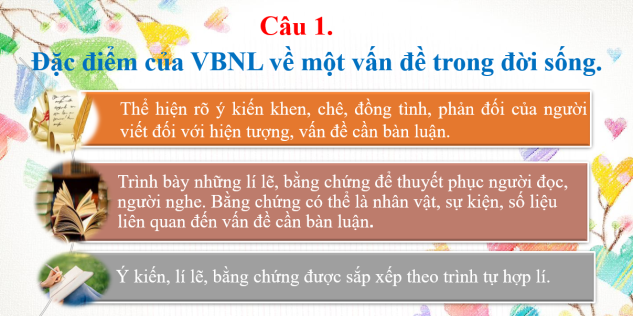
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

**Câu 1: (SGK/26)**

****

**Câu 2: (SGK/26)**

****

(2 văn bản còn lại GV hướng dẫn nhanh HS)

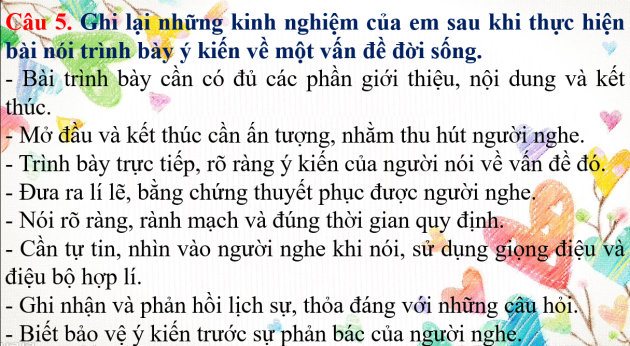
**Câu 3: (SGK/26)**

**

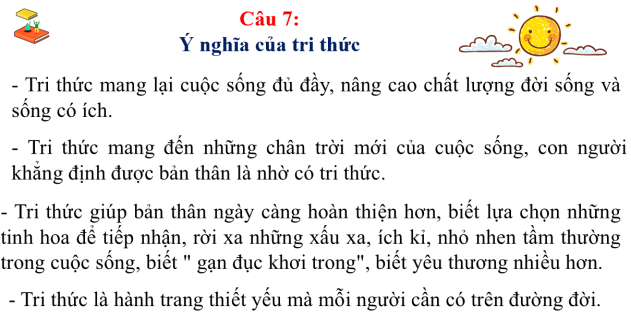
**Câu 4: (SGK/26)**

****

**Câu 5: (SGK/26)**

****

**Câu 7: (SGK/26)**

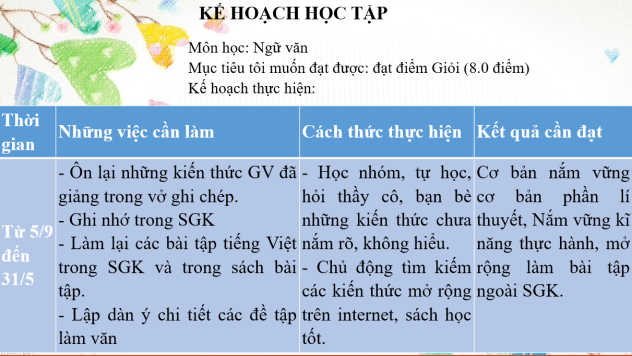
****

**Sơ đồ tư duy (Vòng mảnh ghép)**

****

**Câu 6: (SGK/26)**

***GV hướng dẫn HS làm***

**

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS ôn tập lại các kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ giáo viên giao

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:

GV tổ chức trò chơi “Ong non làm việc”. HS giúp các chú ong làm việc bằng cách trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**

HS suy nghĩ trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

HS tham gia trò chơi

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

GV nhận xét

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết vấn đề thực tế.

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ giáo viên giao

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:

GV yêu cầu:

Hãy tìm đọc thêm các văn bản nghị luận để hiểu thêm đặc điểm thể loại và có thêm kiến thức văn học phong phú.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện (ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

HS báo cáo kết quả với GV

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

GV nhận xét

\* **Dặn dò**: Về học xem lại các bài tập đã làm và làm tiếp các bài tập GV đã hướng dẫn. Chuẩn bị bài 7: Trí tuệ dân gian (tục ngữ)

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ CHỦ ĐỀ)**

**1. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**2. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**3**. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**4. Tổ chứcthực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bài tập**: Viết bài trình bày ý kiến của em về 1 vấn đề đời sống ở địa phương em (Em có thể chụp ảnh minh họa để làm rõ ý kiến của mình).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, lên ý tưởng, viết bài.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS gửi sản phaamrr cho GV

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

- Cho điểm hoặc phát thưởng cho bài làm tốt.

**Hướng dẫn tự học:**

Tìm hiểu thông tin về tác giả của các văn bản đã học: thu thập các nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, ảnh, video,... Đọc thêm các văn bản nghị luận khác cùng chủ đề.

Hệ thống hoá kiến thức bài học 6 bằng sơ đồ tư duy.

**Chuẩn bị bài 7: Trí tuệ dân gian (Tục ngữ)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***………, ngày … tháng …năm 20…***  Kí duyệt giáo án  **Tổ trưởng** |

**BÀI 7: TRÍ TUỆ DÂN GIAN**

(Số tiết )

**I. MỤC TIÊU CHUNG BÀI 7**

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.

**TIẾT …. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Đọc - hiểu- Nhận biết được khái niệm của tục ngữ.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của tục ngữ;

**2. Phẩm chất:**

- Học sinh có thái độ ham học hỏi những kinh nghiệm của dân gian, biết yêu quý trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Làm chủ bản thân trong quá trình học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa.

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh, bài trình chiếu.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút lông, giấy A3.

- Một số câu tục ngữ cùng chủ đề, nhắc học sinh soạn bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

***a. Mục tiêu****:*

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; kích hoạt tri thức nền; dẫn dắt vào bài học.

***b. Nội dung****:*

GV tổ chức trải nghiệm bằng câu hỏi vấn đáp- đọc các câu tục ngữ mà em biết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+* Gv đặt ra câu hỏi: Em hãy đọc các câu tục ngữ mà em biết?  *+* Sau khi học sinh trả lời, GV gợi nhắc lại tóm lại vấn đề.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | Các câu tục ngữ cùng chủ đề. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS theo dõi, hoạt động cá nhân .  - GV theo dõi, quan sát HS. |
| **Báo cáo/ Thảo luận** | - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học: Như các em vừa thấy đấy có rất nhiều câu tục ngữ hay trong đời sống của chúng ta và được nhân dân vận dụng vào lời ăn tiếng nói hàng ngày.Các câu thể hiện kinh nghiệm sống về mọi mặt và để hiểu rõ hơn về đề tài này hôm này cô trò ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua bài học số 7 này nhé. |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |
| --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh hiểu thế nào là tục ngữ và nội dung, chủ đề của các câu tục ngữ .  **Nội dung**: Gv hướng dẫn bằng cách vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** | | **Chuyển giao nhiệm vụ** | \* HĐ 1: Đọc và tìm hiểu phần chú thích.  - Giáo viên yêu cầu: Đọc phần chú thích và cho biết: *Tục ngữ là gì ? Với đặc điểm như vậy, tục ngữ có tác dụng gì?*  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện. | **1. Tục ngữ là gì?**  - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học của nhân dân về:  + Quy luật của thiên nhiên.  +Kinh nghiệm lao động sản xuất.  +Kinh nghiệm về con người và xã hội. | | **Thực hiện nhiệm vụ** | - Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến.  - Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  - Dự kiến sản phẩm:  - Tục: Là thói quen lâu đời  - Ngữ: Lời nói  => là lời nói đúc kết thói quen lâu đời được mọi người công nhận  - Làm cho lời ăn tiếng nói thêm hay, sinh động | | **Báo cáo/ Thảo luận** | - Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình  - Học sinh khác bổ sung. | | **Kết luận/ nhận định** | - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - GV bổ sung, nhấn mạnh:  + Về hình thức: tục ngữ là một câu nói diễn đạt một ý trọn vẹn có đặc điểm ngắn gọn, kết cấu bền vững có hình ảnh, nhịp điệu  + Về nội dung: diễn đạt kinh nghiệm, cách nhìn nhận của nhân dân về tự nhiên, lđ, sx, con người, xã hội  Những bài học kinh nghiệm về quy luật thiên nhiên và lao động sản xuất là nội dung quan trọng của tục ngữ.Vì thế tục ngữ còn được gọi là túi khôn của nhân dân  - Có nhiều câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen, một số câu có cả nghĩa bóng | |

**PHẦN ĐỌC VĂN BẢN**

**VĂN BẢN 1: NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ THỜI TIẾT**

(Tục ngữ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| rain-cu | https://img.lifewithbook.com/cache/37548/aHR0cHM6Ly9zYWx0LnRpa2ljZG4uY29tL3RzL3Byb2R1Y3QvNmYvNjYvODAvNjU3ZjAxYmQwN2MwNGE5NmM0Mzc1YjRhMjJiN2QwNGIuanBn.jpg | chuon chuon ot |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Đọc - hiểu, phân tích nghĩa của tục ngữ về thời tiết.

- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ về thời tiết vào đời sống.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu quý trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm hay phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa.

- Phiếu học tập số 1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Số chữ | Số dòng, số vế | Vần | Nội dung chính |
| 1 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |

- Tranh ảnh, bài trình chiếu.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút lông, giấy A3.

- Một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5’)**

***a. Mục tiêu****:*

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; kích hoạt tri thức nền; dẫn dắt vào bài học.

***b. Nội dung****:*

GV tổ chức trải nghiệm bằng trò chơi " Đuổi hình bắt chữ ".

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+* Gv cho HS xem video “ Đuổi hình bắt chữ” qua dường link sau: https://www.youtube.com/watch?v=qSb7Hc8JwQI  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | Các câu tục ngữ cùng chủ đề thời tiết. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS theo dõi, hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi.  GV theo dõi, quan sát HS. |
| **Báo cáo/ Thảo luận** | - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học: Như các em vừa thấy có rất nhiều câu tục ngữ mỗi câu mang 1 thông điệp, kinh nghiệm riêng. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản 1 của bài 7 để xem ông cha truyền đạt lại kinh nghiệm gì cho chúng ta, cô mời các em vào bài mới. |

**2. HĐ 2:HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (…’)**

|  |
| --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** |
| **Mục tiêu**: Mục tiêu: Giúp hs rèn kĩ năng đọc, nắm được chủ đề của mỗi câu tục ngữ.  **Nội dung**: Hiểu được ngữ nghĩa cụ thể của mỗi câu tục ngữ và những đề tài chung của các câu tục ngữ này.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** | | **Chuyển giao nhiệm vụ** | \* HĐ 1: Đọc và tìm hiểu từ khó.  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Gv hướng dẫn HS đọc lại các đặc điểm của tục ngữ trong mục *Tri thức Ngữ văn*, sau đó, xác định độ dài, nhịp điệu, vần, hình ảnh và chủ đề của các câu tục ngữ đó.  + Giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **I. Đọc, và tìm hiểu chú thích.**  Các câu tục ngữ cùng nói về các hiện tượng thời tiết theo kinh nghiệm của dân gian. | | **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV theo dõi, quan sát HS.  - HS theo dõi, đọc văn bản, giải thích từ khó -> lắng nghe -> hiểu nghĩa từ, nêu chủ đề của các ccâu tục ngữ.  - Dự kiến sản phẩm:  Các câu tục ngữ trong văn bản này đều nói về chủ đề về thời tiêt. | | **Báo cáo/ Thảo luận** | - Gv đọc mẫu.  - HS chú ý đọc tiếp và nhận xét . | | **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét cách đọc của HS.  - GV nhận xét câu trả lời và chốt ý. | |

**II. SUY NGẪM PHẢN HỒI (…’)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**: - Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về thời tiết.  **Nội dung**: Thuyết trình,vấn đáp, thảo luận nhóm tìm hiểu nội dung những câu tục ngữ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** | | **Chuyển giao nhiệm vụ** | - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về thời tiết đúc kết những kinh nghiệm gì?*  *GV vấn đáp làm mẫu câu 1, câu2 điền vào phiếu học tập. Các câu còn lại Hs thảo luận trình bày.*  *-gv vấn đáp: về hình thức câu số 5 có gì khác biệt so với các câu còn lại?*  -Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe yêu cầu và thực hiện thảo luận nhóm theo tổ, mỗi tổ 1phiếu và 1 câu theo chỉ định của GV sau đó lên dán bảng.  Phiếu học tập số 1:   * Dự kiến  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | Số chữ | Số dòng, số vế | Vần | Nội dung chính | | 1 | 8 | 1. 2 | Trưa - mưa | ND | | 3 |  |  |  |  | | 4 | 13 | 1-3 | Đài - hai | ND | | 5 |  |  |  |  | | 6 | 14 | 2-2 | Năm – nằm  Sáng - tháng |  | | **II. Đọc và tìm hiểu chi tiết văn bản.**  Câu 1:  - Nắng chóng trưa, mưa chóng tối:  vì thời tiết nóng nực nên ngày nắng thì cảm thấy buổi trưa đến sớm, ngày mưa thì trời âm u nên tối sớm  Câu 2:  **Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa**  **Có nghĩa là: Nếu quanh mặt trăng chỉ có một quầng sáng thì trời còn nắng, nếu có vùng sáng mờ toả ra như cái tán là trời sắp mưa.**  **Câu 3:**  **Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão**  **có nghĩa là:**  **Khi trời nối gió heo may và chuồn chuồn bay ra nhiều thì sắp có bão.**  Câu 4:  **Tháng giêng rét đài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nàng bân. Có nghĩa là: (rét đài: rét khá đậm làm hoa rụng cánh chỉ còn trơ lại đài; rét lộc: ẩm ướt, thuận lợi cho sự hồi sinh của cây cỏ sau những ngày đông tháng giá; rét nàng bân: rét ngắn ngày, với câu chuyện nàng Bân may áo rét cho chồng. Kinh nghiệm về thời tiết của nhân dân ta.**  **Câu 5:**  Nếu chuồn chuồn bay thấp tức trời sẽ mưa. Khi nó bay cao trời sẽ nắng và bay vừa trời sẽ râm. Điều này là phụ thuộc vào áp suất không khí.  Câu 6:  Nội dung: nhấn mạnh (Đêm tháng năm rất ngắn và ngày tháng mười cũng rất ngắn.) Ý nói: Mùa hè đêm ngắn, ngày dài; mùa đông đêm dài, ngày ngắn  **III. Tổng kết.**   1. **Nghệ thuật**   -Nghệ thuật: Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn,cô đúc; sử dụng kết cấu diễn đạt theo kiểu đối xứng, nhân quả; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.  **2.Nội dung***:* Các câu tục ngữ về lao động  sản xuất là những bài học quý giá của nhân dân ta. | | **Thực hiện nhiệm vụ** | - Học sinh: 🡪thảo luận nhóm->thống nhất ý kiến vào phiếu HT  - Câu 5 hình thức giống câu thơ lục bát.  -Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần.và giải thích lại kiến thức về thơ lục bát. | | **Báo cáo/ Thảo luận** | - Giáo viên gọi đại diện nhóm lên trình bày bằng phiếu học tập.  -Học sinh các nhóm khác bổ sung. | | **Kết luận/ nhận định** | - Học sinh nhận xét, đánh giá  -Giáo viên nhận xét đánh giá  🡪Giáo viên chốt kiến thức ghi bảng  GV chốt, chuyển: Sáu câu tục ngữ trên đều có điểm chung là đúc kết những kinh nghiệm về thời gian, thời tiết, bão lụt cho thấy phần nào cuộc sống vất vả, thiên nhiên khắc nghiệt của đất nước ta.  -Các câu tục ngữ trên đây có thể giúp cho con người trong cuộc sống về dự báo về tình hình thời tiết trong mỗi thời kỳ khác nhau, giúp giải thích các hiện tượng đang xảy ra một cách chi tiết, cụ thể nhất.  **Câu hỏi 7:**Em hãy hình dung một tình huống giao tiếp có thể sử dụng một trong các câu tục ngữ trên. Sau đó, viết một đoạn đối thoại hoặc một đoạn văn về tình huống này với độ dài khoảng 5, 6 câu.  Bài giải:  Trên đường tới trường, Lan gặp Nam và đã than thở rằng:  - Sao dạo này tớ thấy tớ ngủ được ít lắm, mới nằm chút mà trời đã sáng tinh mơ rồi.  - Cậu biết tại sao không, Lan?  - Tại sao vậy?  - Thế cậu nói cho tớ biết bây giờ là tháng mấy?  - Tháng 5, nhưng mà sao?  - Thế cậu đã nghe câu: "Đêm tháng Năm, chưa nằm đã sáng; Ngày tháng Mười, chưa cười đã tối" chưa? | |

**HOẠT ĐỘNG3 LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** | | **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Em hãy hình dung một tình huống giao tiếp có thể sử dụng một trong các câu tục ngữ trên. Sau đó, viết một đoạn đối thoại hoặc một đoạn văn về tình huống này với độ dài khoảng 5, 6 câu.  Gv - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **III. Luyện tập** | | **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV theo dõi, quan sát HS.  - HS làm và đọc trước lớp  - Dự kiến sản phẩm:   1. Trên đường tới trường, Lan gặp Nam và đã than thở rằng: 2. - Sao dạo này tớ thấy tớ ngủ được ít lắm, mới nằm chút mà trời đã sáng tinh mơ rồi. 3. - Cậu biết tại sao không, Lan? 4. - Tại sao vậy? 5. - Thế cậu nói cho tớ biết bây giờ là tháng mấy? 6. - Tháng 5, nhưng mà sao? 7. - Thế cậu đã nghe câu: "Đêm tháng Năm, chưa nằm đã sáng; Ngày tháng Mười, chưa cười đã tối" chưa? | | **Báo cáo/ Thảo luận** | - HS đọc và nhận xét . | | **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét bài làm của HS và chốt ý. | |

**HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG**

**Mục tiêu**:Học sinh vận dụng các câu tục ngữ đã học vào trong giao tiếp hàng ngày

**Nội dung**: Học sinh hoạt động cá nhân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ  -GV nêu yêu cầu: *Em hãy đặt câu có sử dụng một trong những câu tục ngữ vừa học?*  -HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu | HS đặt câu cùng chủ đề thời tiết. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS suy nghĩ đặt câu  - GV lắng nghe |
| **Báo cáo/ Thảo luận** | - GV gọi HS trình bày  - Các em khác nhận xét bổ sung  - GV nhận xét  *\* Dự kiến sp:*  *Mai đi học con phải mang áo mưa vì mau sao thì nắng vắng sao thì mưa* |
| **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức và cho điểm. |

**VĂN BẢN 2: NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN**

**VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

(Số tiết …)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Đọc - hiểu, phân tích nghĩa của các câu tục ngữ về lao động sản xuất.

- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ về lao động sản xuất vào đời sống.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu quý trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm hay phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa.

- Phiếu học tập số

Phiếu HT Số 1:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Số chữ** | **Số dòng** | **Số vế** |
| 1 | 4 | 1 | 2 |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |

Phiếu HT số 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Cặp vần** | **Loại vần** |
| 2 | *lụa – lúa* | vần sát |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |

- Bài trình chiếu.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút lông, giấy A3.

- Một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5’)**

***a. Mục tiêu****:*

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; kích hoạt tri thức nền; dẫn dắt vào bài học.

***b. Nội dung****:*

GV tổ chức trải nghiệm bằng cách vấn đáp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu vấn đáp: Thiên nhiên tác động như thế nào đến cuộc sống của chúng ta?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. |  |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS theo dõi và trả lời câu hỏi.  - GV theo dõi, quan sát HS. |
| **Báo cáo/ Thảo luận** | - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học. Các em thấy đấy thiên nhiên có vai trò rất quan trọng trong sản xuất . Vì vậy ông cha đã đúc kết nhiều kinh nghiệm trong các câu tục ngữ về lao động sản xuất. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản 2 của bài 7 để xem ông cha truyền đạt lại kinh nghiệm gìqua các câu tục ngữ đó nhé. |

**2. HĐ 2:HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (…’)**

|  |
| --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** |
| **a.Mục tiêu**: Mục tiêu: Giúp hs rèn kĩ năng đọc, nắm được chủ đề của các câu tục ngữ.  **b. Nội dung**: Vấn đáp, thuyết trình   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** | | **Chuyển giao nhiệm vụ** | \* HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích.  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  - Gv hướng dẫn HS đọc văn bản và đọc phần chú thích. Trong quá trình đọc, khi gặp câu hỏi được đóng khung, GV nhắc HS tạm dừng vài phút để suy nghĩ, tự trả lời rồi tiếp tục tiến trình đọc.  + Giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **I. Đọc, và tìm hiểu chú thích.**  1.Đọc văn bản:  2.Chú thích | | **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV theo dõi, quan sát HS.  - HS theo dõi, đọc văn bản, giải thích từ khó -> lắng nghe -> hiểu nghĩa từ, | | **Báo cáo/ Thảo luận** | - Gv đọc mẫu.  - HS chú ý đọc tiếp và nhận xét cách đọc.  - Vài Hs nêu ý nghĩa các rừ khó. | | **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét cách đọc của HS.  - GV nhận xét câu trả lời và chốt ý.  => Cả 6 câu tục ngữ trên đều nói về đề tài lao động sản xuất nhưng mỗi câu lại có 1 nội dung khác nhau cụ thể như thể nào chúng ta sang mục tìm hiểu chi tiết VB. | |

**II. SUY NGẪM PHẢN HỒI**

**Mục tiêu**: - Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng một số các câu tục ngữ về lao động sản xuất.

**Nội dung**: Thuyết trình,vấn đáp, thảo luận nhóm tìm hiểu nội dung những câu tục ngữ.

**Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo tổ các câu hỏi 1,2,3,4 sgk. Tổ 1- câu 1. Tổ 2 câu 2. Tổ 3- câu 3. Tổ 4- câu 4.  **Câu hỏi 1:** Chỉ ra các đặc điểm của tục ngữ được  thể hiện trong những câu trên.  **Câu hỏi 2:**Xác định số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ số 1 đến số 5.  **Câu hỏi 3:**Tìm các cặp vần và nhận xét về tác dụng của vần trong các câu tục ngữ từ số 2 đến số 6.  **Câu hỏi 4:** Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có gì khác biệt so với các câu 2,3,4,5?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo tổ, dựa vào gợi ý của GV để trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức:  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thảo luận từng cặp để tìm ra nội dung của từng câu tục ngữ trên.  - Đến câu số 5, số 6 GV gắn hỏi câu hỏi 5,6,trong sgk vào để giải quyết luôn.  Câu 1 nói về điều gì?  Câu 2 nói về điều gì?  Câu 3 nói về điều gì?  Câu 4 nói về điều gì?  Câu 5 nói về điều gì?  Tác giả dân gian muốn gửi gắm thô̂ng điệp gì qua câu tục ngữ này?  Dự kiến : ông  cha ta muốn gửi gắm thông điệp rằng nên biết chọn thời gian phù hợp để canh tác.  Câu 6 nói về điều gì?  Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ số 6 và nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp đó.  ==>Sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa  (lúa chiêm - nép - nghe - phất cờ) có tác dụng làm cho câu tục ngữ  thể hiện được  cách nhìn của người xưa trước hiện tượng tự nhiên đầy sinh động.  \*GV chốt lại kiến thức  Các câu tục ngữ trên cùng nói về nội dung gì? Nêu ý nghĩa của các câu tục ngữ ấy đối với lao động sản xuất.  Bài giải:  Ông cha ta đã dựa trên kinh nghiệm quan sát và giải thích hiện tượng tự nhiên để đúc kết nên câu ca dao này, thể hiện cách nhìn của người xưa trước các hiện tượng tự nhiên. Qua đó, khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu lao động sản xuất, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người.  **\*Nhiệm vụ 3. Tổng kết**  Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản  -Nội dung: Học sinh hoạt động cá nhân  Tiến trình:  1. Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu: *Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ?*  - Học sinh lắng nghe yêu cầu  2. Thực hiện nhiệm vụ:  - Học sinh: Suy nghĩ làm việc cá nhân  -Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét câu trả lời của học sinh  Dự kiến sản phẩm:  -Nghệ thuật: Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc; sử dụng kết cấu diễn đạt theo kiểu đối xứng, nhân quả; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.  *-*Nội dung*:* Các câu tục ngữ về lao động sản xuất là những bài học quý giá của nhân dân ta. | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.**   1. **Đặc điểm của các câu tục ngữ.**  * Chủ đề của các câu tục ngữ:   Các câu tục ngữ đều nói về những đúc rút từ thực  tế của dân gian trong lao động sản xuất nhằm tăng  thêm độ tin cậy, sức thuyết phục về một kinh  nghiệm.   * Xác định số chữ, số dòng, số vế của các   câu tục ngữ từ số 1 đến số 5.  Bài giải:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Số chữ | Số dòng | Số vế | | 1 | 4 | 1 | 1 | | 2 | 8 | 1 | 2 | | 3 | 8 | 1 | 2 | | 4 | 6 | 1 | 2 | | 5 | 8 | 1 | 2 |  * Các cặp vần và nhận xét về tác dụng   của vần trong các câu tục ngữ từ số 2 đến số 6.  - Câu tục ngữ 2: vần lưng (lụa - lúa)  - Câu tục ngữ 3: vần cách (lâu - sâu)  - Câu tục ngữ 4: vần lưng (lạ - mạ)  - Câu tục ngữ 5: vần lưng (Tư - hư)  - Câu tục ngữ 6: vần cách (bờ - cờ)  => Tác dụng: làm cho các câu tục ngữ có nhịp  điệu, có hình ảnh   * Hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có sự khác   biệt so với các câu 2,3,4,5?  Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 khác  biệt so với các câu 2,3,4,5 ở điểm:  - Câu tục ngữ số 1: 1 vế.  - Câu tục ngữ số 6: 3 vế.    **2. Nội dung của các câu tục ngữ**  **Câu 1:**  Với nghệ thuật so sánh ngang bằng câu tục  ngữ khẳng định vai trò quan trọng của đất đai.  **Câu 2:**  Con người đẹp nhờ khoác trên mình bộ quần  áo mắc tiền, sang trọng, lúa tốt là vì được  chăm bón phân.  **Câu 3:**  **Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa có nghĩa là: Cày**  **sâu thì lúa tốt, vì đất có tơi xốp lúa mới dễ hút**  **màu; ví như cơm nhai kỹ thì ruột hấp thụ được**  **nhiều.**  **Câu 4:** (Ruộng lạ: ruộng trồng đổi vụ, vụ này  trồng lúa thì vụ sau trồng khoai và ngược lại;  Ruộng quen: ruộng không đổi vụ, quanh năm  chỉ để gieo mạ): Một kinh nghiệm trồng trọt,  khoai trồng ruộng lạ mới tốt, nhưng mạ thì phải  gieo ở ruộng quen mới tốt.  **Câu 5**:  Kinh nghiệm trong trồng trọt được ông cha ta  đúc kết lại qua câu tục ngữ: thường thì đến tháng  ba âm lịch hoa màu rất cần nước nên cơn mưa  lúc này rất có ích cho hoa màu nhưng đến tháng  tư lúc ấy cây trồng đang trong quá trình phát  triển ít cần nước nên những cơn mưa lớn tháng  tư sẽ làm hư đất, hư cây trồng.  **Câu 6:**  Trồng lúa vào vụ chiêm  (vụ lúa trong  mùa hè thường khô hạn và thiếu nước)  nên cây lúa chỉ đật tầm ngang bờ ruộng  thôi.Hễ nghe sấm động (có sấm động  dẫn đến mưa dông) cây lúa sẽ trổ bông  và cho mùa màng bội thu.  **III. Tổng kết.**   1. **Nghệ thuật**   -Nghệ thuật: Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn,  cô đúc; sử dụng kết cấu diễn đạt theo kiểu đối  xứng, nhân quả; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ  nhớ, dễ vận dụng.   1. **Nội dung***:* Các câu tục ngữ về lao động   sản xuất là những bài học quý giá của  nhân dân ta. |

**HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu**:Giúp học sinh tìm thêm các câu tục ngữ khác

**Nội dung**: Học sinh hoạt động cặp đôi

**Sản phẩm**: Các câu tục ngữ học sinh tìm được

**Tiến trình hoạt động:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** | | **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Em hãy tìm thêm những câu tục ngữ về thiên nhiên mà em biết hoặc sưu tầm?*  Gv - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | *Chuồn chuồn bay thấp .....thì râm.*  *Cầu vồng cụt không lụt thì mưa.*  *Trời đang nắng cỏ gà trắng thì mưa*  *Qụa tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa....*  *Chớp đông nhay nháy gà gáy thì mưa* | | **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV theo dõi, quan sát HS.  - HS làm và đọc trước lớp | | **Báo cáo/ Thảo luận** | - HS đọc và nhận xét . | | **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét bài làm của HS và chốt ý. | |

**HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG**

**Mục tiêu**:Học sinh vận dụng các câu tục ngữ đã học vào trong giao tiếp hàng ngày

**Nội dung**: Học sinh hoạt động cá nhân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV chuyển giao nhiệm vụ  -GV nêu yêu cầu: *Em hãy đặt câu có sử dụng một trong những câu tục ngữ vừa học?*  -HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu | Các câu tục ngữ cùng chủ đề thời tiết. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS suy nghĩ đặt câu  - GV lắng nghe  \* |
| **Báo cáo/ Thảo luận** | - GV gọi HS trình bày  - Các cặp khác nhận xét bổ sung  - GV nhận xét  *\* Dự kiến sp:*  *Năm nay tháng 3 mưa nhiều hoa màu tươi tốt được mùa*  *Đúng là mưa tháng 3 hoa đất mưa tháng tư hư đất.* |
| **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức và cho điểm. |

Đọc kết nối chủ điểm

**TỤC NGỮ VÀ SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG**

**I.Mục tiêu**

***1.Kiến thức***

-Mở rộng kiến thức về chủ điểm.

***2.Năng lực***

a.Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..

b.Năng lực riêng:

-Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu được nội dung văn bản.

-Liên hệ, kết nối với văn bản *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết*, *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* để hiểu hơn về chủ đề *Trí tuệ dân gian*.

***3.Phẩm chất:***

-Học sinh có ý thức trân trọng kho tang tri thức của ông cha.

**II.Thiết bị dạy học và học liệu**

-KHBD, SGK, SGV, SBT

-Tranh ảnh

-Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**III.Tiến trình dạy học**

***A.Hoạt động mở đầu.***

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

***b.Nội dung*** : Học sinh lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

***c.Sản phẩm***: Suy nghĩ của học sinh.

***d.Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức trò chơi AI NHANH HƠN. Đội nào trả lời đúng và nhiều câu nhất sẽ là đội chiến thắng.  Câu 1:……….là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học, kinh nghiệm của nhân dân từ xưa đến nay?  Câu 2:Tháng Giêng rét đài, tháng Hai rét lộc, tháng Ba rét….?  Câu 3: Câu tục ngữ “Tấc đất, tất vàng” là những kinh nghiệm dân gian về……?  Câu 4:Tìm câu tục ngữ trái nghĩa với câu tục ngữ “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.?  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  -HS lắng nghe, quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.**  -GV tổ chức hoạt động  -HS tham gia trò chơi.  **Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài. | -Gợi ý  +Tục ngữ  +Nàng Bân  +Lao động sản xuất  + Ăn cháo đá bát |

**B.Hoạt động hình thành kiến thức**

***Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản.***

***a.Mục tiêu***

-Biết cách đọc văn bản

***b.Nội dung:*** HS sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

***c.Sản phẩm học tập:*** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

***d.Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu chú thích.**  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  -GV chuyển giao nhiệm vụ  +GV hướng dẫn cách đọc( yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)  +GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó học sinh thay nhau đọc thành tiếng toàn văn bản.  +GV tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật. HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ, mỗi ô là một từ khóa là những chú thích. Chọn đúng từ khóa nào thì học sinh sẽ giải thích nghĩa của từ khóa đó.  -HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  -GV nhận xét, bổ sung, chốt laik kiến thức. | **I.Trải nghiệm cùng văn bản**  **1.Đọc**  -HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với tốc độ đọc.  **2.Chú thích**  -Mạ  -Lúa chiêm  -Điêng điểng  -Sân chim  -Gie |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

***a.Mục tiêu***

-Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu được nội dung văn bản.

-Liên hệ, kết nối với văn bản *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết*, *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* để hiểu hơn về chủ đề *Trí tuệ dân gian*.

***b.Nội dung:*** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm***: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của hs.

***d.Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **NV1: Tìm hiểu mối quan hệ giữa tục ngữ và sáng tác văn chương.**  *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  -GV chuyển giao nhiệm vụ  \* Sau khi đọc truyện Nàng Bân, em hiểu thế nào về cái rét nàng Bân được nhắc đến trong câu tục ngữ Tháng Giêng rét đài, tháng Hai rét lộc, tháng Ba rét nàng Bân?  \* Câu trả lời của tía nuôi nhân vật "tôi" ở cuối văn bản thứ hai giúp em hiểu gi thêm về câu tục ngữ Chim trời cá nước, ai được nấy ăn?  -HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  -GV nhận xét, bổ sung, chốt laik kiến thức.  **NV2: Bài học rút ra những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.**  *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  Đọc văn bản Nàng Bân, "Chim trời, cá nước..." - xưa và nay, em rút ra được những lưu ý gì khi đọc hiểu và sử dụng tục ngữ?  -HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  ***1.Mối quan hệ giữa tục ngữ và sáng tác văn chương.***  - Nhân dân ta đã mượn hình ảnh nàng Bân may áo rét cho chồng để nói về cái rét. Đó là cái rét cuối cùng của mùa đông xảy ra vào tháng 3, khi mà thời tiết đột nhiên trở lạnh ngay giữa những ngày nắng liên tiếp.  - Câu Chim trời cá nước, ai được nấy ăn được hiểu theo nghĩa là của cải thiên nhiên ban tặng không của riêng ai, sự chiếm hữu là không hạn chế.  => Tác dụng: tăng sự thuyết phục về một nhận thức của con người.  ***2. Những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.***    -Cần sử dụng đúng ngữ cảnh, đúng ý nghĩa về câu chuyện được nói đến trong văn bản. |

**C.Hoạt động luyện tập**

***a.Mục tiêu:*** Củng cố lại kiến thức đã học

***b.Nội dung***:GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng”

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của hs, thái độ tham gia trò chơi.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  Tìm một số câu tục ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn chương.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS suy nghĩ,trả lời.  -GV quan sát, hỗ trợ.  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -GV tổ chức hoạt động.  -Chia sẻ, lắng nghe.  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* | Một số câu tục ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn chương:   * “Bảy nổi ba chìm với nước non” (Bánh trôi nước). * “Đừng xanh như lá bạc như vôi” (Mời trầu). * “Cố đấm ăn xôi xôi lại hẩm” (Làm lẽ). * ... |

**D.Hoạt động vận dụng**

***a.Mục tiêu***: Củng cố lại kiến thức đã học để làm bài tập.

***b.Nội dung***: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời , trao đổi.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của họ sinh.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  \* Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn trong đó sử dụng một câu tục ngữ trong bài học.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS suy nghĩ,trả lời.  -GV quan sát, hỗ trợ.  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -GV tổ chức hoạt động.  -Chia sẻ, lắng nghe.  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* | HS viết đoạn văn đúng hình thức, nội dung. |

Đọc mở rộng theo thể loại

**NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI**

**I.Mục tiêu**

***1.Kiến thức***

-Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

-Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

***2.Năng lực***

a.Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..

b.Năng lực riêng:

-Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu được nội dung văn bản.

-Liên hệ, kết nối với văn bản *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết*, *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* để hiểu hơn về chủ đề *Trí tuệ dân gian*.

***3.Phẩm chất:***Học sinh có ý thức trân trọng kho tàng tri thức của ông cha.

**II.Thiết bị dạy học và học liệu**

-KHBD, SGK, SGV, SBT

-Tranh ảnh

-Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**III.Tiến trình dạy học**

***A.Hoạt động mở đầu.***

***a.Mục tiêu***: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

***b.Nội dung*** : Học sinh lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

***c.Sản phẩm***: Suy nghĩ của học sinh.

***d.Tổ chức thực hiện***:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức trò chơi “Đố vui”. Đội nào trả lời đúng và nhiều câu nhất sẽ là đội chiến thắng.  \*Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan đến con người hoặc xã hội mà em đã biết, giải nghĩa sơ lược?  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  -HS lắng nghe, quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.**  -GV tổ chức hoạt động  -HS tham gia trò chơi.  **Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài. | -Gợi ý  +Có công mài sắt, có ngày nên kim.  +Một mặt người bằng mười mặt của.  +Người ta là hoa đất.  +Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  …. |

**B.Hoạt động hình thành kiến thức**

***Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản.***

***a.Mục tiêu:***Biết cách đọc văn bản

***b.Nội dung***: HS sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

***c.Sản phẩm học tập***: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

***d.Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu chú thích.**  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  -GV chuyển giao nhiệm vụ  +GV hướng dẫn cách đọc( yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)  +GV đọc mẫu thành tiếng hai câu tục ngữ đầu, sau đó học sinh thay nhau đọc thành tiếng toàn văn bản.  +GV tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật. HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ, mỗi ô là một từ khóa là những chú thích. Chọn đúng từ khóa nào thì học sinh sẽ giải thích nghĩa của từ khóa đó.  -HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  -GV nhận xét, bổ sung, chốt laik kiến thức. | **I.Trải nghiệm cùng văn bản**  **1.Đọc**  -HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với tốc độ đọc.  **2.Chú thích**  -Không tày  -Sóng cả  -Ngã |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

***a.Mục tiêu***

-Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

-Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

-Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu được nội dung văn bản.

***b.Nội dung:*** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm***: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của hs.

***d.Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **NV1: Tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ.**  *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  -GV chuyển giao nhiệm vụ  \* HS hoàn thành phiếu học tâp số 1,2,3 để tìm hiểu văn bản; HS làm việc theo nhóm.  -HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc theo nhóm.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  -GV nhận xét, bổ sung, chốt laik kiến thức.  **NV2: Bài học rút ra những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.**  *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  \*Khi đọc tục ngữ và sử dụng tục ngữ, chúng ta cần những lưu ý nào?  -HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  **NV3:Nội dung của những câu tục ngữ về con người và xã hội.**  *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  \*Khái quát nội dung của các câu tục ngữ về con ngươi và xã hội?  -HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  1. **Đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ.**  **a.Số chữ, số dòng, vế câu**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Số chữ | Số dòng | Số vế | | 1 | 4 | 1 | 2 | | 6 | 8 | 1 | 2 | | 8 | 8 | 1 | 2 | | 9 | 8 | 2 | 2 |   **b.Hiệp vần, loại vần**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Cặp vần | Loại vần | | 3 | Thầy-mày | Vần cách | | 4 | Thầy -tày | Vần cách | | 5 | Cả-ngã | Vần cách | | 7 | Non-hòn | Vần cách | | 8 | Bạn-cạn | Vần cách |   **c.Biện pháp tu từ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ ngữ | Biện pháp tu từ | Tác dụng | | “Ăn quả” | Hưởng thành quả( ẩn dụ) | Làm cho các câu tục ngữ giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm. | | “Nhớ kẻ trồng cây” | Biết ơn những người đã tạo ra thành quả(ẩn dụ) | | “Sóng cả” | Khó khăn, thử thách(ẩn dụ) | | “Ngã tay chèo” | Buông xuôi, không tiếp tục nữa(ẩn dụ) | | “Mài sắt”  “Nên kim” | -Kiên trì, nổ lực vượt qua khó khăn thử thách(ẩn dụ)  -Đạt được thành quả(ẩn dụ) |   **2.Những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ**  -Xác định số dòng, số chữ, vần, cấu trúc các vế trong các câu tục ngữ.  -Xác định nghĩa của những từ ngữ mới, khó hiểu.  -Chú ý những từ ngữ, hình ảnh độc đáo.  -Tìm và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản(nếu có).  **3.Nội dung của những câu tục ngữ về con người và xã hội.**  -Thể hiện truyền thống tôn vinh giá trị con người: đạo lí, lẽ sống, nhân văn,…  -Tục ngữ còn là những bài học, những lời khuyên về cách ứng xử cho con người ở nhiều lĩnh vực: đấu tranh xã hội, quan hệ xã hội. |

**C.Hoạt động luyện tập**

***a.Mục tiêu***: Củng cố lại kiến thức đã học

***b.Nội dung***:HS hoạt động cá nhân; trình bày kết quả hoạt động.

***c. Sản phẩm***: Đoạn văn của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  \*Trình bày cảm nhận của em về một trong số các câu tục ngữ mà em vừa học một cách ngắn gọn?  -HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS làm việc cá nhân.  -GV quan sát  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -HS trình bày sản phẩm  -GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* | Một đoạn văn nêu đủ nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của một câu tục ngữ. |

**D.Hoạt động vận dụng**

***a.Mục tiêu***: Củng cố lại kiến thức đã học để làm bài tập.

***b.Nội dung***: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời , trao đổi.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  \* Hãy tìm một tình huống mà em có thể vận dụng một câu tục ngữ về con người và xã hội trong bài cho hợp lí?  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  -HS suy nghĩ,trả lời.  -GV quan sát, hỗ trợ.  *Bước 3: Báo cáo kết quả*  -GV tổ chức hoạt động.  -Chia sẻ, lắng nghe.  *Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* | -Ông cha ta luôn nhắc nhở con cháu sống theo đạo lý “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.  -Dù hoàn cảnh sống có nhiều khó khăn thì mỗi người vẫn phải luôn tự nhắc nhở mình “Đói cho sạch, rách cho thơm”. |

**\*Phiếu học tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu tục ngữ | Số chữ | Số dòng | Số vế |
| 1 |  |  |  |
| 6 |  |  |  |
| 8 |  |  |  |
| 9 |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu tục ngữ | Cặp vần | Loại vần |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 7 |  |  |
| 8 |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ngữ | Biện pháp tu từ | Tác dụng |
| “Ăn quả” |  |  |
| “Nhớ kẻ trồng cây” |  |
| “Sóng cả” |  |
| “Ngã tay chèo” |  |
| “Mài sắt”  “Nên kim” |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tuần:*** | **Thực hành tiếng Việt** | ***Ngày soạn:*** |
| ***Tiết:*** | **THÀNH NGỮ, NÓI QUÁ**  **VÀ NÓI GIẢM NÓI TRÁNH** | ***Ngày dạy:*** |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về năng lực:***

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ.

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

- Sử dụng thành ngữ, tục ngữ phù hợp với văn cảnh.

***2. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, thẻ màu, phiếu học tập, phiếu bài tập.

*PHIẾU HỌC TẬP*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Đặc điểm phân biệt*** | **Tục ngữ** | **Thành ngữ** |
| ***Hình thức*** |  |  |
| ***Chức năng*** |  |  |
| ***Ví dụ*** |  |  |

*PHIẾU BÀI TẬP*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Thành ngữ** | **Thuộc thành phần** | **Tác dụng/Ý nghĩa** |
| a) |  |  |  |
| b) |  |  |  |
| c) |  |  |  |

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG***

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV tổ chức một trò chơi ‘‘Ai nhanh hơn‘‘ để tìm ra được những câu tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ*** *:*GV trình chiếu 10 câu ví dụ, yêu cầu HS tìm ra được những câu tục ngữ có trong những ví dụ đó, mỗi bạn tìm 1 câu và hỏi thêm HS về ý nghĩa của câu tục ngữ đó:

|  |  |
| --- | --- |
| *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* | *Mẹ tròn con vuông* |
| *Cái nết đánh chết cái đẹp* | *Đi một ngày đàng học một sàng khôn* |
| *Treo đầu dê bán thịt chó* | *Đói cho sạch, rách cho thơm* |
| *Nhắm mắt xuôi tay* | *Một nắng hai sương* |
| *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng* | *Nước đổ lá khoai* |

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS quan sát và tìm nhanh câu tục ngữ.

***Bước 3: Báo cáo kết quả***

+ GV gọi lần lượt các HS tìm tục ngữ, mỗi bạn tìm đúng được nhận một ngôi sao may mắn.

+ HS trả lời.

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới*: Qua trò chơi nhỏ vừa rồi, cô nhận thấy các em đã nắm vững được kiến thức về tục ngữ của tiết học trước. Các em đã nhanh chóng tìm ra được những câu tục ngữ. Những ví dụ còn lại không phải là tục ngữ nhưng chúng ta cũng rất hay dùng trong cuộc sống. Những ví dụ đó ta gọi là thành ngữ. Vậy thành ngữ là gì, có đặc điểm và chức năng như thế nào? Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay nhé!*

***B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI***

***Hoạt động 1: Tìm hiểu Tri thức tiếng Việt***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS* | *NỘI DUNG LƯU BẢNG* | | |
| **\*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thành ngữ**  *a. Mục tiêu:* Nhận biết được đặc điểm, chức năng từ đó phân biệt được tục ngữ và thành ngữ.  *b. Nội dung:* Giáo viên sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để học sinh chủ động tìm hiểu kiến thức.  *c. Sản phẩm:* phiếu học tập của các nhóm.  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** yêu cầu HS ngồi theo vị trí nhóm, phát phiếu học tập, hướng dẫn cách thức thực hiện và quy định thời gian và cách trình bày.  - **HS** tập trung lắng nghe GV hướng dẫn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Tiến hành phân chia nhiệm vụ thực hiện để hoàn thành PHT.  - GV theo dõi, quan sát và gợi mở (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Cho 1 nhóm xung phong trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  - Gọi thêm 1 nhóm trình bày.  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi nhận kiến thức vào vở.  **\*Nhiệm vụ 2: Thực hành với ngữ liệu của bài tập số 5 SGK**  *a. Mục tiêu:*  -Nhận diện và hiểu được ý nghĩa của tục ngữ hay thành ngữ.  -Nắm vững được kiến thức.  *b. Nội dung:* Giáo viên sử dụng phương pháp vấn đáp, thuyết trình.  *c. Sản phẩm:* câu trả lời của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân để thực hiện lần lượt các nhiệm vụ sau:  Cho ví dụ:  ***“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng***  ***Ngày tháng mười chưa cười đã tối.”***  +Đây là thành ngữ hay tục ngữ? Có ý nghĩa gì?  +Câu tục ngữ có điều gì phi thực tế?  - **HS** tập trung lắng nghe GV đưa ra nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Suy nghĩ và dự kiến câu trả lời.  - GV cho thời gian suy nghĩ, theo dõi, quan sát HS và gợi mở (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Gọi 1 HS trả lời cho câu hỏi thứ nhất.  - Gọi thêm 1 HS để trả lời cho câu hỏi thứ hai.  **HS**:  - Trình bày suy nghĩ cá nhân.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về tinh thần và câu trả lời của HS.  - GV đánh giá điểm số và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo: *Đó là do nhân dân ta đã sử dụng một biện pháp tu từ làm cho câu nói giàu hình ảnh và ấn tượng hơn. Đó là biện pháp tu từ gì, các em cùng tìm hiểu thêm qua các ví dụ sau:* | **I.Tri thức tiếng Việt**  **\*Thành ngữ :**  -Khái niệm: Là một tập hợp từ cố định quen dùng.  VD: *Chậm như rùa, nhanh như cắt, đen như cột nhà cháy,..*  -Chức năng: làm cho lời nói, câu văn trở nên giàu hình ảnh, cảm xúc (là 1 bộ phận của câu). | | |
| **\*Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu biện pháp Nói quá** | | | |
| *a. Mục tiêu:*Nắm được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.  *b. Nội dung:* Giáo viên sử dụng phương pháp vấn đáp, thuyết trình.  *c. Sản phẩm:* câu trả lời của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** cho 5 câu thành ngữ nhưng mỗi thành ngữ còn khuyết 1 từ:  ***1/lớn nhanh như…….***  ***2/đi………. trong bụng***  ***3/mình đồng da ……***  ***4/một bước lên ……..***  ***5/ vắt……..lên cổ***  *+Em hãy tìm từ còn thiếu trong mỗi câu thành ngữ.*  *+Những thành ngữ này có gì giống nhau về cách thể hiện nội dung?*  - **HS** tập trung lắng nghe GV giao nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.  - GV theo dõi, quan sát HS và gợi mở (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Gọi HS trình bày.  - Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **HS**:  - Trình bày suy nghĩ cá nhân.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét tinh thần và câu trả lời của HS.  - GV chốt kiến thức.  - HS ghi nhận kiến thức vào vở. | | | **\*Nói quá:**  -Khái niệm:là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.  *VD: Tát cạn biển Đông.* |
| **\*Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu biện pháp Nói giảm nói tránh** | | | |
| *a. Mục tiêu:* Nắm được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.  *b. Nội dung:* Giáo viên sử dụng phương pháp vấn đáp, thuyết trình.  *c. Sản phẩm:* câu trả lời của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** cho ví dụ: “*Chẳng ai muốn thấy một “cao thủ dế” qua đời bằng cách đó.”*  +Trong câu trên từ “*qua đời*” được dùng thay thế cho từ nào?  +Việc dùng từ “*qua đời*” có tác dụng gì?  - **HS** tập trung lắng nghe GV giao nhiệm vụ**.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, dự kiến câu trả lời.  - GV cho thời gian suy nghĩ, theo dõi, quan sát HS và gợi ý (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Gọi HS trả lời, gợi mở (nếu cần).  - Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **HS**:  - Trình bày suy nghĩ cá nhân  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét và chốt kiến thức.  - HS ghi nhận kiến thức vào vở. | | **\*Nói giảm nói tránh**  -Khái niệm:là biện pháp dùng cách diễn đạt tế nhị, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.  VD:  +Sử dụng những từ đồng nghĩa, gần nghĩa: *qua đời, mất, ra đi, từ trần,..*  +Sử dụng cách nói đối lập: *Bạn ấy không được cao; Bạn ấy hát chưa hay;…*  +Sử dụng cách nói hàm ý:  A: Bạn Nam học Toán giỏi không?  B: *Mình thấy trong các môn thì bạn ấy học văn rất tốt, rất có khiếu văn chương.* | |
| **\*Nhiệm vụ 5: Thực hành BT số 6 SGK** | | | |
| *a. Mục tiêu:* Phát hiện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ NGNT  *b. Nội dung:* Giáo viên sử dụng phương pháp vấn đáp, thuyết trình.  *c. Sản phẩm:* câu trả lời của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:GV** gọi HS đọc yêu cầu BT số 6.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.  - GV cho thời gian suy nghĩ, theo dõi, quan sát HS và gợi ý (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Gọi HS trả lời, gợi mở (nếu cần).  - Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **HS**:  - Trình bày suy nghĩ cá nhân  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét và chốt kiến thức.  - HS lắng nghe và ghi nhớ. | | | **Bài tập 6**: Cách diễn đạt “về với thượng đế chí nhân” là sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh để thay thế cho cái chết. Với cách diễn đạt này khiến cho câu văn trở nên nhẹ nhàng, bình thản hơn qua đó bộc lộ được tình cảm yêu quí của người cháu dành cho người bà thân thương của mình. |

***Hoạt động 2: Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| *HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS* | *NỘI DUNG LƯU BẢNG* |
| **\*Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1.**  *a. Mục tiêu:* HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về thành ngữ.  *b. Nội dung:* GV cho HS thảo luận cặp đôi.  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu bài tập- yêu cầu học sinh hoạt động nhóm đôi, làm bài tập vào phiếu bài tập trong 5 phút, sau đó thống nhất và chia sẻ.  Xác định thành ngữ trong các câu sau, cho biết thành ngữ đó là thành phần nào của câu và nêu tác dụng của thành ngữ tìm được.  a) *Được mười điểm kiểm tra môn Toán, nó vui như Tết.*  b) *Vì không có nhiều thời gian nên chúng tôi cũng chỉ cưỡi ngựa xem hoa thôi.*  c) *Khi tối lửa tắt đèn, họ luôn giúp đỡ lẫn nhau.*  *PHIẾU BÀI TẬP*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Câu*** | ***Thành ngữ*** | ***Thuộc thành phần*** | ***Tác dụng/***  ***Ý nghĩa*** | | a) |  |  |  | | b) |  |  |  | | c) |  |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cặp đôi làm bài tập vào phiếu bài tập trong 5 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo, đại diện chia sẻ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm đôi  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá điểm số cho nhóm có sản phẩm tốt nhất, chốt kiến thức. | **II.Luyện tập**  **Bài tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Câu*** | ***Thành ngữ*** | ***Thuộc thành phần*** | ***Tác dụng/***  ***Ý nghĩa*** | | a) | Vui như Tết | Vị ngữ | Cảnh vui vẻ, tưng bừng, nhộn nhịp | | b) | Cưỡi ngựa xem hoa | Vị ngữ | Làm một việc qua loa, đại khái, không tìm hiểu kĩ | | c) | Tối lửa tắt đèn | Trạng ngữ | Chỉ những lúc khó khan, hoạn nạn | |
| **\*Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 4+7** | |
| *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành làm bài tập để biết cách sử dụng thành ngữ phù hợp với văn cảnh, rèn luyện kĩ năng đặt câu.  - HS thực hành làm bài tập để ôn lại kiến thức về biện pháp tu từ so sánh: nhận diện và nêu được tác dụng của phép so sánh.  *b. Nội dung:* Học sinh làm bài tập bằng sản phẩm viết dưới hình thức bài kiểm tra cá nhân.  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**GV yêu cầu HS thực hiện BT 4 và 7 trên giấy cá nhân trong 10 phút sau đó nộp cho GV.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào giấy cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:Yêu cầu HS nộp bài.  **HS**:Nộp bài cho GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ làm bài của HS.  - GV sửa chữa, đánh giá vào tiết học sau. | ***Bài tập 4:***  HS đặt câu có sử dụng các thành ngữ: *nước đổ đầu vịt, như hai giọt nước, trắng như tuyết.*  Yêu cầu: HS viết đúng cấu trúc câu, có gạch chân thành ngữ được sử dụng.    ***Bài tập 7:***  -Hình ảnh so sánh:  *+vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên song*  *+tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng*  *+Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa.*  *+Chim già đãy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám*  *+Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quằn nhành cây.*  -Tác dụng: Với những hình ảnh so sánh làm cho đối tượng được miêu tả trở nên cụ thể, chi tiết và sinh động hơn, góp phần vẽ nên một khung cảnh đất rừng phương Nam hoang dã, náo nhiệt bởi sự phong phú của các loài sinh vật nơi đây. |

***C.VẬN DỤNG***

*a. Mục tiêu:* Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

*b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập 3SGK bằng trò chơi.

*c. Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV tổ chức trò chơi: “Anh xanh em đỏ”

**\*Luật chơi:**

* Mỗi em được phát một tấm thẻ màu đỏ và một tấm thẻ màu xanh.
* GV đọc lần lượt các ví dụ có trong BT 3, nếu là tục ngữ thì HS giơ thẻ màu đỏ, nếu ví dụ là thành ngữ thì HS giờ thẻ màu xanh.
* Em nào giơ thẻ đúng hết các ví dụ thì chiến thắng.
* Em nào có lượt sai thì đứng lên bục và chịu hình phạt của những bạn chiến thắng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- GV** đọc lần lượt các ví dụ.

**- HS** lắng nghe GV đọc ví dụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:Yêu cầu HS giơ thẻ

**HS**:Giơ thẻ cá nhân

**GV**:Công bố đáp án và gọi những HS giơ thẻ sai lên bục.

**HS**:làm theo chỉ dẫn của GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- HS: những bạn chọn sai chịu hình phạt của những bạn chiến thắng.

- GV nhận xét thái độ tham gia trò chơi, đánh giá kết quả và yêu cầu HS về nhà sưu tầm thêm tục ngữ và thành ngữ ghi vào tấm thẻ màu phù hợp, tiết sau sẽ gọi báo cáo.

VIẾT

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**(Thời lượng: 3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.

- Vấn đề và ý kiến trong bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học:

+ Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động. Ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.

+ Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

+ Biết trách nhiệm, vai trò của mình trong nhóm ứng với công việc cụ thể.

+ Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thức đẩy hoạt động chung; chia sẻ khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

+ Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.

+ Đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

***\* Năng lực đặc thù***

- Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết.

- Đưa ra được lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Thiết bị***

Máy tính, máy chiếu…

***2. Học liệu***

SGK, sách tham khảo, bảng kiểm…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

**Nội dung**: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**Tổ chức thực hiện**:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV: Hãy nêu ra một số câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong cuộc sống mà em đã từng đọc qua hoặc yêu thích.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ, đưa ra đáp án.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

HS khác nhận xét.

***B4: Kết luận, nhận định (GV):***

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:

Em đã được học kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ở bài hành trình tri thức. Trong bài học này, em tiếp tục sử dụng kĩ năng đó để viết một bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về một câu tục ngữ hoặc một câu danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (25’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC BƯỚC ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT CÂU TỤC NGỮ HOẶC DANH NGÔN BÀN VỀ VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG** | |
| **Mục tiêu:** HS biết được  - Kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.  - Vấn đề và ý kiến trong bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.  - Lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.  **Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, tự tìm hiểu về các yêu cầu trong các bước làm bài. Yêu cầu HS giải thích nội dung của các yêu cầu ấy. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm cần đạt** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  - GV cho HS thảo luận cặp đôi (5’): Đọc và trao đổi, tìm hiểu các bước được gợi ý trong SGK.  - GV cho các nhóm HS lần lượt thuyết trình về các bước làm bài. GV có thể yêu cầu HS lấy ví dụ (nếu cần thiết).  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  *B3: Báo cáo, thảo luận*  - HS báo cáo kết quả theo yêu cầu của GV.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *B4: Kết luận, nhận định*  - GV nhận xét, tổng hợp lại kiến thức. | **I. Quy trình viết**  Nội dung trang 37, 38, 39 SGK |

**3. HĐ 3: Luyện tập (100’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC (…’)** | |
| **Mục tiêu:** HS có thể:  - Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết.  - Đưa ra được lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  **Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân viết bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  - GV cho HS làm việc cá nhân viết bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.  - Sau khi HS đọc, GV chiếu bài làm của HS lên cho HS khác nhận xét.  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS viết bài.  - HS tự đối chiếu bảng kiểm để kiểm tra bài làm của mình.  *B3: Báo cáo, thảo luận*  - HS lần lượt đọc bài viết.  - HS khác lắng nghe, sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài làm của bạn.  *B4: Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, đánh giá. | **II. Luyện tập**  Đề bài: Viết bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống. |
| ***Mở bài:***  Trong cuộc sống, con người ta đều có những thành công đạt được và những ước mơ muốn vươn tới. Và để thực hiện được điều đó thì ta phải có lòng kiên trì, bền bỉ, nỗ lực. Chính vì vậy ông cha ta đã có câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim” để động viên, khích lệ hay nói một cách khác là khuyên răn con cháu, dạy bảo những kinh nghiệm trong đời thường, cuộc sống. Câu tục ngữ được chia làm hai vế, mỗi vế có 4 từ. Hai vế này có hai cặp từ tương ứng với nhau: “Có công – có ngày; mài sắt – nên kim”. Một vế chỉ sự nỗ lực, một vế chỉ thành quả đạt được.  ***Thân bài***  Cây kim tuy nhỏ nhưng nó rất có ích, tròn trịa, trơn bóng, sắc nét. Để mài được một cây kim như vậy thì thật là khó. Câu tục ngữ này mượn hình ảnh cây kim để nói lên được phẩm chất cao quý truyền thống của dân tộc Việt Nam từ hàng nghìn đời nay. Từ những việc nhỏ như quét nhà, nấu cơm đến những việc lớn như xây dựng đất nước, chống giặc ngoại xâm.  Những thành tựu hiện nay mà ông cha ta đạt được đã minh chứng cho điều đó. Những tháp chùa cổ kính có giá trị, một số công trình nghệ thuật nổi tiếng như tháp Chương Sơn, chuông chùa Trùng Quang… với những đường nét hoa văn thanh thoát, mạnh mẽ, thể hiện tinh thần thượng võ, yêu nước. Và một thành tựu lớn nhất của ông cha ta đó chính là xây dựng nên được một quốc gia văn minh, nhân dân đồng lòng, đất nước yên bình. Công cuộc dựng, giữ, phát huy, đổi mới đất nước đó đã thể hiện được sự bền bỉ, chịu thương chịu khó, sự sáng tạo, lao động kiên cường của ông cha ta. Trong lao động sản xuất, nhân dân ta cũng đã có những việc làm và kết quả đạt được để khẳng định ý nghĩa của câu tục ngữ trên là hoàn toàn đúng.  Từ xưa tới giờ, đất nước ta đã gặp phải những khó khăn rất lớn, từ những thảm hoạ thiên nhiên như lụt lội, bão bùng đến những cuộc chiến tranh do con người tạo ra nhưng nhờ sự cố gắng, chịu đựng, vượt khó mà chúng ta đã khắc phục được những trở ngại đó. Và trong học tập thì điều đó lại càng được khẳng định rõ nét hơn. Những em bé chập chững bước vào lớp một, tập toẹ đánh vần, viết chữ đến những năm tháng tiếp theo lên lớp, phải kiên trì cần cù mới mong đạt được kết quả tốt trên con đường học tập của mình.  Trong đường đời cũng vậy, những danh nhân, thương gia, thi sĩ, nhà nho, nhà văn nổi tiếng cũng từng phải vất vả, hi sinh, sử dụng những kiến thức mình có nhưng không thể thiếu đi và phải luôn gắn liền với sự kiên trì, chuyên cần, sáng tạo mới có thể thành đạt.  Những tấm gương chăm học, những tấm gương chịu khó như Bác Hồ là một điển hình rõ nét nhất. Bác đã phải vất vả làm việc, chịu khó học tiếng nước ngoài, đi bôn ba khắp nơi để tìm đường cứu nước. Thật hiếm ai như vậy! Và cũng nhờ những sự nỗ lực đó mà đất nước ta mới được tự hào về một danh nhân, một vị lãnh tụ vĩ đại nổi tiếng mà khắp năm, châu bốn bể đều biết tới.  ***Kết bài***  Câu tục ngữ trên với hình thức ngôn từ dân dã nhưng thật ngắn gọn súc tích, bao hàm những ý nghĩa sâu xa. Đó chính là những đúc kết lâu đời trong quá trình lao động, kinh nghiệm chiến đấu, sản xuất và cả trong đời thường cuộc sống của ông cha ta. Nó như một bài học quý báu, một thông điệp hữu dụng, một lời dạy chân tình rằng: “Hãy biết tu dưỡng, rèn luyện những đức tính, phẩm chất kiên trì, nhẫn nại, chịu khó, cần cù, sáng tạo, kết hợp với khả năng vốn có của bản thân để làm nên một sức mạnh vô địch vượt mọi gian truân, vất vả trong cuộc sống, những trở ngại éo le nhất mà đi tới thành công, thắng lợi”. Nào chúng ta hãy bắt đầu bằng những việc nhỏ nhất như học tập chăm chỉ, lao động cần cù để trở thành con ngoan trò giỏi, trở thành chủ nhân tương lai của đất nước nhé! | |

**4. HĐ 4: Vận dụng (5’)**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng được kiến thức về cách làm bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn để làm được bài văn nghị luận cho một đề văn cụ thể.

**b) Nội dung:**GV giao bài tập, yêu cầu HS thực hiện ở nhà và gởi lên nhóm học tập để HS cùng nhau đánh giá.

**c) Sản phẩm:**Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

*B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:

- GV nêu yêu cầu: Viết bài văn nghị luận (khoảng 700 chữ) bàn về câu nói của nhà văn Nga Maksim Gorky: “*Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương*”

- GV phân công nhóm HS nhận xét bài làm của nhau.

*B2: Thực hiện nhiệm vụ:*HS viết bài ở nhà, gởi bài làm lên nhóm học tập cho các HS khác nhận xét.

*B3: Báo cáo, thảo luận:*HS khác nhận xét theo sự phân công của GV.

*B4: Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, đánh giá.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tuần:*** | **NÓI VÀ NGHE** | ***Ngày soạn:*** |
| ***Tiết:*** | **XÂY DỰNG VÀ TÔN TRỌNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT** | ***Ngày dạy:*** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**2. Phẩm chất:**

- Trung thực: trình bày đúng với những quan điểm, suy nghĩ của bản thân.

- Trách nhiệm: chịu trách nghiệm với những ý kiến của cá nhân đưa ra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Giáo án
* SGK, SGV
* Phiếu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Ý kiến của tôi** | **Lí do** |
|  |  |
|  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Ngoài những cách để thể hiện ý kiến và phản hồi, tiếp thu ý kiến mà sgk đã gợi ý thì theo em còn cách nói nào hay hơn?** |

* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ Ở NHÀ** | |
| **Ý kiến của tôi** | **Ý kiến của phụ huynh** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG***

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV tổ chức một cuộc phỏng vấn ngắn.

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***

*GV nêu câu hỏi phỏng vấn: Trong buổi thảo luận, em đã từng bắt gặp những trường hợp nào khiến cho cuộc thảo luận rơi vào thất bại?*

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ nhanh và chuẩn bị câu trả lời.

***Bước 3: Báo cáo kết quả***

+ GV gọi liên tiếp nhiều hs bất kì trả lời nhanh câu hỏi

+ HS trình bày suy nghĩ cá nhân.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*Dự kiến câu trả lời: Các bạn không tích cực vào cuộc thảo luận mà làm việc riêng; Phân công công việc không hợp lí, các bạn tranh cãi dẫn đến xích mích,…*

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới*: Các ý kiến mà các em vừa nêu quả thật là những vấn đề thực tế mà chúng ta đang gặp phải cho bất kì cuộc bàn luận, trao đổi. Chúng ta đã nhìn ra được vấn đề và điều bây giờ ta cần làm là tìm những giải pháp để khắc phục những vấn đề đó. Để làm được điều đó hôm nay cô trò chúng ta cùng thực hành một buổi trao đổi, thảo luận với một chủ đề cụ thể nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Thu thập thông tin, xây dựng những ý kiến để chuẩn bị trình bày.

**b. Nội dung:** Hướng dẫn HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để phục vụ cho bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Hoạt động cá nhân 7 phút**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS ngồi theo vị trí nhóm.  -GV phát PHT số 1.  -GV yêu cầu HS đọc nội dung sách giáo khoa đến hết trang 39 và thực hiện PHT số 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS tiến hành đọc SGK.  -Hoàn thành PHT số 1 của cá nhân.  -GV theo dõi, quan sát và gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  + GV gọi một vài HS trình bày PHT số 1.  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung.  + HS tự điều chỉnh sản phẩm của cá nhân. | **Chủ đề trao đổi:** Trao đổi ý kiến về hai câu tục ngữ: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “Bán anh em xa mua láng giềng gần”.*  -GV ghi một số ý kiến tiêu biểu của HS lên bảng. |
| **\*Hoạt động nhóm 8 phút theo hình thức khăn trải bàn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV phát PHT số 2 và hướng dẫn HS cách thực hiện.  -GV yêu cầu HS đọc nội dung sách giáo khoa đến hết trang 40 và thực hiện PHT số 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS tiến hành đọc SGK.  -Hoàn thành PHT số 2 bằng cách mỗi thành viên của nhóm sẽ ghi ý kiến cá nhân vào một ô vị trí sau đó chuyền cho HS kế tiếp, lần lượt đến hết nhóm.  -GV theo dõi, quan sát và gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  + GV cho các nhóm trình bày theo tinh thần xung phong.  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung.  + HS tự điều chỉnh sản phẩm của nhóm. | -GV ghi một số ý kiến tiêu biểu của HS lên bảng. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thực hành trình bày trao đổi ý kiến về một vấn đề.

**c. Sản phẩm học tập:** Ý kiến và sự tiếp thu phản hồi ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp luyện nói theo nhóm. GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 2 dãy lớp tiến hành trao đổi, thảo luận. Nhắc HS nhìn vào bảng kiểm trong SGK để tăng hiệu quả của luyện tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS luyện nói  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  + GV lắng nghe, quan sát và ghi nhận HS trình bày.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + HS tự đánh giá theo bảng kiểm.  + Cho HS tự bình chọn nhóm có phần trao đổi tốt nhất.  + GV nhận xét, đánh giá điểm số. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Qua buổi thảo luận vừa rồi, em rút ra được những kinh nghiệm gì trong quá trình thảo luận, trao đổi?*  - HS lắng nghe và tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ cá nhân.  + GV quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày suy nghĩ cá nhân.  + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại vấn đề |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Thực hiện ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện.

**b. Nội dung:**Yêu cầu HS trao đổi về chủ đề “việc chơi game của học sinh hiện nay” với phụ huynh.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu nộp sản phẩm thực hiện ở nhà.

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về năng lực:**

- Biết tìm hiểu yếu tố, đặc điểm, chức năng của tục ngữ.

- Biết cách làm một bài văn nghị luận

- Biết phân tích, so sánh sự khác nhau giữa tục ngữ với thành ngữ. .

**2. Về phẩm chất:**

- Biết tôn trọng ý kiến của người khác và bảo vệ ý kiến của mình

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tài liệu, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”: Em hãy quan sát hình ảnh và cho biết nội dung những câu tục ngữ tương ứng?





- HS tiếp nhận nhiệm vụ, bạn nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập lại các văn bản tục ngữ đã học và khắc sâu kiến thức ở những nội dung khác.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật dạy học:** đàm thoại gơi mở. hợp tác

**- Người đánh giá, sản phẩm, công cụ đánh giá:** GV đánh giá HS, Hs đánh giá lẫn nhau

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về văn bản và thể loại**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Gv nêu yêu cầu HS tự khái quát lại kĩ năng đọc các văn bản  - Chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm.  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Nội dung | Thể loại | | *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết* |  |  | | *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* |  |  |   **Câu 2:** Hãy xác định số dòng, số chữ, các cặp vần, các vế, biện pháp tu từ trong các câu tục ngữ sau:   1. Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng 2. Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước 3. Én bay thấp, mưa ngập bờ ao   Én bay cao, mưa rào lại tạnh  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Câu 3: Thành ngữ và tục ngữ khác nhau như thế nào?  **Câu 4:** Viết 3 câu có sử dụng biện pháp nói quá và 3 câu có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Chia sẻ kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn. Từng HS nêu hai kinh nghiệm của mình có được khi thực hành viết văn nghị luận trình bày ý kiến về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.      HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Khi trao đổi ý kiến về một vấn đề trong đời sống, em cần lưu ý những gì để có thể trao đổi một cách tôn trọng và xây dựng ý kiến khác biệt.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích làm bài tập 6.  - HS thảo luận cặp đôi  - GV hướng dẫn HS khi cần thiết.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 4: Khái quát tri thức : Qua bài học em hiểu thế nào về “trí tuệ dân gian”?**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích làm bài tập 7.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS nêu cách hiểu của mình về “trí tuệ dân gian”  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1:**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Nội dung | Thể loại | | *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết* | Dự báo về tinh hình thời tiết và giải thích các hiện tượng tự nhiên. | Tục ngữ | | *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* | đưa ra những kinh nghiệm, bài học quý báu trong quá trình lao động sản xuất. | Tục ngữ |   **Câu 2:** Hãy xác định số dòng, số chữ, các cặp vần, các vế, biện pháp tu từ trong các câu tục ngữ sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Số dòng | Số chữ | Các cặp vần | Các vế | Biện pháp tu từ | | a | 1 | 8 | Đen-đèn | 2 | Ẩn dụ | | b | 1 | 8 | Uôm-chuôm | 2 |  | | c | 2 | 14 | Ao- rào | 4 | Từ trái nghĩa |   **Câu 3:** Gợi ý:   |  |  | | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Tục ngữ** | | -Là các cụm từ cố định | -Là một câu ngắn gọn và có hoàn chỉnh về cấu tạo ngữ pháp. | | -Chưa diễn đạt được một ý trọn vẹn | **-** Diễn đạt được một ý, nội dung trọn vẹn hoàn chỉnh. |   **Câu 4:** HS tự đăt câu phù hợp.  Sản phẩm dự kiến:  **Câu 5: Gợi ý** thảo luận chia sẻ nhóm đôi.  Chia sẻ kinh nghiệm mà em có được khi thực hành viết văn nghị luận trình bày ý kiến về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống  - Chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có trước câu hỏi).  - Tự tin trình bày ý kiến của mình.  - Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác.  - Ghi lại và chia sẻ những ý kiến mình chưa rõ để được giải đáp.  - Cùng thảo luận và đi đến thống nhất chung.  **Câu 6: Gợi ý**  -Chuẩn bị tốt nội dung trao đổi.  - Cách trao đổi  - Thể hiện trực tiếp, rõ ràng ý kiến về vấn đề cần trao đổi.  - Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  - Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí.  - Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác.  - Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ tôn trọng.  - Tôn trọng các ý kiến khác biệt.  **Câu 7: Gợi ý**  Trí tuệ dân gian là kho tàng tri thức được đúc kết từ trí tuệ và kinh nghiệm sống bao đời của dân tộc. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Đọc khắc sâu các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật dạy học:**đàm thoại gơi mở

**- Người đánh giá, sản phẩm, công cụ đánh giá:** GV đánh giá HS, Hs đánh giá lẫn nhau

|  |
| --- |
| **HĐ của thầy và trò** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi thêm một số HS đọc trước lớp các câu thành ngữ, tục ngữ có biện pháp nói quá, nói giảm nói tránh, các HS còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.  - HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét bài làm của HS. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật dạy học:**đàm thoại gơi mở

**- Người đánh giá, sản phẩm, công cụ đánh giá:** GV đánh giá HS, Hs đánh giá lẫn nhau

|  |
| --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản mẫu cùng thể loại để khắc sâu kiến thức.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả**   * HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. |

**Danh sách GV soạn bài 8: Nét đẹp văn hoá Việt.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Bài*** | ***Nội dung soạn*** | ***Tên người soạn*** | ***Địa chỉ*** |
| Bài 8 – **NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT**  (Văn bản thông tin) | -Trò chơi cướp cờ | Lê Văn Bình | THCS Lương Thế Vinh – Quy Nhơn - Bình Định. (ĐT:0905168837) |
| -Cách gọt củ hoa thủy tiên | Lê Mai | Đà Nẵng ( ĐT 0766518074 |
| -[Đọc kết nối chủ điểm: Hương khúc](https://tech12h.com/bai-hoc/soan-bai-8-doc-ket-noi-huong-khuc.html)  -[Thực hành tiếng việt](https://tech12h.com/bai-hoc/soan-bai-8-thuc-hanh-tieng-viet-trang-54.html) | Đinh Thị Hiền | THCS Phan Bội Châu - Đà Nẵng (0935804467) |
| -[Đọc mở rộng theo thể loại: Kéo co](https://tech12h.com/bai-hoc/soan-bai-8-doc-mo-rong-keo-co.html)  -[Viết văn bản tường trình](https://tech12h.com/bai-hoc/soan-bai-8-viet-van-ban-tuong-trinh.html) | Thuytrinhvuong | THCS An Hải, Tuy An - Phú Yên ( ĐT 0976796955) |
| -Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.  -[Ôn tập](https://tech12h.com/bai-hoc/soan-bai-8-tap.html) | Mai Thu | THCS Chu Văn An Thanh Khê – Đà Nẵng (0869171300) |

**BÀI 8: NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT**

**(Văn bản thông tin)**

**Môn: Ngữ văn 7 - Số tiết:** 13 tiết



**I. MỤC TIÊU**

*-Học sinh đạt được****:***

**1. Năng lực**

***\* Năng lực đặc thù***

-Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.

-Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản.

-Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản in hoặc văn bản điện tử.

-Nhận biết được đặc điểm và chức năng của số từ.

-Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

-Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

\* ***Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động .

**II. KIẾN THỨC**

-Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: cấu trúc và đặc điểm hình thức:

+ HS nắm được cấu trúc của loại văn bản này thường có 3 phần:

+ HS nắm được đặc điểm hình thức của văn bản.

-Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG : MỞ ĐẦU** *(Dự kiến thời lượng: 3 phút)*

***a. Mục tiêu****:*

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS cùng theo dõi video theo link sau và chia sẻ cảm nghĩ của mình nhé !

<https://www.youtube.com/watch?v=c9QLRMZMr6A>

***c. Sản phẩm:***

Câu trả lời của HS: Cảm xúc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS theo dõi Video Trò chơi dân gian: Cướp cờ và chia sẻ cảm xúc của mình sau khi xem xong Video.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi

GV theo dõi, quan sát HS

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Cảm xúc của HS:

+ Tạo không khí vui vẻ, thi đua, tính tập thể, tinh thần đoàn kết khi chơi.

+ Nhớ lại ký ức tuổi thơ ...

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

Mỗi dân tộc đều có những nét đẹp văn hoá riêng, thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, trò chơi, cách bài trí nhà cửa, chế biến món ăn, thưởng trà, chơi hoa,... Tất cả đều là những di sản văn hoá mà cha ông để lại. Những nét văn hoá ấy chảy trong huyết quản của chúng ta và được lưu truyền từ đời này qua đời khác.

Những văn bản thông tin trong bài học này sẽ giúp em nhận ra vẻ đẹp của những trò chơi dân gian, cách chơi hoa trong ngày Tết cổ truyền. Từ đó góp phần gìn giữ, lưu truyền và lan toả những vẻ đẹp của văn hoá dân tộc

**B.HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** *(Dự kiến thời lượng: 80 phút)*

**Hoạt động 1: Tri thức Ngữ văn.**

***a. Mục tiêu****:*

- Hệ thống tri thức đọc hiểu về đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS trình bày theo nhóm kết quả mà nhóm đã chuẩn bị ở nhà theo phiếu học tập đã giao, để hệ thống tri thức thể loại .

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. TRI THỨC NGỮ VĂN:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1)- *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:*    *(2)* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong PHT để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu.  Câu 1: Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, em có nhận xét gì về cấu trúc ?  **Về cấu trúc**, loại văn bản này thường có 3 phần:  Phần 1: Giới thịêu mục đích của quy trình thực hiện trò chơi hay hoạt động bằng một đoạn văn hoặc nhan đề bài viết (tên quy trình) (Vi dụ: Cách đọc sách hiệu quả,...).  Phần 2: Liệt kê những si cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động.  Phần 3: Trình bày các bước cần thực hiện. Đối với trò chơi, đó là quy tắc, luật lệ, hướng dẫn cách chơi; đối với các hoạt động khác đó là thứ tự các bước thực hiện hoạt động.  Một số văn bản có thể có thêm phần giải thích sự cần thiết của mỗi bước thực hiện  Câu 2: Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức ?  Về **đặc điểm hình thức**: loại văn bản này thường sử dụng các con số (1, 2, 3,...), từ ngữ chi thời gian (đầu tiên, tiếp theo, sau cùng,...) hoặc số từ chỉ số lượng chính xác (hai, ba,...) để giới thiệu trình tự thực hiện; từ ngữ miêu tả chi tiết cách thức hành động và một số thuật ngữ liên quan; sử dụng câu chứa nhiều động từ, câu khiến để chi hành động hoặc yêu cầu thực hiện; dùng hình ảnh minh hoạ, sơ đồ chi dẫn, đề mục để tóm tắt thông tin chính; từ xưng hô ngôi thứ hai (ví dụ. bạn,..) để chỉ người đọc.  Câu 3: Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin như thế nào ?  Văn bản thông tin cỏ thể triển khai ý tưởng và thông tin theo một số cách sau: theo trật tự thời gian (trình bày thông tin theo thứ tự xuất hiện của sự vật, hiện tượng hay hoạt động); theo quan hệ nhân qủa (trình bày thông tin theo quan hệ ý nghĩa nhân quả bằng một số từ ngữ như: lí do (của)..., nguyên nhân (của)..., vì, nên, do đó,...)', theo mức độ quan trọng của thông tin (thông tin chính được ưu tiên trình bày trước hoặc được làm nổi bật bằng cách in đậm, tô màu, gạch dưới hoặc lặp đi lặp lại,...).  Khi viết, người viết có thể kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin, nhưng thường chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin. Trong văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, người viết thường chọn cách triển khai ý tưởng và thông tin theo trật tự thời gian để làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi qua việc hình bày thứ tự các bước cần thực hiện **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + HS đặt câu hỏi phản biện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức .  Gv nhấn mạnh những đặc điểm của thể loại văn bản : .... | **I. TRI THỨC NGỮ VĂN:**  1. Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:  **Về cấu trúc**, loại văn bản này thường có 3 phần:  Về **đặc điểm hình thức**: loại văn bản này thường sử dụng các con số (1, 2, 3,...), từ ngữ chi thời gian (đầu tiên, tiếp theo, sau cùng,...) hoặc số từ chỉ số lượng chính xác (hai, ba,...) để giới thiệu trình tự thực hiện; từ ngữ miêu tả chi tiết cách thức hành động và một số thuật ngữ liên quan; sử dụng câu chứa nhiều động từ, câu khiến để chi hành động hoặc yêu cầu thực hiện; dùng hình ảnh minh hoạ, sơ đồ chi dẫn, đề mục để tóm tắt thông tin chính; từ xưng hô ngôi thứ hai (ví dụ. bạn,..) để chỉ người đọc.  2. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin .  Theo trật tự thời gian ; theo quan hệ nhân qủa ; theo mức độ quan trọng của thông tin ...  Khi viết, người viết có thể kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin, nhưng thường chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin. |

***Hoạt động 2:* Trải nghiệm cùng văn bản** *(Dự kiến thời lượng: 80 phút)*

**1. Chuẩn bị đọc:**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến chủ đề văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung bài học.

- Bước đầu biết tưởng tưởng một số hình ảnh được nhắc đến trong văn bản Trò chơi cướp cờ.

- [HS được chuẩn bị](https://blogtailieu.com/) tâm thế, động cơ, hứng thú (sự tò mò, [kích thích tìm hiểu về một](https://blogtailieu.com/) [trò chơi dàn gian mới) ch](https://blogtailieu.com/)uẩn bị cho việc đọc hiểu VB.

**b. Nội dung:**

- Hướng dẫn [HS chỉ thực hiện vi](https://blogtailieu.com/)ệc quan sát nhanh hình thức của toàn b[ộ VB (hình thức trình bày,](https://blogtailieu.com/) [nhan đề, hệ thống đề mụ](https://blogtailieu.com/)c, tranh minh hoạ, nguồn trích dẫn, .....)

- [HS dự đoán về nội](https://blogtailieu.com/) dung thông tin của VB dựa trên việc [quan sát các dầu hiệu hình](https://blogtailieu.com/) [thức của VB như nhan đề](https://blogtailieu.com/), hình ảnh minh hoạ, nguồn trích dẫn, [đọc lướt đoạn đầu và cuối](https://blogtailieu.com/) của VB.

**c. Sản phẩm học tập:**

**-**Câu trả lời miệng của học sinh về nội dung thông tin của VB dựa trên việc [quan sát các dầu hiệu hình](https://blogtailieu.com/) [thức của VB như nhan đề](https://blogtailieu.com/), hình ảnh minh hoạ, nguồn trích dẫn, [đọc lướt đoạn đầu và cuối](https://blogtailieu.com/) của VB.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Quan sát nhan đề và hình ảnh minh hoạ của văn bản, hình dung về cách chơi của trò cuớp cờ. Chia sẻ với bạn về sự hình dung ấy của em.  C:\Users\Admin\Desktop\anh 3.png  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi SGK, quan sát ảnh SGK, chia sẻ với bạn về trò chơi cướp cờ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trả lời cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv ghi nhận những câu trả lời thể hiện cảm nhận của các em .…  -GV nhận xét câu trả lời của học sinh. Dựa trên kết quả trình bày của các em để hướng dẫn học sinh cách chơi cướp cờ, lưu ý khi chơi... | **II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN.**  **1. Chuẩn bị đọc:**  Tùy theo cảm nhận của HS:  +Cách chơi cướp cờ, lưu ý khi chơi... |

**2. Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Bước đầu vận dụng kĩ năng tưởng tượng trong quá trình đọc văn bản Trò chơi Cướp cờ.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc trực tiếp văn bản

**c. Sản phẩm học tập:**

Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc trực tiếp văn bản  - Trong mục c, Hướng dẫn cách chơi, em hãy tìm từ ngữ chỉ trình tự thời gian ?  **Gv có thể dùng kĩ thuật nói to suy nghĩ của mình để làm mẫu kĩ năng tưởng tượng. Ví dụ: “Cách ghi điểm trò chơi Cướp cờ ?”**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn đọc  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *- HS hoạt động cá nhân*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  [-GV nhận xét](https://blogtailieu.com/) góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đ[ọc trôi chảy, độ to, rõ; sư](https://blogtailieu.com/) [phù hợp của tốc độ đọc, cá](https://blogtailieu.com/)ch ngăt nghi khi đọc. | **2. Đọc văn bản :**  -Từ ngữ chỉ trình tự thời gian : *Đầu tiên, tiếp theo, sau đó, kết thúc* |

**3. Suy ngẫm và phản hồi:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

-Tìm hiểu thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin trong VB .

[-Tìm hiểu mục đích](https://blogtailieu.com/) và đăc điểm của VB .

-[Tìm hiểu tác dụng](https://blogtailieu.com/) biểu đạt của phương tiện phi ngôn ng[ữ trong VB.](https://blogtailieu.com/)

-[Liên hệ, so sánh, k](https://blogtailieu.com/)ết nối VB với cuộc sống của HS .

**b. Nội dung:**

- GV cho HS thảo luận nhóm

- HS làm việc nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm học tập:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hoàn thành các phiếu học tập số 1,2,3,4,5.  C:\Users\Admin\Desktop\HINH 2.png  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:1,2,3,4,5  **\*Sản phẩm dự kiến:**  **Nhóm 1.**  **Câu 1:** Tìm trong văn bản trên những thông tin về luật chơi của trò chơi cướp cờ.  -Người chơi chỉ đuợc lên cướp cờ khi trọng tài gọi đúng s[ố thứ tự của mình.](https://blogtailieu.com/) [Chi được đập (vỗ)](https://blogtailieu.com/) nhẹ lên người chơi đối phương khi họ cầm cờ  -[Khi người chơi đã](https://blogtailieu.com/) cầm cờ chạy qua được vạch của đội m[ình thì người chơi của đội](https://blogtailieu.com/) [kia không được đập vào](https://blogtailieu.com/) ngươi bạn chơi nữa.  [-Trọng tài có thể gọ](https://blogtailieu.com/)i nhiều cặp đôi của hai đội cùng lên c[ướp cờ.](https://blogtailieu.com/)  Kết thúc cuộc chơi, đội nào được nhiều điểm hơn thì thắ[ng cuộc .Phần thưởng cho](https://blogtailieu.com/) [đội thắng có thể là hiện v](https://blogtailieu.com/)ât hoặc được đội thua cõng một vòng [quanh sân.](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 2.**  **Câu 2:** Theo em, để ghi được điểm trong trò chơi này, đội chơi phải làm gì?  Để ghi được điểm trong  [chơi này, đội chơi ph](https://blogtailieu.com/)ải chạy lên lừa lấy được cờ từ giữa sân [sau tiếng hô của trọng tài](https://blogtailieu.com/) [và chạy về đến vạch của](https://blogtailieu.com/) đội mình với cây cờ trên tay mà không [bị bạn chơi ngăn cản hoặc](https://blogtailieu.com/) [đập (vỗ) nhẹ lên người.](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 3.**  **Câu 3:** Mục đích của văn bản Trò chơi cướp cờ là gì? Những đặc điểm nào của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy?  [a. Muc đích của VB](https://blogtailieu.com/): Giới thiệu về cách thức thực hiện trò [chơi cướp cờ](https://blogtailieu.com/)  [b. Các đặc điểm sau củ](https://blogtailieu.com/)a VB đã góp phần thực hiện được mụ[c đích đó](https://blogtailieu.com/)  -Về cầu trúc: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy [trình; (b) Liệt kê những](https://blogtailieu.com/) [thứ cần chuẩn bị trước khi](https://blogtailieu.com/) chơi; (c) Trình bày cách chơi.  -[Về từ ngữ : sử dụng n](https://blogtailieu.com/)hững từ ngữ chi thời gian như. *đầu ti*[*ên, tiếp theo,*](https://blogtailieu.com/)  -[Về loại từ : câu sử dụ](https://blogtailieu.com/)ng nhiều động từ.  -[Về đề mục: sử dụng](https://blogtailieu.com/) đề mục để tóm tắt những thông tin chí[nh của VB như a. Mục](https://blogtailieu.com/) [đích, b. chuẩn bị, c. Hướ](https://blogtailieu.com/)ng dẫn cách chơi.  [-Về phương tiện giao](https://blogtailieu.com/) tiếp phi ngôn ngữ. sử dụng hình ảnh [minh hoạ cách chơi.](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 4.**  **Câu 4:** Thông tin trong văn bản Trò chơi cướp cờ được triển khai theo cách nào? Dựa vào đâu mà em xác định được? Cách triển khai thông tin ấy có tác dựng gi trong việc thực hiện mục đích của văn bản?  VB *Trò chơi cướp cờ* chủ yếu triển k[hai thông tin theo trật tự](https://blogtailieu.com/) [thời gian bởi vì tác giả đã m](https://blogtailieu.com/)ô tả rõ những việc cần chuẩn bi trước khi chơi, trình tự các bước [chơi được mô tả bằng nhữn](https://blogtailieu.com/)g từ ngữ như *đầu tiên*, *tiếp theo*, *sau* [*đó*, *kết thúc*, Cách hiển](https://blogtailieu.com/) khai thông tin như vậy gíup người đọc hình dung được các bước c[ần thực luận của trò chơi](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 5.**  **Câu 5:** Hình vẽ trò chơi trong văn bản có tác dụng như thế nào đối với việc trình bày thông tin của văn bản?  Hình vẽ trò chơi trong VB [làm cho thông tin được](https://blogtailieu.com/) [rõ ràng, giúp người đọc dễ](https://blogtailieu.com/) nhận biết cách chơi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS các nhóm trình bày phiếu học tập của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Suy ngẫm và phản hồi:**  **1. Mục đích của văn bản Trò chơi cướp cờ và đặc điểm .**  [**a. Mục đích của VB**](https://blogtailieu.com/)**:** Giới thiệu về cách thức thực hiện trò [chơi cướp cờ](https://blogtailieu.com/)  **b. Các đặc điểm** :  -**Về cầu trúc**: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy [trình; (b) Liệt kê những](https://blogtailieu.com/) [thứ cần chuẩn bị trước khi](https://blogtailieu.com/) chơi; (c) Trình bày cách chơi.  -[**Về từ ngữ** : sử dụng n](https://blogtailieu.com/)hững từ ngữ chi thời gian như. *đầu ti*[*ên, tiếp theo,*](https://blogtailieu.com/)  -[**Về loại từ** : câu sử dụ](https://blogtailieu.com/)ng nhiều động từ.  -[**Về đề mục**: sử dụng](https://blogtailieu.com/) đề mục để tóm tắt những thông tin chí[nh của VB như a. Mục](https://blogtailieu.com/) [đích, b. chuẩn bị, c. Hướ](https://blogtailieu.com/)ng dẫn cách chơi.  [**-Về phương tiện giao**](https://blogtailieu.com/) **tiếp phi ngôn ngữ:** Sử dụng hình ảnh minh hoạ cách chơi.  **2.Cách triển khai văn bản thông tin:**  VB *Trò chơi cướp cờ* chủ yếu triển k[hai thông tin theo trật tự](https://blogtailieu.com/) thời gian : *đầu tiên*, *tiếp theo*, *sau đó*, *kết thúc*, |

***Hoạt động 3: Luyện tập*** *(Dự kiến thời lượng: 4 phút)*

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nắm được những lưu ý khi đọc văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi .

**b. Nội dung**:

- GV cho HS thảo luận nhóm /cá nhân.

- HS làm việc nhóm/cá nhân trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hoàn thành phiếu học .  Câu hỏi: **-** Trình bày những lưu ý khi đọc văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi ?  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trên .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động trả lời cá nhân .  **\*Dự kiến sản phẩm:**  - Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động.  - Khi đọc, cần xem văn bản đã được trình bày theo cấu trúc rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ hay chưa.  - Việc sử dụng các từ ngữ miêu tả, hình ảnh minh họa đã hợp lí hay chưa.  - Cách triển khai trong văn bản như thế nào? Đã thể hiện được mối quan hệ với mục đích văn bản chưa?  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **III. LUYỆN TẬP.**  **-** HS trình bày:  - Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động.  - Khi đọc, cần xem văn bản đã được trình bày theo cấu trúc rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ hay chưa.  - Việc sử dụng các từ ngữ miêu tả, hình ảnh minh họa đã hợp lí hay chưa.  - Cách triển khai trong văn bản như thế nào? Đã thể hiện được mối quan hệ với mục đích văn bản chưa? |

***Hoạt động 4: Vận dụng*** *(Dự kiến thời lượng: 3 phút)*

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống

**b. Nội dung**:

- Viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nêu một vài ưu điểm cửa trò chơi dân gian (cướp cờ) so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ.

-Làm ở nhà, trên phiếu học tập gửi sản phẩm vào Zalo của GV.

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu hoàn thành phiếu học .

Viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nêu một vài ưu điểm cửa trò chơi dân gian (cướp cờ) so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

**\*Dự kiến sản phẩm:**

Viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nêu một vài ưu điểm cửa trò chơi dân gian (cướp cờ) so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, trẻ em được tiếp cận với các sản phẩm công nghệ như : Ipad, Smartphone, tivi, máy tính,..từ rất sớm. Chính vì vậy, rất nhiều đứa trẻ ít khi biết đến các trò chơi dân gian đầy thú vị. Và hơn cả, chúng ít khi biết rằng từ lâu, những trò chơi dân gian Việt Nam đã trở thành một món ăn tinh thần quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống con người từ xa xưa đến hiện đại. Sở dĩ những trò chơi dân gian lại lưu giữ được đến ngày nay vì nó có rất nhiều những ưu điểm mang lại hơn so với các trò có sử dụng các thiết bị công nghệ mà hàng ngày lũ trẻ tiếp xúc. Ngoài việc tạo ra một sân chơi lành mạnh và bổ ích thì những trò chơi dân gian còn giúp chúng ta rèn luyện những kỹ năng sống vô cùng thiết thực (điển hình như sự khéo léo, nhanh tay, lẹ mắt, giữ thăng bằng…). Đồng thời, nó giúp các người chơi phát huy sự linh hoạt, nhanh nhạy và cách xử lý vấn đề thông minh hơn. Thêm vào đó, các trò chơi dân gian cũng phù hợp với nhiều đối tượng lứa tuổi từ trẻ con, trai gái đến những người trung niên hoặc người lớn tuổi. Và cũng chính vì những ưu điểm đó mà trò chơi dân gian đã tạo nên một nét đẹp trong nền văn hóa của truyền thống Việt Nam, khác biệt hoàn toàn so với các trò chơi công nghệ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* GV yêu cầu HS gửi sản phẩm lên Zalo của GV.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*- GV nhận xét, đánh giá, ....*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

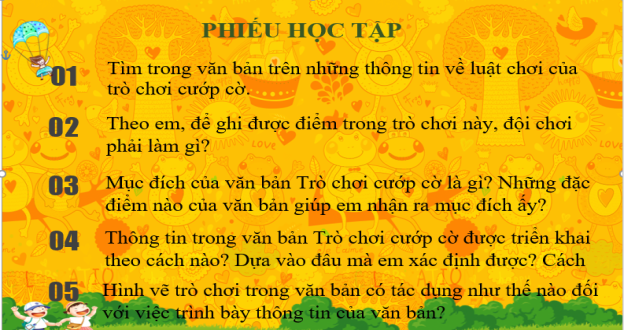
- Tìm đọc những văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Học bài, hoàn thiện sản phẩm GV đã chuyển giao nhiệm vụ.

- Chuẩn bị bài: *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên.*

**PHỤ LỤC:**

****

****

**Văn bản 2:**

**CÁCH GỌT CỦ HOA THUỶ TIÊN (2 tiết)**

**-** Theo Giang Nam –

**I. MỤC TIÊU**

*-Học sinh đạt được****:***

**1. Năng lực**

***\* Năng lực đặc thù***

-Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

-Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB chẳng hạn ( theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả. mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại)

Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngỏn ngữ trong một VB in hoặc VB điện tử.

-Nhận biết đuơc thông tin cơ bản cùa VB.

\* ***Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động .

**II. KIẾN THỨC**

-Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: cấu trúc và đặc điểm hình thức:

+ HS nắm được cấu trúc của loại văn bản này thường có 3 phần:

+ HS nắm được đặc điểm hình thức của văn bản.

-Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu****:*

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh nội dung bài học

***b. Nội dung****:*

- Gv yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi chuẩn bị đọc**  *- Khi quan sát một ai đó tí mần chăm sóc mọt nhành hoa hay một chậu cây, em có suy nghĩ như thế nào về họ? Hãy chia sẻ với bạn về điểu ấy.*  *- Dựa vào nhan đề, hình ảnh minh hoạ và đọc lướt toàn văn bản, em dự đoán văn bản này sẽ viết về việc gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện suy nghĩ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét và gợi dẫn vào bài học. | (Câu trả lời của học sinh)  - *Khi quan sát một ai đó tỉ mẩn chăm sóc một nhành hoa hay một chậu cây, em thấy họ cẩn thận, chăm chút từng tí một cho các nhanh hoa.*  ***-*** *Dựa vào nhan đề, hình ảnh minh họa và đọc lướt toàn văn bản, em dự đoán văn bản này sẽ viết về hướng dẫn cách gọt hoa thủy tiên.* |

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu****:*

- Vận dung kĩ năng đọc đã học ở bài trước, theo dõi trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

- Chia sẻ kết quả thực hiện ở nhà của nội dung trải nghiệm cùng văn bản.

***b. Nội dung****:*

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản.

Nhiệm vụ 1: Yêu cầu học sinh tự đọc thầm văn bản và vận dụng kĩ năng suy luận và tưởng tưởng để trả lời các câu hỏi.

- Nhiệm vụ 2: Gọi 1- 2 học sinh đọc to trước lớp và chia sẻ phần kết quả đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản.  Nhiệm vụ 1: Yêu cầu học sinh tự đọc thầm văn bản và vận dụng kĩ năng suy luận và tưởng tưởng để trả lời các câu hỏi.  - Nhiệm vụ 2: Gọi 1- 2 học sinh đọc to trước lớp và chia sẻ phần kết quả đọc  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của giáo viên  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *- 1- 2 học sinh đọc to trước lớp và chia sẻ phần trả lời câu hỏi.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  [-GV nhận xét](https://blogtailieu.com/) góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đ[ọc trôi chảy, độ to, rõ; sư](https://blogtailieu.com/) [phù hợp của tốc độ đọc, cá](https://blogtailieu.com/)ch ngăt nghi khi đọc.  - Gv gợi dẫn chuyển sang phần suy ngẫm và phản hồi . | **I. Trải nghiệm cùng văn bản** |

**2.2. Suy ngẫm và phản hồi:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết đuọc cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB chẳng hạn (theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả. mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại)

- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngỏn ngữ trong một VB in hoặc VB điện tử.

- Nhận biết được thông tin cơ bản cùa VB.

***b. Nội dung****:*

- Tìm hiểu Đặc điểm văn bản thông tin, cách triển khai, yếu tố phi ngôn ngữ trong VB Cách gọt củ hoa thủy tiên

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***b. Tổ chức thực hiện:***

**2.2.1. Đặc điểm văn bản thông tin Cách gọt củ hoa thủy tiên**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV có thể hướng dẫn HS Đọc lại tri thức Ngữ văn, dùng những hiểu biết về đặc điểm của VB thông tin gioi thiêu môt quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động để quan sát các dấu hiệu hình thức của VB và yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm văn bản thông tin** | | | 1.Mục đích | ……………………………………. | | 2.Cấu trúc văn bản: | ……………………………………. | | 3.Về đặc điểm hình thức | ……………………………………. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS các nhóm trình bày phiếu học tập của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2.2 Suy ngẫm và phản hồi.**  **2.2.1 Đặc điểm văn bản thông tin cách gọt củ hoa thủy tiên**  **- Câu trả lời phiếu ht số 1** |

**2.2.2. Các triển khai thông tin trong văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Giáo viên yêu cầu hs trả lời câu hỏi:**  *Xác định thông tin cơ bản vá cách triển khai thông tin trong đoạn văn: “Phải chăm chú quan sát, theo dõi cách nghệ nhân Nguyễn Phú Cường,... Đấy là vì, nếu không “tác động” sớm, từ trước khi những cái mầm nhú lên, thì tất cả lá, giò hoa, đều lên thẳng đuỗn như những mớ hành” Theo em, vì sao tác giả chọn cách triển khai thông tin như vậy ở đoạn văn này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS các nhóm trình bày phiếu học tập của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Suy ngẫm và phản hồi.**  **2..2 Cách triển khai thông tin trong văn bản**  - [Thông tin cơ bản c](https://blogtailieu.com/)ủa đoạn văn là miêu tả cách thức gọt tỉ[a củ hoa thuỷ tiên, cách](https://blogtailieu.com/) triển khai thông tin của đoạn văn này là sự kết hợp giữa cách tri[ển khai theo trật tự thời](https://blogtailieu.com/) [gian và theo mối quan hệ n](https://blogtailieu.com/)hân quả  [+ Việc triển khai thông](https://blogtailieu.com/) tin theo trình tự thời gian được thể hi[ện qua cách miêu tả thứ](https://blogtailieu.com/) [tự thực hiện các thao tác n](https://blogtailieu.com/)hư bóc vỏ củ và bao mầm, gọt bẹ củ, xén lá, cạo cuồng hoa,  [+ Việc triển khai thông](https://blogtailieu.com/) tin theo mối quan hệ nhân qủa được th[ể hiện qua cách tác giả lí](https://blogtailieu.com/) giải lí do của việc “phải gọt khi lá, giò hoa mới là những mầm vần [đang ngủ yên trong củ”](https://blogtailieu.com/)  [Tác dụng giúp ch](https://blogtailieu.com/)o người đọc hiểu hơn về cách thức t[hực hiện và ý nghĩa của](https://blogtailieu.com/) bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên trong quá trình tạo ra một bát hoa thuỷ tiên đẹp. |

**2.2. 3 Yêu tố phi ngôn ngữ và tác dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi**  - Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản này là gi? Chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động trả lời cá nhân .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS trình bày kết quả học tập.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **2.3.3 Yêu tố phi ngôn ngữ và tác dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản**  - [Loại phương tiện phi](https://blogtailieu.com/) ngôn ngữ được sử dụng trong VB này [là](https://blogtailieu.com/) các hình ảnh minh hoạ  [Tác dụng: tăng tính trực](https://blogtailieu.com/) quan cho thông tin của VB, kết hợp với [thông tin trong VB, giúp](https://blogtailieu.com/) người đọc hình dung rõ về các bước cần thực hiện trong hoạt [động gọt củ hoa thuỷ tiên,](https://blogtailieu.com/) [góp phần tạo hứng thú c](https://blogtailieu.com/)ho người đoc |

**2.2.4 Sơ đồ tóm tắt các bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Gv yêu cầu học sinh:**  Vẽ sơ đồ tóm tắt các bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động trả lời cá nhân .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức | Soạn bài 8 Đọc Cách gọt củ hoa thủy tiên |

***3. Hoạt động : Luyện tập- Vận dung***

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Kết nối nội dung văn bản với bản thân

**b. Nội dung:**Viết một đoạn văn khoảng 5 - 7 câu thể hiện cảm xúc của em...

**c. Sản phẩm:** Phần trả lời của học sinh.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Gv yêu cầu hs:** Hãy tưởng tượng em là người gọt được bát hoa thủy tiên đẹp. Khi được gắm thành quả của mình, em có cảm xúc như thế nào? Viết một đoạn văn khoảng 5 - 7 câu thể hiện cảm xúc của em.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS gửi sản phẩm lên Zalo của GV.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, ....* | - Phần trả lời của học sinh.  Sau khi đã chăm chút, gọt tỉa từ những củ hoa còn đang khô sần, xếp tròn ở một góc bàn để giờ đây nó đã trở thành một lọ hoa đẹp, tôi thật sự cảm thấy rất vui. Khi tự mình làm ra, chờ đợi thành quả để thành một lọ hoa đẹp như bây giờ, quả thật đó là một điều gì đó khá thú vị. Từ những ngày đầu bắt tay vào những công đoạn ngâm nước và gọt tỉa, tôi luôn mong rằng sản phẩm mình làm ra sẽ thành công, những bông hoa sẽ nở rộ đẹp nhất. Ngắm thành quả của mình, tôi mới thấy được những người nghệ nhân đã  thực sự kì công, tỉ mỉ đến mức nào. Thật là một thú vui tao nhã dành cho những người thưởng hoa, được ngắm những cánh trắng hé nở đầy duyên dáng mà còn mang mùi hương thanh khiết. |

**Phụ lục:**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm văn bản thông tin cách gọt củ hoa thủy tiên** | |
| 1. Mục đích | Mục đích của VB là hướng dẫn cách gọt củ hoa thủỳ tiên |
| 1. Cấu trúc văn bản: | VB có cấu trúc gồm 3 phần: giới thiệu mục đích của quy trình, liệt kê những thứ cần được chuẩn bị trước khi thực hiện, trình bày các bước thực hiện. |
| 1. Về đặc điểm hình thức | + Sử dụng các con số để đánh dấu trình tự thực hiện và một số từ ngữ chỉ thời gian như: trước tiên, đầu tiên, trước khi, sau hai ngày  + Sử dụng một số thuật ngữ liên quan đến chăm sóc hoa, cây cảnh như: củ hoa, cuống hoa, thuỷ dưỡng , chỉnh lá, chỉnh hoa... sử dụng câu chứa nhiều động từ. +Sử dụng hệ thống đề mục để tóm tắt những thông chính của VB  +Sử dụng tranh ảnh minh hoạ cách thức thực hiện. |

**Văn bản 3: Đọc kết nối chủ điểm**

**hương khúc (2 tiết)**

- Nguyễn Quang Thiều–

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề.

b. Năng lực đặc thù :

- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết chủ đề của VB; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Liên hệ với chủ điểm của bài học để hiểu hơn về chủ điểm *Nét đẹp văn hoá Việt*.

**2. Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân , phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu thich những món ăn mang đậm chất quê hương Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY VÀ HỌC**

- Kế hoạch dạy học, Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Phiếu học tập

- Bảng phụ, bảng nhóm, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề (5 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung:**

Gv: Đưa ra câu hỏi gợi mở

Hs: Theo dõi và trả lời câu hỏi

Gv: Từ đó kết nối với văn bản

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của Gv

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ ( Gv )**

* GV yêu cầu học sinh chia sẻ: *Có bạn nào đã ăn bánh khúc chưa? Hoặc bạn nào biết về cây rau khúc?*
* Gv chia sẻ hình ảnh cho các em xem.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs suy nghĩ câu trả lời

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Hs đưa ra những cảm nhận , suy nghĩ cá nhân

**B4: Đánh giá nhận định**

- Gv nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài:

***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới* (60 phút)**

* 1. **Trải nghiệm cùng văn bản**

1. **Mục tiêu:** Hướng dẫn HS cách đọc và nắm được nội dung cơ bản của văn bản

## Nội dung:HS đọc diễn cảm VB.

## Sản phẩm: Phần đọc của HS

## Tổ chức thực hiện :

* **Chuyển giao nhiệm:** GV hướng dẫn HS cách đọc diễn cảm thể hiện được cảm xúc của bài về chiếc bánh khúc qua những kỉ niệm tuổi thơ.
* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc theo nhóm, mỗi HS đọc một đoạn rồi chuyển HS khác.
* **Báo cáo, thảo luận:** HS đọc văn bản, nhận xét cách đọc.
* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét cách đọc của HS

## 2.2 Tìm hiểu nội dung kết nối chủ đề

1. **Mục tiêu**

* Có thêm thông tin về một món ăn mang đậm chất quê hương Việt Nam đó là chiếc bánh khúc.
* Đánh giá được thái độ của người viết.

1. **Nội dung**:

-Tìm hiểu hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ.

-Tìm hiểu tình cảm của tác giả.

-Nét đẹp trong văn hóa ẩm thực Việt

## Sản phẩm:

## Tổ chức thực hiện

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| * **Chuyển giao nhiệm vụ:**   Gv yêu cầu hs trả lời câu hỏi: *Hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ được miêu tả qua những chi tiết nào*   * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chia sẻ cặp đôi bằng kĩ thuật lẩu băng chuyền * **Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu một cặp bất kì trình bày trước lớp * **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | * Từ cuối tháng 11, sáng tháng Giêng, tháng 2 thi rau khúc nở trắng đầy đồng. * Từ cách làm bánh tỉ mỉ đong đầy yêu thương của bà.   Từ sự háo hức trông ngóng của một đứa trẻ chờ đợi món quà tuổi thơ. |

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tình cảm của tác giả.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| * **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS chia sẻ về vấn đề: *Người viết đã bày tỏ tình cảm thái độ gì về món bánh khúc? Em có đồng cảm với những cảm xúc ấy không?* * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chia sẻ cặp đôi bằng kĩ thuật lẩu băng chuyền * **Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu một cặp bất kì trình bày trước lớp * **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | * Được thể hiện trực tiếp và gián tiếp.   + Trực tiếp: *Mùi thơm ngậy của rau khúc đổ chín, mùi của gạo nếp, mùi của nhân đậu anh quyện với mùi hành mỡ tỏa ra và làm nên một thứ ẩm thực chứa đầy hạnh phúc lạ lùng trong tâm khảm tôi, một thứ hạnh phúc của ẩm thực nhưng thiêng liêng và da diết mơ hồ. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị của bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người; Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường.*  + Gián tiếp: Thể hiện qua cách kể tỉ mỉ, chi tiết từng công đoạn làm bánh; cách lựa chọn từ ngữ miêu tả chiếc bánh, đặc biệt là những tính từ cực tả về tính chất như*: thơm ngậy, béo ngậy, ngọt ngào, dân dã, nóng hổi.*..những biện pháp tu từ như: *Tôi nâng chiếc bánh khúc lên như nâng một báu vật, một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc*...   * Tác giả có một tình yêu thiết tha với quê hương. |

**Nhiệm vụ 3: Nét đẹp trong văn hóa ẩm thực Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| * **Chuyển giao nhiệm vụ:**   *Từ văn bản “Hương khúc” em biết thêm điều gì về văn hóa ẩm thực dân tộc ta?*   * **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chia sẻ cá nhân. * **Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu một cặp bất kì trình bày trước lớp * **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | * Món ăn được chế biến từ sản vật quê hương. * Chứa đựng sự tinh tế trong cách kết hợp nguyên liệu, gia vị * Chứa đựng dấu ấn của vẻ đẹp kí ức, tình yêu tha thiết dành cho quê hương gia đình |

## Hoạt động 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG (10 phút)

* 1. **Mục tiêu:** Kết nối chủ điểm với văn bản *Cách gọt củ hoa Thủy Tiên* và văn bản *Trò chơi cướp cờ.*

## Nội dung: Em hãy viết môt đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về sự phong phú của bản sắc văn hóa Việt.

## Sản phẩm: Bài viết của HS

## Tổ chức thực hiện

* + **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS trao đổi trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Qua 3 văn bản trên, em hãy viết môt đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về sự phong phú của bản sắc văn hóa Việt.*
  + **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ.
  + **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời cá nhân, góp ý.
  + **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt ý.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**SỐ TỪ (1 tiết)**

1. **MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Năng lực:**

**-** Nhận biết đượcsố từ, chức năng và ý nghĩa cúa nó.

- Xác định được số từ và phân biệt các loại số từ.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thương, tôn trọng

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: Máy chiếu, micro, bảng, phấn, phiếu bài tập.

**2. Học liệu**: Phần Thực hành Tiếng Việt (Thuộc chủ đề “ *Nét đẹp văn hóa Việt”)*

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi, dẫn vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh xác định những từ đã cho và cho biết thuộc loại từ nào.

**c. Sản phẩm:** Bảng làm việc nhóm

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chiếu những từ sau lên màn hình: “Một, hai, ba, những, cả, mấy”. Sau đó yêu cầu học sinh trả lời những từ trên thuộc từ loại nào trong thời gian 3 phút.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS cùng suy nghĩ, ghi đáp án ra bảng nhóm trong 2 phút (Kích cỡ bằng tờ A3)  **B3: Báo cáo, thảo luận** Học sinh làm, đọc đáp án của một vài nhóm. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét. **B4: Kết luận, nhận định (GV)**GV lắng nghe những đáp án của các nhóm, khen và thưởng sao (hoặc điểm) cho nhóm có kết quả đúng.  => GV chốt: Trong các từ đã cho đó đều là số từ. Tuy nhiên trong tiết học hôm nay, các em sẽ được làm rõ hơn về đặc điểm và chức năng của số từ. | * Đó là các số từ. |

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH TRI THỨC TIẾNG VIỆT ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được số từ là gì.

- HS hiểu được đặc điểm và chức năng của số từ.

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b. Nội dung:**

GV hướng dẫn HS phân tích VD trong sgk để nhận thấy được chức năng và đặc điểm của số từ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm trên bảng của HS.

**d. Tổ chức hoạt động**

**2.1 Đặc điểm và chức năng của số từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV hướng dẫn hs phân tích vd trong sgk  -GV chiếu vd lên và yêu cầu học sinh phân biệt ý nghĩa của 2 câu sau:  ***+ Vd1: Hai*** *cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như* ***hai*** *lưỡi liềm máy làm việc.*  ***(Tô Hoài- Dế Mèn phiêu lưu kí)***  *+****Vd2****: Đã dậy chưa hả trầu*  *Tao hái* ***vài*** *lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi*  (Trần Đăng Khoa, *Đánh thức trầu*)   * Hỏi: Các từ in đậm trên bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? * Từ “hai” với từ “vài” khác nhau ở chỗ nào?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận** Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk.  * Từ “hai” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “cái răng”, “lưỡi liềm”. * Từ “vài” bổ sung ý nghĩa cho từ lá. * Cả hai đều là số từ chỉ số lượng. Từ “hai” chỉ con số cụ thể, chính xác. Từ “vài” chỉ con số ước chừng.   +Vd3: GV chiếu cho hs xem tiếp ví dụ 3:  **Bước 1:** **: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *Bạn Lan ngồi bàn* ***thứ ba*** *từ trên bảng xuống.*   * Hỏi: Từ in đậm trên bổ sung ý nghĩa gì trong câu?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS quan sát và trả lời câu hỏi.   **B3: Báo cáo, thảo luận** Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk. Từ “thứ ba” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “bàn”, đứng sau danh từ. Gọi là số từ chỉ số thứ tự. | **Đặc điểm và chức năng của số từ**  -Vd1+vd2: Đều là số từ, đứng trước danh từ gọi là số từ chỉ số lượng. Số tư chỉ số lượng có hai loại, số từ chỉ số lượng chính xác và số từ chỉ số lượng ước chừng.  -Vd3: Là số từ chỉ số thứ tự. |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

- HS hiểu rõ hơn về số từ.

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:**

GV hướng dẫn câu hỏi (1) trong SGK,

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm trên bảng của HS.

**d. Tổ chức hoạt động**

**Bài tập 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu học sinh đọc câu hỏi (1) đồng thời chiếu đề lên máy chiếu:  ***Tìm và xác định chức năng của số từ trong các câu sau***:    a. *Vẽ một vòng tròn nhỏ giữa sân, ở giữa đặt một cây cờ hoặc chiếc khăn, cành lá,...tượng trưng cho cờ.*    (*Theo* Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, *Trò chơi cướp cờ*)    b. *Sau đó, cờ lại được đặt vào vị trí quy định để trọng tài gọi hai người chơi tiếp theo của hai đội tham gia.*    (*Theo* Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, *Trò chơi cướp cờ*)    c. *Sau hai ngày thì đặt ngửa củ lên, đưa vào dụng cụ dưỡng như bình thuỷ tinh, bình nhựa, bát đất nung.*    (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)    d. *Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên.*    (An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*)    *đ. Mỗi khi dỡ những chiếc bánh khúc trong chõ ra, bà nội lại xếp dăm cái lên đĩa để thắp hương trên ban thờ.*    (Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận** Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** | **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ được sử dụng** | **Chức năng của số từ** | | a | *một* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *vòng tròn, cây cờ.* | | b | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *người, đội.* | | c | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *ngày.* | | d | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ *thứ.* | | đ | *dăm* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *cái.* | |

**Bài tập 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS xác định ý nghĩa của số từ được in đậm trong các ví dụ sau:  a. *Tục truyền, đời Hùng Vương thứ* ***sáu****, ở làng Gióng có* ***hai*** *vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.*   (*Thánh Gióng*)  *b. Con sắt đập ngã ông Đùng*  *Đắp* ***mười*** *chiếc chiếu không cùng bàn tay.*(Ca dao)  c. *Lần thứ* ***hai*** *cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ* ***ba****, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới.*(*Sự tích Hồ Gươm*)  d. *Khoảng sau* ***một*** *giờ* ***rưỡi****, những nồi cơm lần lượt được đem trình trước cửa đình.*  (Minh Nhương, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập (2) cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận** Ở câu hỏi (2) đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** Gv nhận xét và chốt | **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ được sử dụng** | **Ý nghĩa của số từ** | | a | *sáu*  *hai* | Biểu thị số thứ tự của danh từ.  Biểu thị số lượng chính xác. | | b | *mười* | Biểu thị số lượng chính xác. | | c | *hai, ba* | Biểu thị số thứ tự của danh từ. | | d | *một, rưỡi* | Biểu thị số lượng chính xác. | |

**Bài tập 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV yêu cầu HS làm việc theo cặp,   * Đọc lại đoạn văn đã viết ở câu hỏi 6 (văn bản *Trò chơi cướp cờ*), trang 47. Xác định số từ có trong đoạn văn (nếu chưa có thì hãy bổ sung ít nhất một số từ) và chỉ ra chức năng của (những) số từ đó.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập ứng dụng (3 phút)  **B3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trả lời trước lớp.GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** Gv nhận xét, bổ sung | **Bài tập 3:** |
| **Bài tập 4** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Chỉ ra nghĩa thông thường và nghĩa theo dụng ý của tác giả đối với các từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép sau:  *a.“Chuẩn vị” thuỷ tiên xưa, lá phải xoăn, thấp, những bông hoa cao lêu đêu cũng là hỏng.*   (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)  b. *Theo nghệ nhân Nguyễn Phú Cường, đấy là lúc chiếc lá “ngoan” nhất.*  (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trả lời trước lớp.GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Gv nhận xét, bổ sung | Bài tập 4:  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ được đánh dấu** | **Nghĩa thông thường** | **Nghĩa được hiểu theo dụng ý của tg trong văn bản *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*** | | *Chuẩn vị* | Có vị đúng chuẩn. | Có vẻ đẹp đúng chuẩn (nói về vẻ đẹp hoa thuỷ tiên xưa). | | *Ngoan* | Dễ bảo, biết nghe lời (thường nói về trẻ em). | (Chiếc lá) dễ uốn nắn, dễ tạo hình nhất. | |

**Bài tập 5:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trong tiếng Việt, *cho*, *biếu*, *tặng* đều có nghĩa giống nhau là chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả. Trong câu văn “Rồi bà tôi dỡ dăm chiếc bánh khúc nóng hổi cho vào một chiếc đĩa để chị tôi mang vào cuối làng *biếu* bà ngoại tôi.” (Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*), vì sao tác giả lại dùng từ *biếu* mà không dùng *cho* hoặc *tặng*?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận** Ở câu hỏi đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** Gv nhận xét và chốt | **Bài tập 5:**  Về các từ *cho*, *biếu*, *tặng*:   * + Điểm giống nhau về nghĩa: chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả.   + Điểm khác nhau: ba từ trên có sự khác nhau về sắc thái biểu cảm và đối tượng nói đến khi sử dụng:   + *Cho*: thường dùng trong trường hợp người trên/ lớn tuổi hơn trao cho người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc dùng giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau, biểu thị sắc thái bình thường, thân mật.  + *Biếu*: thường dùng trong trường hợp người dưới/ nhỏ tuổi hơn trao cho người trên/ lớn tuổi hơn, biểu thị sự tôn trọng, thành kính.  + *Tặng*: được dùng để chỉ ý “cho, trao cho nhằm khen ngợi, khuyến khích hay tỏ lòng yêu mến”, có thể dùng trong nhiều trường hợp (giữa người trên/ lớn tuổi và người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau). *Tặng* (ví dụ: tặng quà sinh nhật cho nó, tặng anh ấy một món quà, tặng mẹ một bó hoa,…) thường được sử dụng trong các dịp đặc biệt như: sinh nhật, ngày lễ,…  Trong trường hợp câu văn của Nguyễn Quang Thiều, từ *biếu* được chọn dùng là hoàn toàn phù hợp vì đó là trường hợp “chị tôi” (người dưới) mang những chiếc bánh khúc nóng hổi đến để trao cho “bà ngoại tôi” (người trên). Cách sử dụng từ *biếu* trong trường hợp đó thể hiện được sự kính trọng của tác giả dành cho bà ngoại mình. Cách diễn đạt như vậy cho thấy những chiếc bánh khúc ấy không chỉ là những hiện vật về mặt vật chất mà nó còn gói trọn tất cả những tình cảm yêu thương, trân trọng mà người cho dành cho người nhận. |

**Hoạt động 4: TỔNG KẾT (3 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS ghi nhớ những nội dung chính trong tiết học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tổng kết ngắn sau buổi học.

**c. Sản phẩm:** Phiếu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS viết vào phiếu theo kĩ thuật 3-2-1 trong đó:  3: 3 từ khoá kiến thức trong tiết học  2: 2 bài học con học được  1: 1 câu hỏi/ thắc mắc cần được giải đáp  **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu học tập **B3: Báo cáo, thảo luận** Một vài HS chia sẻ trước lớp. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** Gv nhận xét và chốt |  |

**Văn bản 4: Đọc mở rộng theo thể loại**

**KÉO CO (1 tiết)**

- Trần Thị Ly –

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***\* Năng lực đặc thù***

-Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.

-Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản in hoặc văn bản điện tử.

\* ***Năng lực chung***

- Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên, thu thập được thông tin của văn bản và giải quyết vấn đề được đặt ra..

- Tự chủ và tự học.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin, trung thực khi tham gia các hoạt động ngoại khoá.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG : MỞ ĐẦU** *(Dự kiến thời lượng: 3 phút)*

***a. Mục tiêu****:*

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS xem các hình ảnh và trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:***

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh về trò chơi dân gian “Kéo co” và trả lời câu hỏi

**Trò chơi được tổ chức vào dịp nào? Số đội tham gia trò chơi? Dụng cụ chính để chơi là gì? Em có nhận xét gì về trang phục?**



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi

GV theo dõi, quan sát HS

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Câu trả lời của HS:

+ Trò chơi Kéo co được tổ chức vào dịp lễ tết, lễ hội cổ truyền, hội thao, hoạt động ngoại khoá, dã ngoại,…

+ Tham gia trò chơi có 2 đội

+ Dụng cụ chính: Sợi dây dài chắc, dẻo,…

+ Trang phục: đa dạng ( không bắt buộc)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào bài học.

*“Kéo co” là một môn thể thao rèn luyên sức khoẻ và là một trò chơi dân gian thể hiện tinh thần và mang tính đồng đội cao, đem lại niềm vui, sự thoải mái cho mọi người khi tham gia vào các dịp lễ hội.*

**B.HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** *(Dự kiến thời lượng: 35 phút)*

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

***a. Mục tiêu****:*

- Nắm được các thông tin về thể loại, đọc văn bản, nội dung bài học

***b. Nội dung****:*

HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NHIỆM VỤ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV nhắc lại yêu cầu từ tiết trước, học sinh đọc bài ở nhà và làm bài tập trong phần Hướng dẫn đọc*  - GV lưu ý HS chú ý các đặc điểm văn bản thông tin.  - Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích văn bản  - Trình tự triển khai của văn bản  - Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản? Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ đối với mục đích văn bản?  - HS xem lại nội dung đã chuẩn bị, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, đánh giá. | **I. ĐỌC VĂN BẢN VÀ CHUẨN BỊ NỘI DUNG:** |

***Hoạt động 2: Khám phá văn bản***

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm, mục đích của văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **NV1: Tìm hiểu văn bản Kéo co**  - GV yêu cầu HS: các nhóm lần lượt trình bày, chia sẻ thông qua bảng kiểm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **BẢNG KIỂM** | | | | **Yêu cầu** |  | **Văn bản: Kéo co** | | Những đặc điểm của văn bản |  |  | | Mục đích văn bản |  |  | | Cách triển khai thông tin |  |  | | Phương tiện phi ngôn ngữ |  |  | | Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi trong bảng kiểm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tìm hiểu chi tiết**  - Thể loại: Văn bản thông tin - giới thiệu quy tắc, luật lệ trò chơi Kéo co  - Đặc điểm :  Cấu trúc 4 phần  + Người chơi.  + Chuẩn bị.  + Cách chơi.  + Quy định trò chơi.  Về hình thức:  Các mục trong bài được kí hiệu theo các phần a,b,c,d.  Sử dụng các số từ chỉ số lượng.  Sử dụng các từ ngữ miêu tả chi tiết về trò chơi kéo co.  Dùng hình ảnh minh họa.  => Các đặc điểm này giúp làm sáng tỏ mục đích của văn bản.  - Mục đích văn bản: Giới thiệu cách chơi và những quy định về trò chơi rất phổ biến trong dân gian: Kéo co.  - Cách triển khai thông tin: Trình bày theo trật tự thời gian (thứ tự các bước cần thực hiện) .  - Phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh minh hoạ trong văn bản.  - Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ: giúp người đọc dễ hình dung cụ thể hơn về trò chơi kéo co. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy nhắc lại những đặc điểm cơ bản của một văn bản thông tin qua các văn bản đã học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Tìm đọc thêm các văn bản thuộc thể loại văn bản thông tin để nắm thêm được những đặc điểm đặc trưng thể loại

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Biết đặc điểm của văn bản tường trình.

- Biết viết văn bản đảm bảo các bước, chuẩn bị trước khi viết, tìm ý và lập ý, viết bài, xem lại và chỉnh sửa- rút kinh nghiệm.

- Viết được văn bản tường trình đầy đủ, rõ ràng, đúng quy cách.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực phân tích được kiểu văn bản.*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* Giáo án
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi và nêu các tình huống cho HS: Em đã từng viết tường trình chưa? Trong trường hợp nào? Trong những tình huống sau, theo em tình huống nào cần viết tường trình?

Tình huống 1: Bạn Nhật Nam thường xuyên đi học muộn.

Tình huống 2: Trong giờ thực hành, em vô tình làm hỏng dụng cụ thí nghiệm

Tình huống 3: Lớp em muốn xin phép giáo viên chủ nhiệm tổ chức đi tham quan.

*HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách viết một văn bản tường trình..*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với cách viết một văn bản tường trình**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với một văn bản tường trình**.**

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1- Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS, dựa vào SGK hoạt động cặp đôi.  *+ V*ăn bản tường trình *là gì?*  *+ Quan sát mẫu văn bản tường trình trong SGK và cho biết khi viết văn bản tường trình cần đảm bảo những yêu cầu gì đối với kiểu văn bản?.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu văn bản tường trình:**  ***1. Khái niệm***  -Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây ra hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại( nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.  **2/ Yêu cầu đối với kiểu văn bản**   1. Về hình thức, bố cục cẩn có:   Phần mở đầu:  + Quốc hiệu và tiêu ngữ.  + Địa điểm, thời gian viết.  + Tên văn bàn và tóm tắt sự việc tường trình  + Người (cơ quan) nhận bản tường trình  + Thông tin người viết tường trình  Nội dung tường trình:  + Diễn biến sự việc: Nguyên nhân- hậu quả- trách nhiệm.  Phẩn kết thúc :  Lời đề nghị, lời hứa, chữ ký và tên người viết tường trình.  b. Về nội dung, thông tin cần bảo đảm  + Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.  +Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.  + Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm. |

**Hoạt động 2: Phân tích ví dụ tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1- Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK – trang 59) hoạt động nhóm các câu hỏi sau.  Gv chia 2 nhóm: + Nhóm 1,2 : câu 1,2  + Nhóm 3,4: câu 3,4  *1/ Xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc của văn bản trên?*  *2/ Phần mở đầu của văn bản trên trình bày những nội dung gì?*  *3/ Nội dung tường trình của văn bản trình bày những thông tin gì?*  *4/ Những nội dung nào đã trình bày ở phần kết thúc của văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV bổ sung, khi viết văn bản tường trình cần lưu ý.  - Xác định đúng tình huống cần viết tường trình.  - Sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp.  - Đảm bảo cấu trúc bài văn ba phần. | **II. Phân tích ví dụ**  1/ Văn bản trên gồm: 3 phần  + **Mở đầu:** gồm các mục 1a, 1b,1c,1d,1đ  + **Nội dung:** gồm các mục 2a, 2b,2c,2d  + **Kết thúc:** gồm các mục 3a,3b,3c  **2/ Phần. mở đầu:**   * Quốc hiệu tiêu ngữ * Địa điểm, thời gian viết tường trình * Tên văn bản và tóm tắt sự việc tường trình * Người nhận * Thông tin người viết.   **3/ Nội dung tường trình:**  Thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc…  Nguyên nhân của sự việc  Hậu quả của sự việc  Trách nhiệm của người viết tường trình.  **4/ Kết thúc:**  Lời đề nghị và lời hứa của người viết.  Chữ ký và tên của người viết tường trình. |

**Hoạt động 3: Thực hành theo quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết văn bản tường trình

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**  Kiến thức HS thu được và văn bản tường trình vừa tạo lập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK. *Hãy cho biết để viết văn bản tường trình cần thực hiện theo những bước nào?*  *GV cho HS xem video tình huống và thực hiện trả lời câu hỏi.*  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết* (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)**  – **Đề tài:** Xác định nội dung, và kiểu bài viết:  *Đề tài của bài viết này là gì?*  **+** *Tôi muốn viết về nội dung gì?*  **+** *Kiểu bài này là gì?*  **Mục đích viết:** Xác định mục đích giao tiếp:  **+** *Mục đích viết bài này là gì?***+** *Viết để thông báo hay để trình bày?*  **-Người đọc:** Xác định đối tượng giao tiếp:  **+** *Người đọc của tôi có thể là ai?*  **+** *Họ đã biết điều gì về vấn đề tôi định viết?*  **+** *Điều gì có thể làm họ quan tâm? Họ muốn biết thêm việc gì?*  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  Tìm ý: Tên văn bản ? Nội dung tường trình là gì? Trình tự diễn biến sự việc: nguyên nhân, hậu quả, trách nhiệm người viết, cam đoan/ hứa.  Lập ý: Cần đảm bảo bố cụ mấy phần? Nội dung từng phần?  **Bước 3: Viết bài**  + *Theo em, thế nào là một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu?*  *+ Một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu cần thoả mãn*/ *đáp ứng những tiêu chí nào?*  *+ Đọc bảng kiểm văn bản tường trình trong SGK và cho biết có cần bổ sung hay điều chỉnh tiêu chí nào không? Vì sao?*  *+ Nêu câu hỏi về những điều chưa rõ liên quan đến các tiêu chí (nếu có).*  ***Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Bước* | *Những việc cần làm.* | *Ý nghĩa* | |  |  |  |   *HS thảo luận nhóm đôi các câu hỏi và hoàn thành vào bảng trên:*  - Hướng dẫn HS làm bài:  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Thực hành viết:**  **Đề bài: Hãy viết tường trình lại về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.**  Các bước thực hiện quy trình viết:  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** – Xác định đề tài:  VD: Bản tường trình về việc…   * Xác định mục đích giao tiếp * Xác định đối tượng giao tiếp.   **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 3: Viết bài**  - Viết thành văn bản tường tường trình dựa trên cơ sở dàn ý .  -Tôn trọng sự thật, trình bày trung thực, đầy đủ khách quan những sự việc đã xảy ra.  ***Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.***  Bảng kiểm văn bản tường trình |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** bài làm của học sinh, nội dung kết quả dự kiến.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung kết quả dự kiến.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS tìm đọc một số văn bản tường trình để tham khảo cách viết.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Bảng kiểm văn bản tường trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Phần mở đầu** | Tên quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng và giữa văn bản |  |  |
| Tiêu ngữ:viết chữ thường, canh giữa dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối(-), ở giữa văn bản |  |  |
| Địa điểm, thời gian viết văn bản:đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang phía bên phải của văn bản |  |  |
| Tên văn bản:viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản. |  |  |
| Dòng tóm tắt sự việc tường trình:viết chữ thường,dặt dưới tên văn bản, ở giữa văn bản |  |  |
| Trình bày thông tin về người nhận theo đúng quy cách |  |  |
| Trình bày một số thông tin cơ bản của người viết văn bản |  |  |
| **Nội dung tường trình** | Ghi rõ thời gian và địa điểm xảy ra sự việc |  |  |
| Xác định rõ tên của ( những) người có liên quan( nếu có) |  |  |
| Nêu rõ nguyên nhân và hậu quả của sự việc( nếu có) |  |  |
| Xác định rõ người chịu trách nhiệm( nếu có) và trách nhiệm của người viết đối với sự việc. |  |  |
| **Phần kết thúc** | Nêu rõ ( những) đề nghị (nếu cần thiết) |  |  |
| Nêu rõ lời cam đoan/ lời hứa |  |  |
| Có chữ ký và họ tên của người viết |  |  |

**NÓI VÀ NGHE**

TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG,

TÔN TRỌNG CÁC Ý KIẾN KHÁC BIỆT

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù:

- Trao đổi một cách tôn trọng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.  **b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:**HS  lên trình bày những ý kiến mà mình đã thu thập được.  **d.Tổ chức thực hiện** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa ra vấn đề thảo luận cho cả lớp.  - Gv tổ chức trò chơi “Gặp gỡ”:  *GV phát cho HS Chiếc đồng hồ in trên giấy. GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: Mỗi HS sẽ hẹn gặp với những HS khác ở những múi giờ khác nhau để tra đổi những thông tin, ý kiến của nhau về vấn đề mà giáo viên đưa ra. Những bạn đã tham gia hẹn hò ở múi giờ nhất định rồi thì không tham gia hẹn hò với bạn khác ở múi giờ đó nữa. Sau 2 phút, Bạn nào gặp gỡ nhiều bạn nhất thì sẽ chiến thắng. HS chiến thắng sẽ lên trình bày những ý kiến mà mình đã thu thập được. Hoặc GV có thể gọi ngẫu nhiên.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tham gia trò chơi.  - GV quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS  lên trình bày những ý kiến mà mình đã thu thập được.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV lắng nghe, tiếp thu cảm nhận của hs và dẫn dắt vào bài mới.  *Trò chơi “Gặp gỡ” đã giúp các em biết thêm những ý kiến khác nhau trong cùng một vấn đề, trao đổi một cách xây dựng và học cách tôn trọng ý kiến của người khác. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.* | Hs lắng nhe, quan sát và chơi trò chơi. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CHUẨN BỊ BÀI NÓI** | |
| **a. Mục tiêu:** Hs biết các bước khi trao đổi ý kiến và tôn trọng ý kiến khác biệt khi thảo luận.  **b. Nội dung:**  Gv sử dụng KT khăn trải bàn; kĩ thuật Think-pair-share  HS bầu ra bạn thư kí, hoàn thiện phiếu học  **c.Sản phẩm:**HS trình bày sản phẩm  **d.Tổ chức thực hiện.** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Tìm hiểu bước 1: Chuẩn bị**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Chủ đề chúng ta thảo luận là gì?  ? Theo em, để thực hiện thảo luận, chúng ta có mấy bước?  ? Ở bước Chuẩn bị có mấy nội dung cần chú ý?  ? Để tiến hành chuẩn bị nội dung trao đổi, Gv sử dụng kĩ thuật khăn trải bản, chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thiện **PHT số 1** và sưu tầm các hình ảnh, câu chuyện liên quan đến lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử. Nhóm nào tìm được nhiều nhất sẽ có điểm cộng.  ? Dựa vào SGK, nêu một vài lưu ý trong cách chúng ta tham gia thảo luận (về thái độ, mục đích, quy tắc lượt lời….).  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **NV2: Tìm hiểu bước 2: Trao đổi**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Trong bước 2 có mấy nội dung cần quan tâm?  ? Để tiến hành ***trình bày ý kiến*** của bản thân, Gv sử dụng kĩ thuật *Think-pair-share* và phát **PHT số 2** cho 4 nhóm đã chia.  Yêu cầu vận dụng những kiến thức đã nêu ở PHT số 1 để hoàn thiện các mẫu câu trong PHT số 2. Nhóm nào hoàn thiện được nhiều câu nhất sẽ có điểm cộng.  - Để giúp hs biết cách ***Tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người khác, bảo vệ ý kiến của mình*** trong quá trình thảo luận, Gv phát **PHT số 3** cho 4 nhóm để các em vận dụng.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Chủ đề: Trong lớp em, có bạn cho rằng trò chơi điện tử có nhiều tác hại, nhưng cũng có bạn khẳng định nó vẫn có những lợi ích nhất định.  - Có 2 bước.  - Bước 1: Chuẩn bị:     |  |  | | --- | --- | | **Bước 1: Chuẩn bị** | | | Chuẩn bị nội dung trao đổi | - Lợi ích của các trò chơi điện tử.  - Tác hại của các trò chơi điện tử.  - Hình ảnh, câu chuyện minh họa | | Chuẩn bị cách trao đổi | - Mục đích  - Thái độ  - Quy tắc lượt lời  ……………………….. |   **Bước 2: Trao đổi**  **- *Trình bày ý kiến***  - ***Tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người khác, bảo vệ ý kiến của mình*** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | | | **Ích lợi của trò chơi điện tử** | | **Tác hại của trò chơi điện tử** | | | Ích lợi thứ nhất:  ………................................................................................................................................................................... | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. | Tác hại thứ nhất:  ……….................................................................................................................................................................. | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. | | Ích lợi thứ hai:  ………................................................................................................................................................................... | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. | Tác hại thứ hai:  ……….................................................................................................................................................................. | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Lợi ích của trò chơi điện tử:**  - *Lợi ích đầu tiên theo tôi là…* ………………………………………………………….............................................  - *Tôi cho rằng lợi ích lớn nhất của trò chơi điện tử là...* ………………………………………………………….............................................*Bởi vì..........................................................................................................................*  - *Một lợi ích khác của trò chơi điện tử là...........................................................................*…………………………………  *Sở dĩ tôi cho là như vậy vì................................................................................................................................* | | **Tác hại của trò chơi điện tử:**  - *Bên cạnh những lợi ích nêu trên, tôi nhận thấy, tác hại lớn nhất của trò chơi điện tử là..............*  *Điều này được thể hiện rõ ràng bằng những hình ảnh/ số liệu sau...............................*  - *Một tác hại khác là...........................................................................................*  - ... |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  Đặt câu hỏi về những điều em chưa rõ liên quan đến ý kiến hoặc câu hỏi của người khác bằng những mẫu câu như:  - *Bạn có thể nhắc lại câu hỏi/ ý kiến được không?*  *- Có phải của bạn là...?* | | Sử dụng những mẫu câu sau để trao đổi lại ý kiến của bạn:  *- Cảm ơn câu hỏi của bạn,* *của tôi là......................................;*  *- Cảm ơn bạn đã cho tôi thêm một cách nhìn vấn đề, tôi sẽ suy nghĩ thêm về ý kiến của bạn;*  *- Tôi sẽ giải thích rõ quan điểm của tôi........................; Sở dĩ tôi nói như vậy là vì...............................* | | |
| **II. THỰC HÀNH TRÌNH BÀY** | |
| **a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.  **b. Nội dung:**  - Từ phiếu học tập số 1, 2, 3 mà các nhóm đã làm, các nhóm và mỗi cá nhân trong nhóm cùng nhau thống nhất để tiến hành thảo luận.  **c. Sản phẩm:**- HS trình bày sản phẩm thảo luận  **d.Tổ chức thực hiện.** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv mời các hs nêu các lợi ích và tác hại của các trò chơi điện tử theo các mẫu câu trong PHT số 1.  - Gv mời các hs khác lên trao đổi theo mẫu câu ở PHT số 2, số 3.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv phát bảng kiểm để hs đánh giá, nhận xét.  **Bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 |  |  | | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt | | Thể hiện trực tiếp rõ ràng ý kiến vấn đề cần trao đổi |  |  | | Đưa ra được bằng chứng, lí lẽ thuyết phục |  |  | | Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí |  |  | | Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác |  |  | | Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng |  |  | | Tôn trọng các ý kiến khác biệt |  |  |   **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Phần trình bày: tiến hành thảo luận chủ đề: Trong lớp em, có bạn cho rằng trò chơi điện tử có nhiều tác hại, nhưng cũng có bạn khẳng định nó vẫn có những lợi ích nhất định. |
| **III. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói  **b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV  **c. Sản phẩm:** HS trình bày sản phẩm thảo luận.  **d.Tổ chức thực hiện.** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv chia lớp làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ chung: thảo luận chủ đề: Mạng xã hội đối với học sinh hiện nay?  ? ....  - HS suy nghĩ và tiến hành thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo kết thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức | - Cả lớp tiến hành thảo luận |

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

***a. Năng lực riêng***

- Hệ thống các kiến thức đã học về văn bản thông tin, đặc điểm chức năng của số từ, văn bản tường trình.

***b. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực sáng tạo.

**2. Về phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu những nét đẹp văn hóa Việt mà cha ông để lại.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Sống lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi ***Nhìn hình đoán tên văn bản***:



- Gv yêu cầu hs quan sát những bức tranh trên và cho biết bức tranh đó liên quan tới văn bản nào đã học? Những văn bản đó thuộc kiểu văn bản gì?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ, tham gia trò chơi.

- Gv kết luận, dẫn vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về năng lực đọc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong SGK/65.  - Nhóm 1,2 làm BT số 1  - Nhóm 3 làm BT số 2  - Nhóm 4 làm BT số 3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản**  **Phương**  **diện so sánh** | **Trò chơi cướp cờ** | **Cách gọt củ hoa thủy tiên** | | Những điểm giống nhau (nội dung, đặc điểm, hình thức...) | là kiểu văn bản thông tin, có các bước, kiến thức khoa học. | là kiểu văn bản thông tin, có các bước, kiến thức khoa học. | | Những điểm khác nhau (nội dung, đặc điểm, hình thức ...) | Hướng dẫn một trò chơi. | Hướng dẫn cách chăm sóc hoa. |   **Bài tập 2:**  - Không thể lược bỏ đi từ “vài” vì sẽ làm thay đổi ý nghĩa của câu văn.  - Trong ngôn ngữ học, số từ là những từ loại dùng để chỉ số lượng và thứ tự của sự vật nào đó. Chức năng chủ yếu của số từ làm thành tố phụ cho một cụm từ có danh từ làm trung tâm.  **Bài tập 3:**  - Lưu ý đọc và nắm các thông tin theo quy trình.  - Đọc khoa học và liên kết các phần với nhau để hiểu quy trình hay luật lệ. |

**Nhiệm vụ 2: Củng cố tri thức năng lực viết, nói, nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV tổ chức cho HS thảo luận chia sẻ nhóm đôi.  *? Văn bản tường trình có những đặc điểm gì về cấu trúc và nội dung?*  *? Vì sao khi trao đổi, tranh luận với người khác, chúng ta cần có thái độ xây dựng và tôn trọng những ý kiến khác biệt?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 4:**  a. Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại (nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.  b. Về nội dung, văn bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:  - Cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin về thời gian địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan, đề nghị của người viết, người gửi, người nhận và ngày tháng, địa điểm viết tường trình.  - Nội dung sự việc được tường trình phải đảm bảo chính xác, đúng với thực tế diễn ra.  - Xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc đã xảy ra: gốm một số trường hợp sau:  - Nếu người viết trực tiếp tham gia vào sự việc thì cần trình bày rõ trách nhiệm của người viết đối với những gì đã diễn ra.  - Nếu người viết chỉ chứng kiến sự việc thì cần nêu rõ trách nhiệm của người viết là chứng kiến và ghi lại trung thực tất cả những gì đã diễn ra.  **Câu 5**  Vì mỗi sự việc có thể nhìn nhận dưới góc nhìn đa chiều khác biệt nên thái độ xây dựng và tôn trọng điều khác biệt là việc cần thiết trong trao đổi và thảo luận. |

**Nhiệm vụ 3: Ôn tập tổng quát**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV nêu yêu cầu: *Làm thế nào để những nét đẹp văn hóa của cha ông được lan tỏa trong cuộc sống hôm nay?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Giữ gìn và tôn trọng nét văn hóa  - Đưa những nét văn hóa vào cuộc sống thường ngày. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập trong thực tế

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:**Bài làm của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Giáo viên giao bài tập cho HS.

*Tập làm hoạ sĩ: Vẽ các bức tranh cổ động, tuyên truyền về giữ gìn nét đẹp văn hóa Việt.*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- Hs nộp bài theo hướng dẫn của Gv.

***B4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS.

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

**Bài 9: TRONG THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

(TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG)

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 7 - Lớp: ……..**

**Số tiết:** 14 tiết

**MỤC TIÊU CHUNG BÀI 9**

1. - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
2. - Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiển qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện;

-Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).

1. - Thể̉ hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấ́n đề của tác giả; nêu được lí do.
2. - Biết cách mở rộng thành phần chính và trạ̣ng ngữ trong câu bằng cụ̣m từ.
3. - Viết đoạ̣n văn tóm tắt văn bản theo yê̂u cầu độ dài khác nhau.
4. - Biết thảo luận trong nhóm về một vấ́n đề gây tranh cãi.
5. - Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

**TIẾT 1 : GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được các văn bản truyện khoa học viễn tưởng để̉ thấy được các đặc điểm của thể loại này như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2.** **Năng lực riêng:**

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của thể loại khoa học viễn tưởng.

**3.Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết kế bài giảng;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

**2.** **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung:** HS chia sẻ hiểu biết cơ bản về khoa học viễn tưởng.
3. **Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS xem 1 đoạn video về khoa học viễn tưởng và đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Nội dung của đoạn video? Em hãy kể tên một số văn bản, bộ phim khoa học viễn tưởng tương tự mà em biết?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ hiểu biết của mình*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Tiết học này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về truyện khoa học viễn tưởng.

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

1. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu: Tiết học của chúng ta hôm nay tìm hiểu về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng. Tiết học này thuộc vào chủ điểm *Trong thế giới viễn tưởng*. Trong chủ điểm này, các em sẽ được học các tập trung là các văn bản khoa học viễn tưởng. Vì vậy việc tìm hiểu về đặc điểm của thể loại này là điều cần thiết. Sau đây chúng ta cùng đi vào bài học.  HS lắng nghe  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

1. **Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về truyện khoa học viễn tưởng, một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm lớn, yêu cầu các nhóm thảo luận tìm hiểu một số khái niệm theo phiếu học tập:  Nhóm 1: về truyện khoa học viễn tưởng, một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện,  Nhóm 2: về tình huống, cốt truyện  Nhóm 3: nhân vật, không gian, thời gian  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: | ***Phiếu học tập :***   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Truyện khoa học viễn tưởng | | | | | | | | Khái niệm | Đề tài | Sự kiện | Tình huống | Cốt truyện | Nhân vật | Không gian, thời gian | |  |  |  |  |  |  |  |   *Truyện khoa học viễn tưởng* là loại truyện hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả. Truyện khoa học viễn tưởng có các đặc điểm như sau:  – *Đề tài:* đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ như: chế tạo dược liệu, khám phá đáy đại dương, du hành vũ trụ, gặp người ngoài hành tinh,…  – *Cốt truyện:* thường được xây dựng dựa trên các sự việc giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học.  – *Tình huống truyện:* tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong thế giới giả tưởng.  – *Sự kiện:* thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định (quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ,…).  – *Nhân vật:* trong truyện thường xuất hiện các nhân vật như người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ.  – *Không gian, thời gian:* mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn từ quá khứ, hiện tại và tương lai; không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển,… |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**
2. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
3. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
4. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
5. **Tổ chức thực hiện:**
6. *- GV yêu cầu HS:*lựa chọn một truyện khoa học viễn tưởng mà em biết, chỉ ra các yếu tố đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

1. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

1. **HỒ SƠ DẠY HỌC**

***Phiếu học tập :***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Truyện khoa học viễn tưởng | | | | | | |
| Khái niệm | Đề tài | Sự kiện | Tình huống | Cốt truyện | Nhân vật | Không gian, thời gian |
|  |  |  |  |  |  |  |

RÚT KINH NGHIỆM:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**ĐỌC VĂN BẢN**

**TIẾT 2+ 3: VĂN BẢN 1. DÒNG “SÔNG ĐEN”**

**Giuyn Véc-nơ (Jules Verne)**

**A .MỤC TIÊU**

**I. Về kiến thức**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiển qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện;

-Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).

- Thể̉ hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấ́n đề của tác giả; nêu được lí do.

**II. Năng lực**

1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. **Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Dòng sông đen*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Dòng sông đen*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản ý nghĩa văn bản; tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba); đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấ́n đề của tác giả; nêu được lí do.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

1. **Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu thích truyện viễn tưởng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết kế bài giảng;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
3. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS xem một clip về quá trình tàu ngầm khám phá đại dương*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Từ đoạn video em hãy tưởng tượng em ở trong phòng khách của một tàu ngầm và tàu đang lặn xuống đáy biển, hãy cho biết em nhìn thấy điều gì? Cùng tâm trạng với em những nhân vật như Giáo sư A-rô-nắc, cùng Công-xây, Nét Len trong văn bản *Dòng "Sông Đen"* được trích từ tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển* của Giuyn Véc-nơ cũng được trải nghiệm dưới lòng đại dương những ngày đầu của hành trình hai vạ̣n dặm dưới biể̉n trê̂n con tàu Nau-ti-lơtx. Cuộc hanh tinh thám hiểm của họ diễn ra như thế nào thì cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu văn bản trong tiết học ngày hôm nay.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**1.Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm (đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn)

**2.dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3.Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**4.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Chú ý vào SGK T74 và trình bày hiểu biết về tác giả, tác phẩm của văn bản Dòng sông đen.  - GV giải nghĩa một số từ khó cần lưu ý khi đọc văn bản  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kiến thức về tác giả, tác phẩm, chuẩn bị trình bày trước lớp.  - HS đọc bài trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức về tác giả, tác phẩm.  - GV giải thích nghĩa của các từ khó. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả**  Giuyn Véc-nơ (1828 – 1905) tên đầ̀y đủ là Giuyn Ga-bri-en Véc-nơ (Jules Gabriel Verne), sinh tại Nan-tơ (Nantes), Pháp. Ông là nhà văn tiên phong trong thể loại truyện khoa họ̣c viễ̃n tưởng và được xem là “cha đẻ” của loại truyện này.  **2. Tác phẩm**  - Những tập thơ tiêu biểu: *Hành trình vào tâm Trá́i Đất, Hai vạn dặm dư̛ới biển, Vòng quanh thế giới trong 80 ngày,...*  *- Hai vạn dặm dư̛ới biển* xuấtbản năm 1870, được xem là truyện khoa họ̣c viễ̃n tưởng kinh điển.  - Vị trí đoạn trích: nằm trong chương 14  - Đọc - kể tóm tắt   Truyện xoay quanh cuộc sống của Nét Len, giáo sư A-rô-nắc và Công-xây khi họ bị rơi xuống biển và được tàu Nau-ti-lúx cứu. Họ đã xảy ra cuộc mâu thuẫn khi họ đi vào hải lưu của dòng "Sông đen" về kế hoạch chạy trốn hay là cùng nhau quan sát, tìm hiểu những điều hay ho dưới đáy biển này. Được chứng kiến tận mắt những cảnh đẹp mê hồn đó, dường như mỗi người đều thả hồn, chăm chú, đầy thích thú với cảnh vật mà quên đi cuộc tranh luận trước đó và họ dần hiểu ra thế giới đặc biệt với những bí mật thầm kín của người thuyền trưởng đầy bí ẩn Nê-mô. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**1. Mục tiêu:**

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiển qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện;

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nêu bố cục của văn bản.  **Câu hỏi 1:**Dựa vào hành trình mà giáo sư A-rô-nắc đã kể, em hãy giải thích tại sao tác giả lại đặt tên chương này là Dòng "Sông Đen"?  **Câu hỏi 2:** Có mấy lượt thoại giữa giáo sư A- ro-nắc và Nét Len?  **Câu hỏi 3:** Qua 5 lượt thoại giữa giáo sư A-rô-nắc và Nét Len, em thấy họ có ý kiến như thế nào về thuyền trưởng Nê-mô và việc ở lại con tàu Nau-ti-lúx?  **Câu hỏi 4:**  Tìm chi tiết miêu tả vẻ đẹp của đáy biển qua cửa kính của con tàu Nau-ti-lúx. Em hình dung như thế nào về cảnh được miêu tả?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo cặp, dựa vào gợi ý của GV để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đề tài | Sự kiện | Tình huống | Nhân vật | Không gian, thời gian | |  |  |  |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  **Câu hỏi 4:** Tác giả để cho giáo sư A-rô-nắc và Nét Len tranh luận về vấn đề gì? Em có đồng ý với cách giải quyết mâu thuẫn giữa hai nhân vật này của tác giả không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV đánh giá, chốt kiến thức.    **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tìm trong văn bản một số chi tiết về nhân vật Nê-mô và điền vào cột thứ 2 của bảng sau (làm vào vở):  Soạn bài 9 Đọc Dòng "Sông đen"  Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Nê-mô?  Tàu Mau-ti-lúx được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng, trong khi vào thời điểm tác phẩm ra đời, điện năng chưa phải là năng lượng chủ yếu trong công nghiệp. Tàu Nau-ti-lúx có thể lặn xuống bất cứ độ sâu nào mà không bị vỡ cửa kính.  Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lúx giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**     Câu trả lời của học sinh:  1.Tác giả đặt tên chương này là Dòng "Sông Đen" vì hải lưu họ đi có tên Nhật Bản là Cư-rô-xi-ô (Kuroshio), nghĩa của từ kuroshio là đen, và nó là hình ảnh của màu lam sẫm của nước biển ở đó.  2. 5 lượt thoại  3.  - Nét-len không kiềm chế được bản thân nên đã nóng giận và cho rằng ý kiến mà giáo sư A-rô-nắc đưa ra là điên rồ, không hợp lí. Càng lo lắng hơn về việc mình ở lại con tàu này.  - Trái với Nét-len, giáo sư A-rô-nắc lại cảm thấy như mình sẽ biết thêm được điều gì thú vị nếu nhưng ông quan sát và tìm hiểu, bình tĩnh, tận hưởng trong con tàu.  4.Những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của đáy biển qua cửa kính của con tàu Nau-ti-lúx:  - Quang cảnh trước mắt tôi đẹp tuyệt vời, không bút nào tả xiết.  - Chẳng bàn tay họa sĩ nào vẽ được tất cả cái dịu dàng của màu sắc, của ánh sáng lung linh trong nước biển trong vắt từ đáy lên.  - Bóng tối trong phòng càng tăng thêm ánh sáng rực rỡ bên ngoài.  - Nhìn qua ô cửa, ta có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ.  => cảnh đẹp lung linh như tranh vẽ  **III. Suy ngẫm và phản hồi**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đề tài | Sự kiện | Tình huống | Nhân vật | Không gian, thời gian | | Những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lúx. | - Suy nghĩ về thuyền trưởng Nê-mô.  - Cuộc tranh cãi giữa giáo sư với Nét-len.  - Thích thú, say mê trước cảnh đẹp dưới lòng đại dương. | Cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nắc và Nét-len trong con Nau-ti-lúx của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương. | giáo sư A-rô-nắc, Nét-len, Công-xây | - Không gian: dưới lòng đại dương.  - Thời gian: giả định. |   - Tác giả để cho giáo sư A-rô-nắc và Nét Len tranh luận về kế hoạch muốn bỏ trốn của Nét-len và sự muốn tìm tòi khám phá đại dương của giáo sư.  - Em đồng ý với cách giải quyết mâu thuẫn giữa hai nhân vật này của tác giả vì trước cảnh đẹp đến nao lòng, các nhân vật đã bộc lộ được sự thích thú của mình mà quên đi cuộc mâu thuẫn trước đó.   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Nê-mô** | **Biểu hiện qua các chi tiết** | | Cử chỉ, hành động của Nê-mô | Đón tiếp 3 người họ lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. | | Thái độ của A-rô-nắc về Nê-mô | Suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy khó hiểu về ông Nê-mô | | Thái độ của Công-xây về Nê-mô | Gọi ông Nê-mô là một thiên tai “bị người đời hắt hủi” | | Thái độ của Nét Len về Nê-mô | Hỏi A-rô-nắc về lai lịch, ý đồ của ông Nê-mô. |   Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lúx cho em thấy truyện khoa học viễn tưởng được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  **2. Nội dung** |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**
2. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
3. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
4. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh
5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS kể tóm tắt lại văn bản *Dòng sông đen*, từ đó khái quát lại một số đặc điểm của truyện viễn tưởng.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**
2. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức bằng hình thức trò chơi Cướp biển vùng Ca-ri-bê, Kể một câu chuyện khoa hcoj viễn tưởng mà em biết
3. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
4. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs / kết quả trò chơi
5. **Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS tham gia trò chơi*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

1. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm, trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

1. **HỒ SƠ DẠY HỌC**
   * Phiếu học tập 1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề tài | Sự kiện | Tình huống | Nhân vật | Không gian, thời gian |
|  |  |  |  |  |

* + Phiếu học tập 2



RÚT KINH NGHIỆM:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Giáo viên: Lý Thị Thanh Thảo - UK Academy Bình Thạnh**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**XƯỞNG SÔ-CÔ-LA (CHOCOLATE)**

(02 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

Sau khi học, học sinh sẽ

1. ***Về kiến thức***

Củng cố kiến thức về truyện khoa học viễn tưởngnhư: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

**-** Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại.

- Nêu được bài học về cách nghĩ của cá nhân do văn bản gợi ra.

***3. Về phẩm chất:***

Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị dạy học

- SHS, SGV.

-Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A4, A0

-Phiếu học tập, bảng kiểm…

2. Học liệu

- Tri thức đọc hiểu

- Văn bản: Xưởng sô-cô-la (chocolate)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**Mục tiêu**:

**-** Tạo tâm thế cho học sinh trước khi đọc văn bản.

- Giới thiệu văn bản “Xưởng sô-cô-la (chocolate).

**Nội dung**: Đố vui về chocola

**Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**Tổ chức thực hiện**:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chiếu câu hỏi/ đọc câu hỏi

HS lắng nghe và trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

***Ý tưởng: Thiết kế trò chơi “Sô-cô-la ngọt ngào”***

Trò chơi: Thiết kế trò chơi giống như trò đào vàng, “mỗi cục vàng” là một nguyên liệu để làm sô-cô-la (cacao, đường, sữa bột, vani, muối), để có được nguyên liệu thì học sinh phải trả lời các câu hỏi đính kèm. Dưới đây là bộ câu hỏi gợi ý.

GV đánh giá câu trả lời của học sinh và dẫn vào bài học “Xưởng sô-cô-la”.

**Câu hỏi 1. Loại quả nào dưới đây được dùng làm nguyên liệu chính để sản xuất sô-cô-la?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** | **Phân biệt các loại hạt cà phê? Đi tìm hoàng hậu của vương quốc cà phêB** | **C** |

**Câu hỏi 2**. Thanh chocolate đầu tiên ra đời tại quốc gia nào?

1. Pháp
2. Mỹ
3. **Anh**

*Năm 1847, Joseph Fry, một nhà sản xuất chocolate người Anh, đã tìm ra phương thức đổ khuôn chocolate bằng kỹ thuật trộn bột cacao và đường chung với bơ cacao tan chảy thay vì với nước nóng. Thanh chocolate đầu tiên đã được đúc tại nhà máy sản xuất chocolate của Joseph Fry ở thành phố Bristol (Anh)*

**Câu hỏi 3**. Đất nước nào lựa chọn ngày 14/2 là “Ngày Chocolate Quốc gia”?

1. **Ghana**
2. Brazil
3. Romania

*Ghana là một trong những nước xuất khẩu cacao lớn nhất thế giới. Bắt đầu từ ngày 14/2/2007, ngày Valentine được xem là "Ngày Chocolate Quốc gia". Trong ngày này, các cửa hàng, bảo tàng trên khắp quốc gia châu Phi này đều trưng bày các mẫu chocolate đẹp. Mọi người ăn mừng ngày lễ bằng các hoạt động như mặc đồ màu đỏ, thưởng thức các món theo chủ đề chocolate, tặng chocolate, hoa và quà cho những người thân yêu.*

**Câu hỏi 4***.* Tìm mảnh ghép còn thiếu cho kẹo socola

**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A | A picture containing several  Description automatically generatedB | C | D |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (65’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2.1 TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN VÀ TÓM TẮT ĐOẠN TRÍCH (20 phút)** | | |
| **Mục tiêu**:   * Học sinh đọc văn bản và tóm tắt được những sự việc chính mà Sác-li trải qua khi tham quan xưởng sô-cô-la   **Nội dung**:  **-** HS đọc văn bản và trả lời *câu hỏi trong khi đọc* và *câu hỏi 4* trong phần *suy ngẫm và phản hồi* để tóm tắt được những sự việc chính trong đoạn trích.  **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS, câu trả lời ghi trên giấy. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  NV 1: **Trải nghiệm cùng văn bản – tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **+ GV yếu cầu HS đọc phần tác giả, tóm tắt truyện “**xưởng sô-cô-la” và các chú thích. Sau đó GV giảng thêm về tác giả.  + GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên nhân vật, địa danh. Yêu cầu HS nêu cách đọc, giọng đọc của vai HS được đảm nhiệm và tiến hành đọc phân vai: người dẫn truyện, ông Quơn-cơ, Sác-li, ông nội Châu, Vơ-ni-ca Sot  Lưu ý:  - Người dẫn truyện:  - Ông Quơn-cơ: giọng vui vẻ, đầy tự hào.  - Sác-li: giọng phấn khích  + GV phát vấn yêu cầu HS trả lời 3 câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  + HS lắng nghe hướng dẫn đọc, suy nghĩ cách đọc, giọng đọc của từng nhân vật và tiến hành đọc phân vai.  + Cá nhân HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi *trải nghiệm cùng văn bản*  B3: Báo cáo, thảo luận  + GV mời HS đọc phân vai và một vài hs trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản.  B4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét cách đọc đối với từng nhân vật, nhận xét câu trả lời *phần trải nghiệm cùng văn bản.*  **NV 2: Tóm tắt đoạn trích**  + GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi 4/SGK thông qua phiếu học tập 1 và câu hỏi 1 SGK.  + Trao đổi phiếu học tập 1 với bạn bên cạnh và sửa bài cho nhau dựa trên phần chốt trên màn hình của GV. | | **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **- Phần định hướng thực hiện yêu cầu 4/SGK – Tóm tắt**  + Ông Quơn-cơ dẫn 5 đứa trẻ và 9 người lớn đến thăm nhà máy sô-cô-la.  + Ông đầy tự hào khi giới thiệu về dòng sông, con thác, hoa, cỏ đặc biệt.  + Sác-li, cùng ông nội và bọn trẻ ngắm dòng sông sô-cô-la khổng lồ và con thác nhào sô-cô-la.  + Được tận mắt chứng kiến các loại cây cỏ, hoa kì lạ, vừa trồng làm đẹp phong cảnh nhà máy, vừa ăn được, có vị đường mềm, vị bạc hà rất thơm ngon.  + Được tận mắt nhìn thấy những người công nhân tí hon Umpơ-Lumpơ.  **-** Phần định hướng thực hiện yêu cầu 1/SGK – **Các sự kiện có tính chất giả tưởng (phi thực tế):**  + Ngắm dòng sông sô-cô-la khổng lồ và con thác nhào sô-cô-la.  + Được tận mắt chứng kiến các loại cây cỏ, hoa kì lạ, vừa trồng làm đẹp phong cảnh nhà máy, vừa ăn được, có vị đường mềm, vị bạc hà rất thơm ngon.  + Được tận mắt nhìn thấy những người công nhân tí hon Umpơ-Lumpơ. |
| **2.2 Tìm hiểu các yếu tố truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn trích (15’)** | | |
| **ND 1 Nhân vật ông Quơn-cơn** | | |
| **Mục tiêu**:  - Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại.  **Nội dung**:   * Dựa vào văn bản, học sinh trả lời câu hỏi 2/SGK về một số chi tiết miêu tả nhân vật ông Quơn-cơ, từ đó cho biết ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật khoa học viễn tưởng. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  + GV phát PBT và yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 HS.  + Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận nhóm 4HS hoàn thành PBT.  B3: Báo cáo, thảo luận  + GV mời đại diện nhóm trình bày.  B4: Kết luận, nhận định  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chốt lại kiến thức trọng tâm |  | |
| **Phần định hướng câu trả lời**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu bài tập 2. Nhân vật ông Quơn-cơ** | | | | **Thời điểm** | **Thái độ** | **Hành động** | | Khi giới thiệu với mọi người về tầm quan trọng của xưởng sô-cô-la | - Nhấn mạnh đây là trung tâm thần kinh, trái tim của nhà máy.  - Khẳng định ông chú trọng làm cho xưởng sô-cô-la phải đẹp.  - Nhắc bọn trẻ đừng quá phấn khích. | - Vừa nói vừa lấy chùm chìa khóa, mở xưởng nhà máy sô-cô-la cho 5 trẻ em và 9 người lớn tham quan. | | Khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được. | - Tự hào giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp, nét độc đáo của cỏ, hoa đều ăn được.  - Giọng đầy trìu mến, mời mọi người nếm thử hoa, cỏ. | - Giơ chiếc can ra chỉ vào các bụi cây, cánh đồng cỏ, và hoa. | | Nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng là người có khả năng phi thường, có thể tạo ra những điều kì diệu. | | | | | |
| **2. ND 2. Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng. (30’)** | | |
| **Mục tiêu**:  - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.  **Nội dung**:  - Dựa vào tri thức đọc hiểu và văn bản, học sinh trả lời câu hỏi 1,3,5,6/SGK về sự kiện, đề tài, không gian, tình huống. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  Yêu cầu HS thực hiện yêu cầu:  - Xác định đề tài của văn bản.  - Không gian được miêu tả trong văn bản có gì đặc biệt?  - Nhân vật trong câu chuyện được đặt vào tình huống như thế nào?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân, ghi câu trả lời vào phiếu bài tập 2. Thời gian khoảng 15 phút.  - Sau đó, học sinh bắt cặp trao đổi kết quả với bạn. Thời gian: 5 phút.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV mời đại diện một số cặp trình bày với cả lớp.  B4: Kết luận, nhận định | * **Đề tài:**   Truyện khoa học viễn tưởng thường xoay quanh đề tài: ứng dụng/ phát minh khoa học. Đề tài của văn bản là: ứng dụng khoa học trong xây dựng nhà máy sản xuất sô-cô-la.  **- Điểm đặc biệt của không gian** trong xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ  + Không gian nhà máy được chia thành nhiều xưởng riêng, mỗi xưởng đóng một vai trò khác nhau và xưởng nào cũng có yếu tố kì lạ, khác thường, ví dụ như xưởng sô-cô-la có một dòng sông lớn, có thác nhưng không chứa nước mà chứa sô-cô-la.  + Không gian nhà máy đẹp, nên thơ, được chăm chút mọi cảnh quan, phối hợp màu sắc hài hòa: xưởng sản xuất kẹo nhưng có cả dòng sông, con thác, hoa, cỏ. Tất cả đều ăn được.  + Không gian nhà máy đồ sộ, khổng lồ, chứa đựng nhiều điều bất ngờ: công nhân là người tí họn, cây cỏ vừa dùng trang trí vừa ăn được.  - Nhân vật được đặt trong **tình huống:** tham gia cuộc phiêu lưu vào một nhà máy sô-cô-la kì lạ và chứa nhiều bí ẩn. Tình huống này được nhà văn khắc họa thông qua một số yếu tố như nhân vật, không gian, chi tiết, cốt truyện với nhiều sự kiện bất ngờ, không thể dự đoán trước. | |

**3. HĐ 3: Kết nối – Vận dụng (15’)**

**a) Mục tiêu**

**b) Nội dung**

**c) Sản phẩm**

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu 7/ SGK: Từ câu chuyện về xưởng sô-cô-la của ông Quơn-co, em hãy viết một đoạn văn khoảng 100 chữ về sự kì diệu của trí tưởng tượng của con người.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và viết ra giấy. (viết trên nền nhạc)

B3: Báo cáo, thảo luận

GV mời 2,3 HS chia sẻ.

B4: Kết luận, nhận định

GV tổng hợp kết quả từ những chia sẻ của HS.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**

**b) Nội dung**

**c) Sản phẩm**

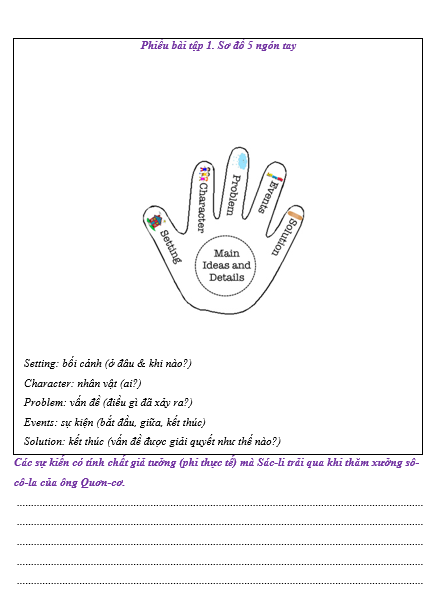
**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

B2: Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định



|  |  |
| --- | --- |
| ***Phiếu bài tập 1. Sơ đồ 5 ngón tay***  ***Diagram, text, whiteboard  Description automatically generated***   |  | | --- | | *Setting: bối cảnh (ở đâu & khi nào?)*  *Character: nhân vật (ai?)*  *Problem: vấn đề (điều gì đã xảy ra?)*  *Events: sự kiện (bắt đầu, giữa, kết thúc)*  *Solution: kết thúc (vấn đề được giải quyết như thế nào?)* | |

***Các sự kiến có tính chất giả tưởng (phi thực tế) mà Sác-li trải qua khi thăm xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập 2. Nhân vật ông Quơn-cơ** | | |
| **Thời điểm** | **Thái độ** | **Hành động** |
| Khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới có. |  |  |
| Khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được. |  |  |
| Nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng: | | |

|  |
| --- |
| ***Phiếu bài tập 3.*** |
| ***Câu 1. Truyện Xưởng sô-cô-la viết về đề tài gì?*** |
| ***Câu 2.*** Không gian được miêu tả trong văn bản có gì đặc biệt? |
| ***Câu 3. Nhân vật trong câu chuyện được đặt vào tình huống như thế nào?*** |

Ngày soạn:

Giáo viên: Lý Thị Thanh Thảo – UKA Bình Thạnh

**Bài 9**

**Đọc kết nối chủ điểm: TRÁI TIM ĐAN-KÔ (DANKO)**

**Môn: Ngữ văn 7 - Lớp: 7**

**Số tiết:** 01 tiết

1. **MỤC TIÊU CHUNG BÀI**
2. ***Về kiến thức***

Củng cố kiến thức về truyện khoa học viễn tưởngnhư: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

**-** Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và nếu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một chuyện kể.

- Liên hệ, kết nối với văn bản Dòng “Sông đen”, Xưởng sô-cô-la để hiểu hơn về những chủ điểm Trong thế giới viễn tưởng.

***3. Về phẩm chất:***

Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Trước khi lên lớp:**

**Mục tiêu:** HS đọc và tóm tắt được văn bản

**Nội dung:** Văn bản Trái tim Danko

**Sản phẩm:** Phần tóm tắt truyện của học sinh.

1. **Hoạt động trên lớp**
2. **KHỞI ĐỘNG: Tóm tắt truyện**

**Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, nhắc lại phần tóm tắt truyện

**Nội dung:** HS sắp xếp các sự kiện để tóm tắt truyện

**Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**Tổ chức thực hiện: (Hoạt động cá nhân)**

* - Giao NVHT: GV đưa ra các sự kiện, yêu cầu HS đọc và sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự truyện.
* - Thực hiện NVHT: HS sắp xếp các sự kiện theo trình tự truyện.
* - Báo cáo NVHT: HS sắp xếp các sự kiện theo trình tự truyện.
* - Đánh giá KQHT: HS chấm chéo dựa trên kết quả GV đưa ra.

**Các sự kiện chính trong đoạn trích:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PBT 1. Em hãy sắp xếp các sự kiện dưới đây theo trình tự truyện** | |
| **STT** | **Các sự kiện** |
|  | - Họ tưởng anh nổi khùng lên nên đã chờ xem anh đánh lại họ, vây chặt lấy anh để dễ bề bắt và giết anh. Hiểu được ý đồ của họ, tim anh lại cháy rực hơn.  - Đường đi gian nan, đoàn người mệt lả, họ không giám thú nhận sự yếu hèn nên đã trút căm hờn và giận dữ vào Đan-kô trách rằng không biết dẫn họ đi đâu.  - Quan sát những vẻ mặt của họ khiến Đan-kô bùng lên nỗi niềm phẫn nộ sục sôi, nhưng lòng lại thương hại mọi người.  - Anh đưa hai tay lên xé toang lồng ngực, dứt trái tim ra và giơ cao lên đầu. Đoàn người sửng sốt, đứng trơ ra như phỗng.  - Đan-kô dẫn những người trong bộ lạc đi vào rừng sâu.  - Họ dừng lại và bắt đầu kết tội Đan-kô. Hai bên cãi nhau, rừng cũng phải gầm lên.  - Họ xông lên theo anh, họ chạy và mạnh bạo. Rừng giãn ra nhường lối cho anh.  - Chàng Đan-kô bật lên tiếng cười tự hào, rồi gục xuống và chết. Đoàn người mải vui sướng nên không hề đề ý rằng anh đã chết. Một người nhìn thấy và giẫm lên trái tim của anh. |

**GV dẫn dắt, tìm hiểu nội dung tiếp.**

**2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Người kể chuyện**

**Mục tiêu:**

* Nhận biết và nếu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một chuyện kể.

**Nội dung:** HS trả lời câu hỏi 2/ SGK trang 82 thông qua phiếu bài tập 2.

**Sản phẩm học tập:**PBT 2 của HS

**Tổ chức thực hiện:**

* Giao NVHT: GV yêu cầu HS xác định người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện.
* Thực hiện NVHT: HS thực hiện NVHT

+ Xác định người kể chuyện: HS làm việc cá nhân

+ Vai trò của việc thay đổi người kể chuyện: HS làm việc theo cặp.

* Báo cáo KQ:

+ Đại diện nhóm HS trả lời.

* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện NVHT:

GV ghi nhận ý kiến HS, và chốt ý.

**Định hướng trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PBT 2. Người kể truyện** | | | |
| **TT** | **Từ câu … đến câu …** | **Là lời kể của …** | **Ngôi kể thứ …** |
| 1 | Bà lão im lặng và nhìn ra thảo nguyên,…   * Chỉ chờ trong giây lát. | Người kể chuyện xưng “tôi” (ngôi thứ nhất). | Sử dụng từ xưng “tôi”, gọi nhân vật là “bà lão”. |
| 2 | Từ “Danko dẫn họ đi. -> Trái tim tóe ra một loạt tia sáng, rồi tắt ngấm, …” | Người kể chuyện là nhân vật “bà lão” (ngôi thứ ba). | Lời kể được đặt trong ngoặc kép với sự giới thiệu (lời dẫn) của người kể chuyện xưng “tôi”. |
| 3 | Từ Bây giờ khi bà lão kể xong câu chuyện truyền thuyết tuyệt đẹp của mình … đến … trí tưởng tượng của nhân loại đã sáng tạo nên biết bao nhiêu truyền thuyết đẹp đẽ và đầy khí phách. | Người kể chuyện xưng “tôi” (ngôi thứ nhất). | Sử dụng từ xưng “tôi”, gọi nhân vật là “bà lão”. |

**GV dẫn dắt, tìm hiểu nội dung tiếp.**

**Hoạt động 2: Yếu tố tưởng tượng trong các VB truyện khoa học viễn tưởng**

**Mục tiêu:**

- Liên hệ, kết nối với văn bản Dòng “Sông đen”, Xưởng sô-cô-la để hiểu hơn về những chủ điểm Trong thế giới viễn tưởng.

**Nội dung:** HS trả lời câu hỏi 3/ SGK thông qua PBT 3.

**Sản phẩm học tập:**PBT, câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

* Giao NVHT: GV giao nhiệm vụ, HS làm việc nhóm để so sánh yếu tố tưởng tượng trong các văn bản đã học.
* Thực hiện NVHT: HS thảo luận nhóm
* Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm HS trả lời.
* Đánh giá, nhận xét: Nhóm khác nhận xét, bổ sung kết quả (nếu có), GV chốt ý.

**Định hướng trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập 3.** | | |
| **Yếu tố** | **Văn bản truyện khoa học viễn tưởng Dòng “Sông Đen” và Xưởng Sô-cô-la** | **Văn bản Trái tim Đanko** |
| Không gian | - Không gian đáy biển, nhà máy sản xuất kẹo sô-cô-la với dòng sông sô-cô-la khổng lồ. Đây là không gian mang tính giả định nhưng vẫn có sự gắn kế với cuộc sống con người (đại dương, nhà máy sản xuất). | - Không gian rừng già, đầm lầy nguyên sinh gắn với huyền thoại về người anh hùng của bộ lạc. Đây là không gian chỉ tồn tại trong câu chuyện, không gắn liền với cuộc sống thực của con người trong thời điểm câu chuyện diễn ra. |
| Thời gian | - Xác định, rõ ràng, cụ thể về ngày tháng và diễn biến các sự kiện. | - Mơ hồ, không xác định, được bao phủ trong màn sương của huyền thoại, của kí ức xa xưa qua lời kể của bà lão I-dec-ghin. |
| Nhân vật | - Điểm chung của 2 VB là sự xuất hiện của kiểu nhân vật đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng: nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ. Bằng trí tưởng tượng, nhà văn đã xây dựng nên những nhân vật có khả năng tạo nên điều kì diệu, khác thường:  + Nê-mô tạo ra tàu ngầm Nau-ti-lotx  + Ông Quơn-cơ tạo ra nhà máy sô-cô-la.  - Tuy nhiên, sự sáng tạo của hai nhân vật này vẫn dựa trên nền tảng là sự phát triển của khoa học công nghệ ở thời điểm mà câu chuyện ra đời.  - VB Xưởng Sô-cô-la có sự xuất hiện nhân vật người tí hon, cũng là kiểu nhân vật của truyện khoa học viễn tưởng. | - Nhân vật người anh hùng Danko là nhân vật được xây dựng từ trí tưởng tượng. Tuy chi tiết “ánh lửa trên thảo nguyên trước cơn giông” được nhắc đến để giải thích cho ánh lửa của trái tim Danko nhưng nó vẫn là chi tiết hoang đường, huyền ảo, không có sự gắn kết với những bằng chứng khoa học trong thực tế.  - Nhân vật kể chuyện trong VB |
| Chi tiết/ Hình ảnh | - Những hình ảnh trong VB truyện khoa học viễn tưởng như: con tàu Nau-ti-lotx, đáy biển, lòng sông và con thác sô-cô-la, cỏ, hoa vừa trồng làm cảnh vừa ăn được, người tí hon, … là những hình ảnh mang tính chất giả tưởng nhưng nó vẫn dựa trên hình ảnh thực tế của khoa học, kĩ thuất thời hiện tại (tàu ngầm, xưởng sản xuất) và có khả năng sẽ được hiện thực hóa trong tương lai. | - Những hình ảnh: Danko xé toang lồng ngực, Danko lấy trái tim ra soi đường, trái tim cháy sáng như ánh đuốc, trái tim vẫn cháy khi Danko gục chết, trái tim bị giẫm lên vẫn bừng ánh lửa, … là hình ảnh chỉ có trong trí tưởng tượng, không dựa trên yếu tố khoa học kĩ thuất, càng không có khả năng biến thành hiện thực trong tương lai. |

**3.TỔNG KẾT, CỦNG CỐ**

**Mục tiêu:** củng cố nội dung bài học

**Nội dung:** câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

**Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**Tổ chức thực hiện: (Hoạt động cá nhân)**

* - Giao NVHT:
* - Thực hiện NVHT:
* - Báo cáo NVHT:
* Câu hỏi trắc nghiệm:

**Đọc mở rộng theo thể loại**

**MỘT NGÀY CỦA ICH-CHI-AN**

**– *Alexander Romanovich Belyaev*–**

**1. MỤC TIÊU**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với những VB trước để hiểu hơn về chủ điểm *Trong thế giới viễn tưởng.*

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? GV cho HS tưởng tượng mình có thể sống ở dưới biển và nêu những việc sẽ làm khi được sống dưới biển.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Tác giả** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS biết về tác giả và văn bản .  **b) Nội dung**:  - GV cung cấp thông tin để HS đọc văn bản và đặt câu hỏi .  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà (Giao nhiệm vụ từ tiết trước).  ? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Alexander Romanovich Belyaev  - Là nhà văn Nga.  - Chuyên viết tiểu thuyết khoa học viễn tưởng.  - Các tác phẩm mà ông viết khoảng những năm 1920 và 1930 khiến ông được đánh giá cao trong thể loại tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Liên Xô. |
| **2. Tác phẩm** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Đọc và tìm hiểu chú thích  - Biết được xuất xứ của văn bản  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **a) Đọc và tìm hiểu chú thích**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Xác định thể loại và chỉ ra xuất xứ của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung  cho bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | a) Đọc và tìm hiểu văn bản  - HS đọc đúng.  b) Tìm hiểu chung  - Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng  - Xuất xứ: Trích trong truyện “ Người cá” |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| 1. **Điểm đặc của truyện khoa học viễn tưởng trong văn bản** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những điểm của truyện khoa học viễn tưởng trong văn bản.  - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm theo KT khăn phủ bàn.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng** | **Thể hiện trong Một ngày của Ích- chi- an** | | Đề tài |  | | Tình huống |  | | Sự kiện |  | | Nhân vật |  | | Không gian |  | | Thời gian |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | -Đề tài : Khoa học thay đổi tiềm năng của một con người  -Tình huống: Ích-chi-an được phẫu thuật thành người cá, có khả năng lặn và sống dưới đáy biển.  -Sự kiện:  + Ích-chi-an bơi theo dòng hải lưu ra biển.  +Ích-chi-an vui đùa cùng những chú cả, thưởng thức vẻ đẹp của biển.  +Ích-chi-an cứu những chú cá bị đánh dạt vào bờ biển sau cơn bão.  -Nhân vật : Ích-chi-an  -Không gian: Đáy biển, mặt biển, bờ biển  -Thời gian: Một ngày của người cá ở đáy biển |
| 1. **Phản hồi việc dùng khoa học để thay đổi số phận con người** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Học sinh đưa ra được lí do hợp lí, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình **.**  - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **NÊN** | **KHÔNG NÊN** | | **Lí do** |  |  |   ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân tại nhà và dự kiến kết quả làm việc của bản thân vào giấy note.  - Thảo luận  nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV**: Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.  Dự kiến KK: câu hỏi số 2  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | - Ý kiến 1:  Việc sử dụng khoa học để biến một người bình thường thành người cá trong trường hợp này là **nên** vì:  - Nếu không có cuộc phẫu thuật và sự can thiệp của khoa học từ bác sĩ Xan- van- tô, Ích-chi-an sẽ chết. Sinh mạng con người là đáng quý, nên vào thời điểm đó bác sĩ không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc biến anh thành người cá.  - Ích-chi-an có khả năng đặc biệt của người cá, nhờ đó, anh mới được trải nghiệm cuộc sống trong lòng biển cả, mới làm bạn được với các chú cá và cứu sống chúng sau cơn bão.  - Ý kiến 2:  Việc sử dụng khoa học để biến một người bình thường thành người cá trong trường hợp này là **không nên** vì:  - Cuộc phẫu thuật đã khiến Ích-chi-an vừa thở được bằng phổi, vừa thở được bằng mang. Do đó, anh không thể sống mãi trên cạn như người bình thường .Mọi sự khác biệt quá lớn sẽ không mang đến hạnh phúc. Do Ích-chi-an khác người bình thường nên anh phải sống cuộc đời cô độc, không được gần người mình yêu.  - Cuộc phẫu thuật tạo nên nguy cơ lạm dụng tiến bộ của khoa học kĩ thuật vào mục đích xấu ( ví dụ như Ích-chi-an bị lợi dụng năng lực của người cá để mò ngọc trai, khai thác tài nguyên biển) . |
| 1. **Tổng kết** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV phát phiếu học tập 3 cho Hs & giao nhiệm vụ   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Nghệ thuật** | |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2’ để hoàn thành phiếu học tập  **GV**:Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **- GV** chỉ định một vàiHS chia sẻ vài tập đã chuẩn bị ở nhà trước lớp.  - Các HS quan sát, lắng nghe. Nhận xét và bổ sung cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | 1. **Nghệ thuật**  - Truyện khoa học viễn tưởng với nội dung hấp dẫn, sinh động.  **2. Nội dung**  - Kể về một ngày đầy thú vị, kì lạ của Ích- chi- an và tình yêu mà Ích- chi- an dành cho biển cả, cho các loài sinh vật biển. |

**Hoạt động 3: Luyện tập / Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

Từ tình yêu mà Ích-chi-an dành cho biển cả, cho các loài sinh vật biển, em hãy thiết kế áp-phích trình bày các hành động cụ thể mà em và các bạn có thể thực hiện để bảo vệ vẻ đẹp của biển.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ TRẠNG NGỮ TRONG CÂU**

**BẰNG CỤM TỪ**

(Thời gian 2 tiết )

**1. MỤC TIÊU**

***1. Kiếnthức:***

- Ôn tập kiến thức về cụm từ và cấu tạo của cụm từ.

- Cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

***2. Năng lực:***

Giúp học sinh:

- Nhận biết các thành phần chính, phụ được mở rộng trong câu

- Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính trong câu bằng cụm từ.

- Biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

***3. Phẩm chất:***

- Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
* Phiếu học tập.
* Bảng kiểm.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**1. Mục tiêu:**

**-** Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.

- HS xác định được mục tiêu của bài học.

**2. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” thời gian 5 phút, GV đặt câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV

**4. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**- GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm với nội dung xoay quanh kiến thức về cụm từ đã được học ở lớp 6; kiến thức về các thành phần trong câu.**

**- GV yêu cầu HS trả lời bằng cách chọn đáp án (đối với trắc nghiệm), và chỉ ra các thành phần trong câu đối với câu hỏi tự luận.**

?Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:- Đọc các câu hỏi và thực hiên yêu cầu.

- HS chọn đáp án đúng về kiến thức cũ.

- HS xác định CN, VN của câu. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**:-Trình bày kết quả làm việc.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **TRI THỨC TIẾNG VIÊT** | |
| 1. **Cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS:Hiểu các cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.  **b. Nội dung:**  **Nội dung**: - GV chia nhóm cặp đôi  - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c. Sản phẩm:** kết quả thảo luận, câu trả lời của học sinh.  **d.Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv yêu cầu HS đọc sgk thảo luận theo cặp đôi sau đó tìm chỉ ra các thành phần được mở rộng, xác định cách thức mở rộng của từ, cụm từ.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | Các cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ:   * Biến CN, VN và TN trong câu từ 1 từ thành 1 cụm từ. * Biến CN, VN và TN trong câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ phức tạp có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn. |
| 1. **Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.**   **a. Mục tiêu:** Giúp HS: Nhận biết được tác dụng của việc cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.  **b. Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân.  **c. Sản phẩm:** Ý kiến cá nhân dưới sự nhận xét cúa HS khác và sự hướng dẫn của GV.  **d.Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu.  ?Xác định chủ ngữ và vị ngữ của câu.  ?HS thực hiện việc mở rộng các thành phần chính và trạng ngữ trong câu.  ? HS so sánh nghĩa của câu có thành phần chính và trạng ngữ trước và sau khi mở rộng để rút ra tác dụng của việc mở rộng câu bằng một cụm từ.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.  GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ: làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng. |

**HĐ 3. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | |
| 1. **Mục tiêu:** Giúp HS:   - Củng cố, vận dụng lí thuyết tiếng việt vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu của các văn bản đọc hiểu.  - Biết cách viết câu dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu.  **Nội dung:**  Làm bài tập 1, 2, 3,4 trong SGK trang 83, 84   1. **Sản phẩm:** Cá nhân, sản phẩm nhóm. 2. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Gv tổ chức HS hoạt động theo nhóm. Thực hiện yêu cầu bài tập 1.  - GV hướng dẫn HS tham gia cuộc thi “Khăn trải bàn mở rộng”.  - Xác định thành phần được mở rộng trong các cặp câu.  -So sánh để rút ra nhận xét về sự khác biệt về thông tin giữa các cặp câu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và xác định thành phần được mở rộng trong từng cặp câu. So sánh thông tin giữa các cặp câu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.  **Bài tập 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên cho HS đọc xác định yêu cầu của bài tập 2.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ hoàn thành yêu cầu bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.  **Bài tâp 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS, bài tập 3: GV cho HS làm việc theo hình thức cặp đôi. HS làm việc cá nhân 3phút, thảo luận thống nhất kết quả của nhóm 3 phút.   * GV phát phiếu học tập.  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Thành phần được mở rộng | Câu sau khi mở rộng | Tác dụng của việc mở rộng | |  |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS suy nghĩ thực hiện, thống nhất kết quả của nhóm vào phiếu học tập.  -GV theo dõi hộ trợ các nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của nhóm mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của nhóm khác (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá bài làm của các nhóm bằng điểm số.  **Bài tập 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**   * Hs đọc và xác định yêu cầu bài tập. * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu bài tập.Thời gian 7 phút.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * Hs suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. * GV quan sát, hỗ trợ HS.   **B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả bài làm của HS. | **Bài tập 1**  - a1 và a2. Mở rộng chủ ngữ thành cụm từ: *Chàng Đan-kô can trường và kiêu hãnh.*  🡪 Làm rõ đặc điểm tính cách Đan-kô.  - b1 và b2. Mở rộng trạng ngữ thành cụm từ: *Đến cửa sổ nhà Đào*  🡪 Làm rõ địa điểm cụ thể.  c1 và c2. Mở rộng trạng ngữ thành các cụm từ: *giữa tiếng gầm gào đắc thắng của rừng rú, trong bóng tối run rẩy;* mở rộng chủ ngữ thành cụm từ: *những con người dữ tợn và mệt mỏi ấy*  🡪 Làm rõ địa điểm, khung cảnh; làm rõ đặc điểm trạng thái tinh thần.  d1 và d2. Mở rộng vị ngữ thành cụm từ: *một thung lũng rất đẹp với những đồng cỏ xanh rờn hai bên*  🡪 Làm rõ đặc điểm, tính chất của khung cảnh.  đ1 và đ2. mở rộng vị ngữ thành cụm từ: *chú ong lạc đường mà cô đã bỏ quên ở ngoài cửa, khi cô vào trong nhà.*  🡪 Làm rõ thông tin về chú ong.  **Bài tập 2**  - a. Trạng ngữ: Nhìn qua ô cửa  Chủ ngữ: ta  Vị ngữ: có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ.  - b. Chủ ngữ: trái tim  Vị ngữ: cháy sáng rực như mặt trời, sáng hơn mặt trời, và cả khu rừng im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người.  - c. Trạng ngữ: dưới ánh hoàng hôn  Chủ ngữ: chiều, sông.  Vị ngữ: đã về chiều, đỏ như dòng máu nóng hổi phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô.  🡺 Nếu chúng ta bỏ bớt các cụm từ "khổng lồ" ở câu a, "dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người" ở câu b, "phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô" ở câu c thì ý nghĩa của các câu trên sẽ thay đổi, các đối tượng miêu tả sẽ không được làm rõ về các đặc điểm, tính chất.  **Bài tâp 3**   1. Trời mưa lất phất. (vị ngữ)   🡪 Cụ thể hoá cấp độ của cơn mưa.  b. Chú mèo mướp đang nằm ngủ ngon lành. (chủ ngữ)  🡪 Làm rõ chủng loại của chú mèo.  c. Dưới ánh trăng huyền ảo, cảnh vật trông thật đẹp. (trạng ngữ)  🡪 Làm rõ đặc điểm về vẻ đẹp của ánh trăng.  **Bài tâp 4**:   1. Biện pháp tu từ nhân hoá (*cái mõm hôi thối của đầm lầy*) 🡪 làm sinh động hoá hình ảnh cái đầm lầy. 2. Biện pháp tu từ so sánh (*Cây cối được ánh chớp lạnh lẽo rọi sáng, nom như những vật sống,…*) 🡪 giúp cho khung cảnh được tái hiện lại một cách cụ thể, sinh động hơn. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết đoạn văn ngắn** | |
| 1. **Mục tiêu:** HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học Tiếng Việt của bài học vào việc viết đoạn văn ngắn. 2. **Nội dung:** HS về nhà làm bài tập và GV sẽ kiểm tra, đánh giá ở tiết học viết 3. **Sản phẩm: Bài làm của HS.** 4. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.  GV hướng dẫn HS viết đoạn văn và đánh giá sản phẩm của các bạn bằng bảng kiểm sau:   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt/ chưa đạt** | | 1.Sử dụng đúng ngôi kể. |  | | 2. Nội dung bài học phù hợp với văn bản. |  | | 3. Sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ. |  | | 4. Hình thức đoạn văn khoảng (150 đến 200 chữ). |  |   **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  HS về nhà hoàn thành đoạn văn theo các tiêu chí trên.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Hs trình bày kết quả bài làm ở tiết viết.  **B4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **-** Bài làm của HS và phần trình bày trên lớp. |

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN** …….

**VIẾT**

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS biết viết đoạn văn tóm tắt văn bản đảm bảo theo đúng các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, thu thập tư liệu; tìm ý và lập dàn ý; viết đoạn, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS biết cách lựa chọn, nắm vững các sự kiện chính, chi tiết chính, luận điểm chính trong một văn bản cụ thể.

**2. Về năng lực:**

- Dần hoàn thiện kĩ năng đọc hiểu

- Bắt đầu biết viết đoạn văn tóm tắt VB theo yêu cầu cụ thể.

- Nắm chắc và hiểu rõ nội dung, nghệ thuật của một văn bản tiến tới quá trình giải thích, vận dụng, phân tích, đánh giá VB đó.

**3. Về phẩm chất:**

- Thận trọng, kĩ càng khi đọc, hiểu VB.

- Tôn trọng sự thật.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Họ và tên HS:** …………………………………………..

**Nhiệm vụ**: Dựa vào bài Tóm tắt VB “Con muốn làm một cái cây” SGK/89, em hãy hoàn thành theo hiểu biết của mình bằng cách trả lời vào cột bên phải các câu hỏi ở cột bên trái.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm/ yêu cầu của kiểu bài** | **Tóm tắt văn bản “Con muốn làm một cái cây” (Vũ Thu Hương – NV6, t2)** |
| 1. Giới thiệu được nhan đề và tác giả của văn bản cần tóm tắt | …………………………………………………………………………………………… |
| 2. Đảm bảo độ dài của một VB tóm tắt | ……………………………………………………………………………………………. |
| 3. Đảm bảo được nội dung chính của VB | ……………………………………………………………………………………………….. |
| 4. Trình bày ngắn gọn, đầy đủ các thông tin: bối cảnh, nhân vật, sự kiện chính và các chi tiết qua trọng trong truyên “Con muốn làm một cái cây” | ………………………………………………………………………………………………………… |

\\\

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu các yêu yêu cầu đối với đoạn văn tóm tắt VB.  **b) Nội dung:**  - Đọc lại truyện “Con muốn làm một cái cây“ (SGK lớp 6 HKII)  - Huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:**  - Câu trả lời của HS.  - Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV**: **Sử dụng phiếu học tập số 1.** (phát cho HS và chiếu lên màn hình)  **GV:** Giới thiệu nội dung phiếu học tập là đặc điểm cần ghi nhớ khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản.  - Yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1.  ? Đoạn văn tóm tắt văn bản “Con muốn làm một cái cây” có giới thiệu được nhan đề và tác phẩm cần tóm tắt?  ? Đảm bảo độ dài của một VB tóm tắt  ? Đảm bảo được nội dung chính của VB  ? Trình bày ngắn gọn, đầy đủ các thông tin: bối cảnh, nhân vật, sự kiện chính và các chi tiết qua trọng trong truyên “Con muốn làm một cái cây”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát và nhớ lại kiến thức ở văn bản “*Con muốn làm một cái cây”* suy nghĩ cá nhân và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thành.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.  - HS trả lời, nhận xét bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV kết nối dẫn dắt HS chuyển qua mục tìm hiểu các yêu cầu đối với một đoạn văn tóm tắt VB: Trong cuộc sống cũng như quá trình học tập, chúng ta phải đọc rất nhiều văn bản khác nhau. Vậy làm sao để có thể nhớ chúng một cách tốt nhất, đòi hỏi chúng ta phải biết tóm tắt ngắn gọn những nội dung, sự việc chính của một văn bản. Vậy bài học viết một văn bản tóm tắt vô cùng thiết thực, giúp ta cảm thấy viêc đọc và nhớ một văn bản nào đó trở nên dễ dàng hơn. | \* Có:  - Nhan đề “Con muốn làm một cái cây”  - Tác giả Vũ Thu Hương  \*VB tóm tắt nên có độ dài từ 7-10 câu  \*VB tóm tắt đảm bảo được nội dung chính của VB gốc: Kể về chú bé Bum đáng yêu, tình cảm, được ông nội tặng một cây ổi khi còn ở trong bụng mẹ.  \*Trình bày ngắn gọn, đầy đủcác thông tin:  - Bối cảnh: Ngôi nhà của Bum trên SG  - Nhân vật: Bum, ông nội, ba mẹ, các bạn, cô giáo.  - Sự kiện chính, chi tiết chính:  +Khi Bum chưa ra đời  +Khi Bum lớn lên và kỉ niệm bên cây ổi  +Khi ông nội mất và gia đình Bum chuyển về Vũng Tàu |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU VỀ ĐẶC ĐIỂM**  **ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN** | |
| **a) Mục tiêu:**  - HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn tóm tắt VB  **b) Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp.  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập.  - HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:**  - HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  -Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn để cùng trả lời câu hỏi.  ? Theo em, một đoạn văn tóm tắt VB cần đáp ứng những yêu cầu gì?  ***\*Gợi mở:***  ? Từ nội dung vừa tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là đoạn văn tóm tắt VB.  ? Yêu cầu của đoạn văn tóm tắt VB?  ? Cấu trúc của đoạn văn tóm tắt VB như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi và rút ra nội dung bài học.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS trao đổi ý kiến với bạn cùng bàn.  **HS:**  - Trao đổi, thảo luận với bạn và trả lời câu hỏi.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét các câu trả lời của HS và rút ra nội dung kiến thức của bài học.  - GV kết nối, dẫn dắt HS chuyển qua nội dung đọc và phân tích một bài viết tham khảo thuật lại sự kiện Hội khỏe Phù Đổng của trường em. | **I. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN**  **1. Thế nào là đoạn văn tóm tắt VB**  - Đoạn văn tóm tắt VB được viết để trình bày ngắn gọn ý chính được nêu trong VB. Việc viết đoạn văn tóm tắt VB giúp chúng ta nhận ra nội dung chính của VB.  **2. Yêu cầu của đoạn văn tóm tắt VB**  - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.  - Tóm tắt các ý chính của VB gốc.  - Đảm bảo yêu cầu về độ dài của đoạn văn.  - Đảm bảo nội dung chính của VB  **3. Cấu trúc của đoạn văn tóm tắt VB: gồm 2 phần**  - Giới thiệu nhan đề và tác giả của VB cần tóm tắt.  **-** Trình bày ngắn gọn các ý lớn, ý bổ trợ được nêu trong VB |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Họ và tên HS:** …………………………………………..

**Nhiệm vụ**: Em hãy viết đoạn văn (150 - 200 chữ) để tóm tắt một VB nghị luận hoặc một truyện ngắn mà em thích.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm/ yêu cầu của kiểu bài** | **Tóm tắt văn bản** |
| 1. Em chọn văn bản nào để tóm tắt? Vì sao? Nêu tên tác giả của văn bản cần tóm tắt | …………………………………………………………………………………………… |
| 2. Độ dài của một VB tóm tắt em viết là bao nhiêu câu/chữ? | ……………………………………………………………………………………………. |
| 3. Thể loại, nội dung chính của VB gốc em cần tóm tắt là gì? | ……………………………………………………………………………………………….. |
| 4. Xác định các thông tin cần tóm tắt: bối cảnh, nhân vật, sự kiện chính và các chi tiết chính (VB truyện); luận điểm, chứng cứ (VB nghị luận) | Sự viêc/ luận điểm 1: …………………………………………………………………………………… Sự việc/luận điểm 2: ……………………………………………………………………………………  Sự việc/ luận điểm 3: …………………………………………………………………………………… |

\\\

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Nắm được cách viết đoạn văn tóm tắt văn bản theo các bước.  - Lựa chọn văn bản để tóm tắt đúng yêu cầu.  - Lựa chọn sự việc/luận điểm để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Thành thạo cách viết một đoạn văn tóm tắt.  **b) Nội dung:**  -GV sử dụng kĩ thuật công não để hỏi HS về việc lựa chọn sự việc chính/luận điểm chính.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và bài viết thực hành đoạn văn tóm tắt văn bản.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Đề bài:** Em hãy viết đoạn văn (150 - 200 chữ) để tóm tắt một VB nghị luận hoặc một truyện ngắn mà em thích.  ? Kể tên những truyện ngắn hoặc văn bản nghị luận mà em thích?  - GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài viết của mình qua phiếu học tập tìm ý tưởng. ***(PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2, đã giao***)  \*Gợi ý lựa chọn VB gốc để tóm tắt:  + Văn bản em yêu thích  + Văn bản em đã đọc kĩ và nắm vững  + Có liên quan đến chủ đề yêu cầu (nếu có)  + Xác định VB đó là truyện hay văn NL  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  - Hướng dẫn HS xác định đề tài, mục đích, thu thập tự liệu.  (?Em nên lựa chọn văn bản nào?  ? Em có nhớ đầy đủ các sự việc/ luận điểm của VB đó không?  ? Nếu không đầy đủ, em có thể tìm thông tin từ đâu?  ? Sự việc, chi tiết/luận điểm nào quan trọng nhất trong bài?  ? Em viết đoạn văn tóm tắt nhằm mục đích gì?  ? Người đọc văn bản tóm tắt này có thể là ai? Họ muốn biết những gì về VB gốc?)  - Yêu cầu một vài HS trình bày những gì đã viết hoặc đang cân nhắc.  **HS:**  - Đọc những gợi ý trong SGK/90-91 và lựa chọn đề tài.  - Trả lời câu hỏi.  - Tìm ý bằng việc hoàn thành phiếu bài tập.  - Trình bày ý tưởng sắp viết hoặc đang còn cân nhắc.  - GV: hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm thông tin đã chuẩn bị, các ý tưởng sắp xếp thể hiện những ý tưởng thành dàn bài (có thể dùng sơ đồ tư duy, sơ đồ chuỗi, 5W1H, để phát họa dàn ý …)  - Chia sẻ bài làm của mình và để góp ý cho nhau.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn và nhìn vào bảng kiểm trong SGK để viết đoạn.  - Viết bài theo ý tưởng, dàn ý đã xây dựng.  - GV quan sát và giúp đỡ HS trong quá trình viết.  - Tùy vào thời gian, HS có thể làm trên lớp hoặc hoàn chỉnh xong bài khi về nhà.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV:**  - Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau.  **HS:**  - Đọc sản phẩm của mình, của bạn trao đổi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - Trình bày những gì đã làm được từ đoạn văn của bản thân và những gì đã học hỏi được từ bạn về cách viết đoạn văn tóm tắt.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả bài viết của HS.  - Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm đoạn văn tóm tắt VB* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (tùy thời gian có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà).  - Nộp bài cho GV xem và sửa chữa, nhận xét. (nếu cần)  ***\* Chuyển ý dẫn sang mục sau.*** | **II. LUYỆN VIẾT**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định đề tài: Lựa chọn văn bản truyện/ văn bản nghị luận  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**   * Xác định các sự việc/luận điểm chính, các chi tiết quan trong trong VB và trình bày mối quan hệ giữa các yếu tố này.   -Sắp xếp các sự kiên/luận điểm chính theo trình tự hợp lí. (theo gợi ý sgk/91)  **Bước 3: Viết đoạn**  - Dựa vào dàn ý, viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.  - Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, về độ dài của đoạn.  **Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ**  - Đọc lại bản thảo của cá nhân, tự kiểm tra, điều chỉnh nội dung cấu trúc của bài.  - Rút kinh nghiệm  - Chia sẻ bài cùng các bạn. |

**BẢNG KIỂM ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/** | **Chưa đạt** |
| Giới thiệu nhan đề và tác giả của VB cần tóm tắt |  |  |
| Trình bày đầy đủ, ngắn gọn các sự việc chính và các chi tiết quan trọng trong VB |  |  |
| Đảm bảo hình thức đoạn văn |  |  |
| Đảm bảo yêu cầu về độ dài của đoạn văn |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét đoạn \ của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của đoạn. | - Đoạn văn đã được sửa của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập:** Viết đoạn văn tóm tắt VB “Một ngày của Ích-chi-an”

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS liệt kê các sự việc trong lễ hội đó.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, hoạt động của VB.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao bài tập)

**Bài tập 1:** Hãy viết đoạn văn tóm tắt một truyện ngắn đã học.

**Bài tập 2:** Em hãy làm 1 video clip tóm tắt bằng hình ảnh + âm thanh tác phẩm truyện mà em yêu thích. (thực hiện ở nhà nộp cho gv qua nhóm zalo)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 và 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống nhóm group zalo, mail, …

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI**

**(2 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Xác định được vấn đề chính của một cuộc thảo luận .

- Có những nhận định về đúng/sai, hay/dở riêng cho bản thân.

- Biết cách lập ý, tìm ý để bảo vệ ý kiến.

***2. Về năng lực:***

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân.

- Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên.

- Biết đưa ra các ý kiến để giải quyết.

- Rèn khả năng hợp tác, thỏa hiệp để đi đến thống nhất vì mục tiêu chung.

- Biết cách nói và nghe phù hợp.

***3. Về phẩm chất:***

- Tôn trọng nhữn ý kiến khác biệt,

- Biết lắng nghe và thay đổi cách nghĩ, cách làm.

- Tôn trọng tập thể.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

<https://laodong.vn/video/y-kien-trai-chieu-xoay-quanh-viec-hoc-sinh-lop-1-2-kiem-tra-truc-tiep-984404.ldo>

**-**  HS quan sát video, lắng nghe những trải nghiệm của bạn, từ đó đóng góp ý kiến hoàn thiện bài.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một vấn đề có những ý kiến trái chiều cần có hướng giải quyết thống nhất và hợp lí

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Các nhân vật trong đoạn video đang gặp khó khăn vì vấn đề gì? Vì sao có những người đồng tình? Vì sao những người khác không đồng tình? Hướng giải quyết sẽ như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành lập nhóm và phân công công việc** | | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? GV chia nhóm lớp hoạt động thảo luận?  ? HS chọn một trong các đề tài như ở SGK/92  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng.  - Dự kiến KH: Lớp chia thành 5 nhóm ứng với 5 chủ đề như SGK  CĐ 1: Nhân vật thuyền trưởng Nê-mô có phải là người xấu?  CĐ 2: Cách ứng xử của Nét Len với thuyền trưởng Nê-mô có thể hiện sự vô ơn với ân nhân đã cứu tính mạng mình?  CĐ 3: Ông Quơn-cơ có sai không khi cố tình thử thách năm đứa trẻ lúc tham quan nhà máy sô-cô-la với ý đồ chọn người thắng cuộc để trao tặng nhà máy?  CĐ 4: Ích-chi-an là người may mắn được trao năng lực làm người cá hay là người bất hạn?  CĐ 5: Bác sĩ Xan-va-tô là nhà khoa học tài năng hay là một tên tội phạm  Nhóm trưởng sẽ chia nhóm thành 2 nhóm nhỏ , những ai cùng quan điểm sẽ về chung 1 nhóm nhỏ.  ? Nhóm em sẽ nói về nội dung gì?  ? Vì sao em đồng tình/ không đồng tình? Nêu các lí lẽ và bằng chứng  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày kết quả đã thảo luận của nhóm.  - Thư kí ghi chép và tổng hợp các ý kiến theo mẫu SGK/93  - Phản hồi ý kiến: Lắng nghe và phân tích những điểm hợp lí và chưa hợp lí.  - Thống nhất ý kiến: Việc tranh luận về nhân vật có thể không đi đến kết luận cuối cùng là ai đúng ai sai, điều quan trọng là mỗi ý kiến tranh luận phải dựa trên bằng chứng và lập luận chặt chẽ thuyết phục được nhiều thành viên trong nhóm ủng hộ, đồng tình.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét phần trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn. | 1. **Chuẩn bị**   - Thành lập nhóm và phân công công vệc  + nhóm nhỏ 1: Đồng tình  + nhóm nhỏ 2: Không đồng tình  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận:  + HS đọc lại VB, tìm hiểu kĩ nhân vật, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm  CĐ :………………  Lí lẽ:…………………..  Bằng chứng1:…………….  Bằng chứng 2:……………  -Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận   1. **Tập luyện**   - Đại diện nhóm sẽ trình bày ý kiến thống nhất của nhóm mình dựa trên những lí lẽ, dẫn chứng mà các nhóm đã tranh luận, phản biện.  - HS tập nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 - 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói, trình bày trước cả lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (ý kiến của bản thân về vấn đề được nói đến).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, trao đổi, thảo luận, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Việc ghi chép bài học mônNgữ văn có thật sự cần thiết?

Bài tập 2: Điểm số có thật sự quyết định năng lực học tập của bạn?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trao đổi, bày tỏ ý kiến; tìm kiếm lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến

- HS liệt kê một số việc giúp học tốt môn Ngữ văn như (luyện đọc nhiều, tập trung và dành thời gian đọc lại, tập trung nghe và tránh làm việc riêng và ghi chép bài đầy đủ, gạch dưới ý chính và sử dụng sơ đồ tư duy...)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy tìm thêm một số đề tài/chủ đề có thể gây tranh cãi và hãy tìm những lí lẽ để thuyết phục người khác về ý kiến của mình về một trong các vấn đề đó.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**ÔN TẬP**

**Thời gian: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được các đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

- Biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

- HS nắm được những lưu ý khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản.

- HS biết cách trình bày những kinh nghiệm rút ra sau tiết nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức về thể loại truyện khoa học viễn tưởng**

1. **Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

b**)Nội dung:**

-Hs trả lời câu hỏi 1,

**-** Cácnhóm thảo luận trả lời câu hỏi 2.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  Hs đọc và trả lời câu hỏi: 1,2  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | 1. **Ôn tập** 2. **Ôn tập phần tri thức ngữ văn và đọc.**   Câu 1:  Những đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng:  - Đề tài: đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ như: chế tạo dược liệu, khám phám đáy đại dương, du hành vũ trụ,...  - Cốt truyện: thường được xây dựng dựa trên các sự việc giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học.  - Tình huống truyện: tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong thế giới giả tưởng.  - Sự kiện: thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại và những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định.  - Nhân vật: trong truyện thường xuất hiện các nhân vật như người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ.  - Không gian, thời gian: mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn từ quá khứ, hiện tại và tương lai; không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển,...  **Câu hỏi 2:**  \***Văn bản : Dòng sông đen**  - Đề tài: Những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lúx.  - Nhân vật: Giáo sư A-rô-nắc, Nét-len, Công-xây.  -Sự kiện: Cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nắc và Nét-len trong con Nau-ti-lúx của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương  - Không gian: Dưới đáy đại dương  -Thời gian: Giả định  \***Văn bản : Xưởng Sô- cô-la**  - Đề tài: Hành trình khám phá xưởng sản xuất sô-cô-la bên trong nhà máy.  - Nhân vật: Sác-li, ông nội Châu, ông Quơn-cơ.  -Sự kiện: Khi Sác-li đi tham quan nhà máy sản xuất kẹo so-cô-la mà cậu được chứng kiến những điều kì diệu, thú vị bên trong đó.  - Không gian:Trong nhà máy  -Thời gian: Giả định  \***Văn bản : Một ngày có ích của Ích-chi-an**  - Đề tài: Cuộc dạo chơi của Ích-chi-an khi xuống nước là người cá.  - Nhân vật: Ích-chi-an  -Sự kiện:  + Các cách mà Ích-chi-an làm quen với chính đuôi cá của mình.  + Những khoảnh khắc mà Ích-chi-an quan sát. Anh rong chơi với những đám cá con. + Ích-chi-an tập thể dục.  - Không gian: Dưới biển  -Thời gian: Giả định |

**Hoạt động 2: Thực hành Tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:** Hs biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

**b) Nội dung:** HS trả lời câu hỏi 3

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 3  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | **3. Ôn tập phần thực hành Tiếng Việt**  **Câu 3:**  a. Mưa rơi rả rích.  b. Dưới hàng cây rợp bóng mát, những đứa trẻ đang nô đùa. |

**Hoạt động 3: Viết**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được những lưu ý khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản.

**b) Nội dung:** hs trả lời câu hỏi 4

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 4  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | 1. **Viết**   **Câu 4:**  Khi viết đoạn văn tóm tắt văn bản, em cần lưu ý những điều sau:  - Cần giới thiệu được nhan đề và tác giả của văn bản cần tóm tắt.  - Trình bày đầy đủ, ngắn gọn các sự kiện chính và các chi tiết quan trọng trong văn bản.  - Đảm bảo hình thức là một đoạn văn.  - Đảm bảo yêu cầu về độ dài đoạn văn. |

**Hoạt động 3: Nói và nghe**

**a) Mục tiêu:** HS biết cách trình bày những kinh nghiệm rút ra sau tiết nói và nghe.

**b) Nội dung:** hs trả lời câu hỏi 5

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 5  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | 1. **Ôn tập phần nói và nghe**   **Câu 5:**  - Tranh luận với bạn: nghiêm túc lắng nghe và cần tôn trọng các ý kiến của bạn, bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng và cần có cử chỉ, lời nói hợp lí.  - Cách trình bày ý kiến: đưa ra những ý kiến có bằng chứng, lí lẽ thuyết phục, bảo vệ được ý kiến của mình trước sự phản bác của các thành viên khác trongnhóm**.** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 6  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | **Câu 6:**  Đối với mỗi chúng ta, gia đình có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta lớn lên trong sự yêu thương, bảo vệ và che chở của gia đình. Gia đình còn là điểm tựa cho cuộc sống của mỗi con người. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi giúp ong về tổ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **CÂU 1: Chủ đề của bài 9 là gì?**  A. Trong thế giới viễn tưởng .  B. Những góc nhìn văn chương.  C. Những góc nhìn cuộc sống.  D. Cuộc sống muôn màu.  **CÂU 2: Truyện khoa học viễn tưởng là loại truyện:**   1. Dựa trên những điều có thật 2. Hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định.   C. Dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tưởng của tác giả.  D. Hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tưởng của tác giả.  **CÂU 3: Các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng là:**  A. Đề tài, cốt truyện, sự kiện, không gian, thời gian.  B. Đề tài, cốt truyện, tình huống truyện, sự kiện, nhân vật, không gian, thời gian.  C. Đề tài, cốt truyện, không gian, thời gian.  D. Đề tài, tình huống truyện, sự kiện, không gian, thời gian.  . | Đáp án   1. A 2. D 3. B |

**BÀI 10**

**LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH**

**Thời gian thực hiện: tiết**

**ĐỢI MẸ**

**- Vũ Quần Phương-**

**MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1 Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Hiểu được cảm xúc của bản thân và cảm xúc của người khác.

**2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ. | **Đ1** |
| **2** | Nêu được ý nghĩa của bài thơ, hiểu được cảm xúc của tác giả qua bài thơ; thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được giá trị biểu cảm của bài thơ. | **Đ4** |
| **5** | Có khả năng lựa chọn những từ ngữ cho phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ “Đợi mẹ” vừa tìm hiểu. | **N1** |
| **7** | Có khả năng sáng tác một bài thơ tự do với cách gieo vần linh hoạt thể hiện cảm xúc của chính mình. | **VB1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI** | | |
| **11** | - Yêu gia đình, người thân  - Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ tự do.  - Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc. | **TN**  **NA**  **YN** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- N:** Nghe – nói (1,2: mức độ)

**- V:** Viết (1,2: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** trách nhiệm.

**- NA:** Nhân ái.

**- YN:** Yêu nước.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

1. Phương pháp dạy học

- PP truyết trình giải thích ngắn gọn về thể loại thơ, kiểu bài biểu cảm về con người.

- PP hợp tác, đàm thoại gợi mở để học sinh tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành, vận dụng kiến thức kĩ năng

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV

- Một số tranh ảnh liên qua đến bài học

- Phiếu học tập

- Sơ đồ, biểu bảng

- Bảng kiểm tra đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập:**

**Phiếu học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** | Em hình dung thấy điều gì khi đọc đoạn thơ này? |  |
| Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngát ngắt nhịp ấy? |  |
| **2** | - Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng đợi mẹ của em bé? |  |
| **3** | Bài thơ thể hiện tình cảm cảm xúc gì về hình ảnh “Mẹ đã bế em vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ” |  |
| **4** | Bài thơ thể hiện cảm xúc gì của tác giả? Hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy? |  |
| **5** | Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên? |  |
| **6** | Tình cảm của bé và mẹ dành cho nhau gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm của những người thân trong gia đình? Hãy viết một đoạn văn ngắn để bày tỏ suy nghĩ của em? |  |

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***ĐỢI MẸ*** | - Nắm được thông tin về văn bản  - Nắm được đề tài, chủ đề của bài thơ.  - Tìm được những tù ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của em bé với mẹ và mẹ với con. | Nhận xét được những hình ảnh, những câu thơ thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng. | - Nêu được nội dung, ý nghĩa của bài thơ.  - Vận dụng hiểu biết về nội dung bài thơ để phân tích, cảm nhận nội dung, nghệ thuật có trong bài | - Cảm nhận hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh, các biện pháp tu từ….trong bài thơ  - Trình bày cảm nhận của bản thân về giá trị trân quý tình cảm gia đình trìu mến, yêu thương. |

**IV. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi:** Hiểu biết giá trị tình cảm qia đình: cách gieo vần, ngắt nhịp, từ ngữ, hình ảnh…

**2. Bài tập:** - Vẽ tranh, hát

**3. Rubric:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế bài vẽ, bài hát thể hiện chủ đề văn bản vừa học | Tranh vẽ, bài hát chưa đầy đủ nội dung | Tranh vẽ, bài hát đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn. | Tranh vẽ, bài hát đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn. |

**V. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thơ. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | - Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung về thơ.**  **II. Đọc hiểu văn bản.**  *Đợi mẹ* | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N1, V1, V2, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ Mở rộng** | **Mở rộng** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

**VI. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu (5 phút)**

**a**. **Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền, tạo tâm thế cho học sinh. Kết nối – tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung:**

- Quan sát clip hay các bức tranh, ảnh về tình cảm gia đình và nêu cảm nhận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Quan sát các bức tranh, ảnh và cho biết: 3 bức tranh, ảnh này giống nhau ở điểm gì? Nêu cảm nhận của bản thân.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện NV học tập**  **Báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| HS xem hình ảnh liên quan đến chủ điểm của bài học và trả lời các câu hỏi:  - *Những hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng đến điều gì? Vì sao em lại liên tưởng đến điều ấy?*  - *Chia sẻ với các bạn trong lớp về một sự việc tương tự mà em đã trải qua hoặc chứng kiến. Suy nghĩ và cảm xúc của em khi tari qua hoặc chứng kiến sự việc ấy là gì?*  - *Lắng nghe trái tim mình?* | - Thực hiện NV học tập: *Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.*  - Báo cáo, thảo luận:  *2-3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).* | GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học, nêu nhiệm vụ học tập. |

**- Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**

**- Bước 3: Báo cáo thảo luận- Đánh giá sản phẩm.**

**- Bước 4: Kết luận nhận định- Cho điểm hoặc thưởng quà.**



*“Mẹ thương con con có hay chăng*

*Thương từ thai nghén ở trong lòng”*

Đúng như lời bài hát, người con từ lúc còn trong bụng mẹ đã cảm nhận được biết bao tình cảm của người mẹ và cả sự quan tâm chăm sóc của người cha. Và rồi khi ta chào đời, ta lại được nuôi lớn bằng dòng sữa ngọt ngào của người mẹ và bao vất vả khó nhọc của người cha. Thời gian cứ thế trôi đi, đồng nghĩa với việc con ngày càng lớn khôn và cha mẹ ngày càng vất vả hơn để lo chu toàn cho ta từ miếng cơm manh áo đến học hành, dưỡng dục ta nên người. Chính vì thế đó là tình cảm vô bờ của họ mà ta cảm nhận được từ trái tim. Và có lúc ta cũng đã ẩn chứa bên trong trái tim ta mà ta đã từng thể hiện ở sự chờ đợi họ khi vào một ngày nào đó mà ta chưa nghe, chưa thấy mẹ dường như mình thiếu vắng một thứ gì khó tả đúng không các con? Và đó cũng là nội dung bài học mà cô trò mình tìm hiểu trong tiết học này, các con ạ!

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC**

**a.Mục tiêu**: **Đ1, Đ2Đ3Đ4GQVĐ**

- HS nắm được những nét cơ bản về ngôn ngữ thơ.

- Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức bài thơ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu ngôn ngữ thơ trong ngữ cảnh: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu…

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

- Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nội dung 1: I. Tìm hiểu chung về thơ, ngôn ngữ thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***: yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 96, 97 và tái hiện lại kiến thức.  **-** HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  ***Bước 2. HS trình bày cá nhân.***  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **- GV lấy VD và chiếu lên cho HS dễ quan sát.** | **1. Thơ:**  - Được sáng tác để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước khoảnh khắc của đời sống.  - Đọc thơ trước hết là tìm hiểu, lắng nghe, chia sẻ những tình cảm, cảm xúc ấy qua ngôn ngữ thơ.  **2. Ngôn ngữ thơ:**  Có khả năng truyền cảm, lan tỏa tình cảm, cảm xúc nhờ tổ chức một cảm xúc đặc biệt, độc đáo thể hiện qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp các biện pháp tu từ. |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản: ĐỢI MẸ**

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT**

(HS hiểu được nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ.

**b. Nội dung:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuẩn bị đọc:**

**\* Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

Em hiểu cụm từ “Đợi mẹ” như thế nào? Em đã học hoặc đã đọc những bài thơ nào ca ngợi tình mẫu tử?

**- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.**

**I I. Trải nghiệm cùng văn bản + Đọc hiểu văn bản**

**(Sử dụng bài hát “ Con yêu mẹ” bé Gia Khiêm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HĐ1. Tìm hiểu tác giả (SGK/99) và đọc tác phẩm.**  ***- Bước 1.GV hướng dẫn cách đọc***: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  ***- Bước 2. HS đọc.***  ***- Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS.***  **HĐ2. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a. Tình cảm của em bé với mẹ.**  ***\* Bước 1:*** *GV cho HS nghe lại bài hát trên*(GV mở cho HS quan sát trực tiếp).  **Sau đó giao nhiệm vụ:**  + Em hình dung thấy điều gì khi đọc bài thơ này?  + Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngắt nhịp ấy?  - **GV có thể mở rộng thêm**: Tình cảm gia đình ở những người thân thể hiện ở nhiều khía cạnh.  + Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng đợi mẹ của em bé?  + Bài thơ thể hiện tình cảm cảm xúc gì về hình ảnh “Mẹ đã bế em vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ”  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định***  **b.Tâm trạng của tác giả**.  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  + Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên?  + Qua đó em đánh giá như thế nào về tình cảm gia đình?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.*** | **1. Tìm hiểu tác giả (SGK/99) và đọc tác phẩm.**  **2. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a. Tình cảm của em bé với mẹ.**  - Đợi mẹ: ngồi đợi mẹ mỏi mòn.  - Từ ngữ, hình ảnh: ngồi nhìn, lẫn, trông chờ,..; vầng trăng non, mẹ bế vào nhà... 🡪Nhân hóa  - Hình tượng độc đáo, thi vị làm rõ tình yêu mẹ của bé (chờ mẹ đến ngủ quên ngoài đầu hè) cũng như tình yêu bé của mẹ (âu yếm, thương yêu)  **b.Tâm trạng của tác giả**.  Tình cảm của con với mẹ, mẹ với con là 1 trong những tình cảm thiêng liêng, trân quý nhất của con người  Tác giả bày tỏ sự yêu thương, gắn kết với người thân. |

**III. Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của Gv và HS** | **Sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:*** Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.*** | **1. Nghệ thuật.**  - Thể thơ tự do.  - Những hình ảnh giàu sức biểu cảm.  - Sử dụng thành công các biện pháp tư từ để làm nổi bật vẻ đẹp tình cảm gia đình.  **2. Nội dung.**  - Ca ngợi vẻ đẹp tình mẫu tử  - Tự hào về truyền thống tốt đẹp về tình cảm gia đình ở nhiều khía cạnh. |

***3. Hoạt động3: Luyện tập (20 phút)***

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “hỏi xoáy đáp nhanh” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học.

c. Sản phầm: Thái độ tham gia trò chơi và câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện NV học tập**  **Báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| 1. Bài tập trắc nghiệm: GV tổ chức trò chơi | - Thực hiện NV học tập:  + HS suy nghĩ, trả lời  + Gv quan sát, hỗ trợ  - Báo cáo, thảo luận:  + Hs trả lời  + Hs khác lắng nghe, bổ sung | GV nhận xét, bổ sung, chốt lại |

**LUYỆN TẬP SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ** (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: Chỉ ra được những từ ngữ, hình ảnh độc đáo trong bài, giải thích…)

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân hoặc nhóm bàn để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu HT đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy hoàn thiện phiếu học tập sau:**

**\*Dự kiến sản phẩm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** | Em hình dung thấy điều gì khi đọc đoạn thơ này? | Cảnh em bé ngồi đợi mẹ |
| Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngát ngắt nhịp ấy? | Cách gieo vần linh hoạt và ngắt nhịp độc đáo🡪 âm hưởng bài thơ thay đổi🡺 chờ mẹ của em bé |
| **2** | - Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng đợi mẹ của em bé? | - Từ ngữ, hình ảnh: ngồi nhìn, lẫn, trông chờ,..; vầng trăng non, mẹ bế vào nhà...  - Nhân hóa |
| **3** | Bài thơ thể hiện tình cảm cảm xúc gì về hình ảnh “Mẹ đã bế em vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ” | Hình tượng độc đáo, thi vị làm rõ tình yêu mẹ của bé (chờ mẹ đến ngủ quên ngoài đầu hè) cũng như tình yêu bé của mẹ (âu yếm, thương yêu) |
| **4** | Bài thơ thể hiện cảm xúc gì của tác giả? Hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy? | Tình cảm trìu mến thương yêu của tác giả |
| **5** | Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên? | Tình cảm của con với mẹ, mẹ với con là 1 trong những tình cảm thiêng liêng, trân quý nhất của con người |
| **6** | Tình cảm của bé và mẹ dành cho nhau gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm của những người thân trong gia đình? Hãy viết một đoạn văn ngắn để bày tỏ suy nghĩ của em? | Kết nối với đọc viết bày tỏ tinh cảm bản thân với người thân |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(10 phút)**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phầm: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện NV học tập**  **Báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| - Yêu cầu HS  *Hãy tự vẽ hoặc sưu tầm một số bài thơ viết về tình cảm gia đình và viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) giới thiệu về bộ sưu tập của mình.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | - Thực hiện NV học tập:  + HS suy nghĩ, trả lời  + Gv quan sát, hỗ trợ  - Báo cáo, thảo luận:  + Hs trả lời  + Hs khác lắng nghe, bổ sung. | GV nhận xét, bổ sung, chốt ý  - Hs vẽ, viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng  - Nêu được cảm xúc thật của bản thân đối với nguoif thân |

*Tuần Tiết PPCT: Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

|  |
| --- |
| **BÀI 10: LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH**  ***VĂN BẢN 2:***  **MỘT CON MÈO NẰM NGỦ TRÊN NGỰC TÔI**  ***Anh Ngọc*** |
| Cách ra mắt em bé với mèo cưng - Thú cảnh |

**I. Mục tiêu**

***1. Về kiến thức:***

- Đặc điểm hình thức của thể loại thơ; một số nét độc đáo nghệ thuật khác như từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…; tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ; thông điệp của văn bản.

***2. Về năng lực:***

* **Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ về hình ảnh, ngôn từ, biện pháp nghệ thuật.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

- Hiểu được thông điệp của văn bản thơ.

* **Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

***3. Về phẩm chất:***

- Bồi đắp lòng nhân ái: Biết yêu thương gắn bó với vạn vật muôn loài dù là nhỏ bé; biết lắng nghe và trân trọng những cảm xúc của trái tim mình.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

1. **Học liệu**

- Vidieo bài hát “Thương con mèo”.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu học sinh lắng nghe bài hát “Thương con mèo” và chia sẻ về một con vật nuôi mà mình yêu quý.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | *-* GV yêu cầu HS lắng nghe bài hát: “Thương con mèo”.  - GV yêu cầu học sinh chia sẻ:  ? Hình ảnh những chú cún, chú mèo… thân thiện dễ thương trong thực tế hay trong những câu chuyện, những bộ phim ..ít nhiều hẳn đã trở thành một phần trong kí ức tuổi thơ của em. Hãy chia sẻ về tình cảm của bản thân về một trong số những thú cưng ấy? | -Câu trả lời và sự chia sẻ của học sinh.  -Từ khi biết thuần hóa các loài vật để nuôi trong nhà, con người đã có tình yêu mến các loài vật. Đặc biệt là các loài vật gần gũi với con người như chó, mèo, trâu, bò, chim chóc,… Các loài vật nuôi đóng vai trò rất lớn trong đời sống lao động và tình cảm của con người. Thế nhưng, ngày nay, khi đời sống phát triển, con người ngày càng phai nhạt tình yêu thương đối với chúng. Phải chăng, chúng ta ngày càng mất dần đi tình yêu thương loài vật nuôi? Theo các em chúng ta cần có những hành động và suy nghĩ gì về động vật trong cuộc sống hiện nay? |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân, viết chia sẻ ra giấy nhớ. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, dẫn dắt vào bài. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** - Học sinh đọc văn bản.

**b. Nội dung**: GV cho HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả thảo luận.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV giới thiệu khái quát về nhà thơ Anh Ngọc.  - GV hướng dẫn HS cách đọc và yêu cầu HS ngừng khoảng 1 phút sau khi đọc khổ 3 và câu thơ thứ 5 thuộc khổ 5 của bài thơ để các em thực hiện hoạt động suy luận và tưởng tượng.  Cách đọc: giọng đọc rõ ràng, tình cảm, thích thú. | ***\* Tác giả Anh Ngọc***  *- Tên thật là Nguyễn Đức Ngọc, sinh 1943, quê Nghệ An*  *- Hồn thơ hồn hậu, tinh tế, đậm chất suy tư.*  *- Hình ảnh “một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi” là có một chú mèo đang say giấc nồng trên lồng ngực của nhân vật “tôi”.*  *- Nhân vật “tôi” đang hát những lời ru mềm mại để cho chú mèo yên giấc ngủ.* |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS đọc và trải nghiệm văn bản theo hướng dẫn và trả lời các câu hỏi ở hộp chỉ dẫn  + Em hình dung thế nào về hình ảnh “một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi”?  + Theo em, nhân vật “tôi” ca hát về điều gì? |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *- HS trả lời cá nhân* |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Tìm hiểu yếu tố thể loại trong văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ “Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi”

- Nhận biết tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ

**b. Nội dung**:

- GV cho HS thảo luận nhóm giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Những dấu hiệu hình thức nào cho thấy “Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi là” là một bài thơ?* | **1. Dấu hiệu hình thức của thể loại thơ.**  - Số tiếng mỗi dòng: linh hoạt (Thơ tự do)  - Bài thơ chia thành 5 khổ thơ, mỗi khổ thường có 4 dòng thơ. (riêng khổ thơ 5 có 6 dòng thơ).  - Chủ yếu gieo vần chân.  - Câu thơ ngắt nhịp nhịp nhàng.  - Ngôn ngữ thơ hàm súc. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS hoạt động cá nhân. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *-* GV gọi HS bất kì trả lời câu hỏi. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức. |
| Tổ chức thực hiện | | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi Think – Pair – Share hoàn thành phiếu học tập số 1  - Chia lớp thành 4 nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập. | **2. Nét độc đáo của bài thơ**  (Bảng 1) |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS hoạt động nhóm, chia sẻ, thảo luận. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *-* GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm trước lớp. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức. |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nét độc đáo của bài thơ | | Nhận xét | | *Hình ảnh thơ (chú mèo)* | Đôi mắt trong veo, đôi mắt biếc trong veo | Chú mèo dễ thương, xinh xắn đáng yêu | | Hàm răng dài nhọn hoắt | | Như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ | | Đôi tai vểnh ngây thơ | | Cái đuôi dài bướng bỉnh | | Hàng ria mép ngang tàng | | *Biện pháp tu từ* | So sánh: như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ | Chú mèo thơ ngây tựa một đứa trẻ | | Ẩn dụ: Móng vuốt của đêm | Gợi hình ảnh sinh động | | Điệp từ: “ngủ đi” (6 lần)/ “được” (2 lần) | Thể hiện sự vỗ về, ấp ủ của nhân vật tôi dành cho chú mèo | | *Nhịp thơ* | Nhịp 3/5; 5/; 2/2/3/2 | Gợi nhịp điệu nhẹ nhàng, tình cảm | | *Từ ngữ* | Dùng nhiều tính từ: “Nhọn hoắt” “ngây thơ” “bướng bỉnh” “ngang tàng”… | Phác họa sinh động, cụ thể hình ảnh chú mèo | | *Yếu tố miêu tả và tự sự* | Chi tiết miêu tả hình ảnh chú mèo  Kể chuyện chú mèo nằm ngủ trên ngực | Gợi lên hình ảnh chu mèo nhỏ dễ thương và thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa nhân vật tôi và chú mèo | | | |
| Tổ chức thực hiện | | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS đọc kĩ khổ thơ 1, 4,5 và trả lời câu hỏi cá nhân.  *? Trong bài thơ hình ảnh nào đã được nhắc lại tới hai lần?*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi 5 phút:  *? Những từ ngữ nào trực tiếp thể hiện những cảm nhận, cảm xúc của nhân vật tôi khi có một chú mèo ngủ trên ngực mình?*  *? Sau khi trả lời được các câu hỏi em nhận ra nhân vật tôi đã dành tình cảm như thế nào cho chú mèo?* | **3. Tình cảm cảm xúc của nhà thơ**  - Hình ảnh được nhắc lại tới hai lần: “trên ngực tôi một chú mèo nằm ngủ”.  - Nhữn từ ngữ thể hiện cảm xúc, mối quan hệ của nhân vật tôi dành cho chú mèo đang ngủ:  *+ Nằm nghe nhịp nhàng thánh thót.*  *+ Trái tim tôi hòa nhịp trái tim mèo.*  *+ Trái tim tôi một phút bỗng mềm đi.*  *+ Lâng lâng hạnh phúc.*  *+ Được âu yếm, vuốt ve, đùm bọc.*  + Được âm thầm cất tiếng ca ru  - Tình cảm của nhân vật tôi (nhà thơ): Gắn bó, chở che, yêu thương đùm bọc và luôn cảm thấy hạnh phúc, vui sướng khi được bên cạnh chú mèo. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động nhóm đôi |
| *Báo cáo Thảo luận* | GV mời 1 -2 nhóm trả lời trình bày trước lớp.  GV mời 1 – 2 nhóm nhận xét và bổ sung. |
| *Kết luận Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức. |

**2. Tìm hiểu thông điệp của văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Hiểu được thông điệp của văn bản

**b. Nội dung**:

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi Think – Pair – White - Share trả lời câu hỏi  *? Từ cách nhân vật tôi yêu mến, gắn bó và cảm thấy hạnh phúc khi được ở cạnh chú mèo trong bài thơ, em nhận ra được thông điệp nhắn gửi nào cho bản thân?* | ***Thông điệp của bài thơ***  - Hãy biết yêu thương, chở che cho những loài vật nhỏ bé gần gũi quanh mình, biết yêu thương đồng loại  - Hãy để trái tim mình được rung cảm, được đập những nhịp đập yêu thương và lắng nghe những nhịp đập ấy để biết sống sâu, sống chậm, sống ý nghĩa hơn |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động nhóm đôi 3 phút. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | GV gọi 1 – 2 HS trả lời cá nhân  GV gọi 1 – 2 HS nhận xét, bổ sung. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức |

**Hoạt động 3: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh biết chia sẻ suy nghĩ của em cùng các bạn trong lớp về vấn đề bảo vệ động vật trong đời sống hiện nay.

**b. Nội dung**:

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: Chia sẻ suy nghĩ của em cùng các bạn trong lớp về vấn đề bảo vệ động vật trong đời sống hiện nay? Em có những hành động cụ thể gì để thể hiện tình yêu thương và bảo vệ động vật của bản thân?

**c. Sản phẩm:**

- Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | GV yêu cầu HS đọc câu hỏi và trả lời nhanh:  - Chia sẻ suy nghĩ của em cùng các bạn trong lớp về vấn đề bảo vệ động vật trong đời sống hiện nay? Em có những hành động cụ thể gì để thể hiện tình yêu thương và bảo vệ động vật của bản thân? | Tùy theo sự chia sẻ kinh nghiệm của HS  - Để bảo vệ các loài động vật bản thân em cần phải: + Không săn bắt, ngược đãi các loài động. + Báo cho cơ quan chức năng những hành động như săn bắt, buôn bán trái phép…động vật. + Tuyên truyền cho mọi người biết về vai trò của động vật trong đời sống. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS suy nghĩ, chia sẻ, trình bày ý kiến. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | GV 1 -2 học sinh trình bày, học sinh khác bổ sung. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nét độc đáo của bài thơ | | Nhận xét |
| Hình ảnh thơ (…) | *Đôi mắt …* |  |
| *Hàm răng …* |
| *Như …* |
| *Đôi tai …* |
| *Cái đuôi …* |
| *Hàng ria mép …* |
| Biện pháp tu từ |  |  |
|  |  |
|  |  |
| Nhịp thơ |  |  |
| Từ ngữ |  |  |
| Yếu tố miêu tả và tự sự |  |  |

**Bài 10: LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH**

Văn bản đọc kết nối chủ điểm:

**LỜI TRÁI TIM**

**( Thời gian: 1 tiết)**

1. **Mục tiêu bài học**
2. ***Về kiến thức***

- Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản Đợi mẹ, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi để hiểu hơn về chủ điểm Lắng nghe trái tim mình.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

***\* Năng lực đặc thù***

- HS biết đọc phân vai.

- Dựa vào văn bản có thể trả lời câu hỏi ngắn gọn.

- Tự tin bộc lộ suy nghĩ của mình.

***3. Về phẩm chất:***

Nhân ái, trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu hoặc TV có kết nối, bảng phụ, phấn/ bút lông.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Phiếu bài tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động mở đầu.**

1. **Mục tiêu**

* Kích hoạt kiến thực nền.
* Giúp học sinh hình dung ra chủ đề của bài.

1. **Sản phẩm**

* Câu trả lời của học sinh.

1. **Nội dung**

Gv cho Hs xem video và đặt ra câu hỏi, học sinh trả lời.

1. **Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV trình chiếu video về Tạo động lực: Không bao giờ bỏ cuộc: <https://www.youtube.com/watch?v=Ar6Hjp7GtCE>

GV đặt ra câu hỏi: Em hãy lắng nghe đoạn video sau và lắng nghe trái tim mình có cảm xúc gì?

\* Thực hiện nhiệm vụ:

-HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

**\* Báo cáo, thảo luận**: 2,3 HS trình bày cảm xúc của mình.

**\* Kết luận, nhận định.**

GV góp ý câu trả lời của HS, khuyến khích HS mạnh dạn bộc lộ cảm xúc của mình.

**Ví dụ:**

- Video đã tạo động lực cho em, em sẽ cố gắng học để đạt học sinh giỏi.

- Trái tim em nói em sẽ cố gắng vượt qua sự lười biếng của mình để làm người chiến thắng.

- Em sẽ cố gắng hết mình thực hiện ước mơ của em.

GV định hướng: Những điều các em vừa trình bày chính là điều trái tim các em đang muốn nói, nó đang thôi thúc các em hành động để làm người chiến thắng.

Vậy hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản đọc kết nối chủ điểm : Lời trái tim của tác giả Paulo Coelho để hiểu hơn về những điều trái tim muốn nói với chúng.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**

1. **Mục tiêu:**

- Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung câu chuyện.

- Liên hệ kết nối với văn bản Đợi mẹ, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi để hiểu hơn về chủ điểm Lắng nghe trái tim mình.

**b. Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh trong phiếu bài tập.

**c. Nội dung**

Phiếu bài tập của giáo viên và câu trả lời của học sinh qua các hoạt động học tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**  \* Chuyển giao nhiệm vụ hoạc tập.  NV 1: HS đọc bài theo kiểu phân vai.  NV 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.  Phiếu bài tập   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Câu trả lời | | 1. Hiểu biết của em về tác giả Paulo Coelho |  | | 2. Em hãy giới thiệu vài nét về tác phẩm Nhà giả kim |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc phân vai  - Vai nhà luyện kim đan  - Vai cậu bé chăn cừu  - Vai người kể chuyện  - Thực hiện trả lời câu  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Hs nhận xét cách đọc bài của các vai.  - Báo cáo phiếu bài tập đã chuẩn bị ở nhà về tác giả và tác phẩm.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét cách đọc, khen ngợi các em đọc đúng vai và giọng điệu đúng.  - Nhận xét kết quả làm việc ở nhà của các nhóm.  - Kết luận dựa trên câu trả lời của HS.  **Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV Chuyển giao phiếu bài tập cho HS là những câu hỏi trong SGK.  \* **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận.  - Nhóm 1,2 thực hiện trả lời câu số 1 và 3 (SGK tr104)  - Nhóm 3,4 thực hiện trả lời câu số 2 và 4.  (SGK tr 104)  **\* Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập. Dán bảng phụ lên bảng và đại diện các tổ nhóm lên trình bày và điều khiến lớp thảo luận.  **\* Kết luận, nhận định.**  GV kết luận dựa trên kết quả thảo luận của học sinh.  Đối với câu 3,4 GV không kết luận đúng sai mà khuyến khích hs đưa ra những suy nghĩ của mình. GV chỉ đưa ra ví dụ cách hiểu của mình. Tôn trọng suy nghĩ cảm xúc của HS. Củng cố chủ đề Lắng nghe trái tim mình. | **Hoạt động 1:**  **I. Trải nghiệm cùng văn bản.**   |  |  | | --- | --- | | 1. Tác giả | Paulo Coelho là tiểu thuyết gia nổi tiếng Brazil. | | 2. Tác phẩm Nhà giả kim | - Nhà giả kim là tiểu thuyết nổi tiếng nhất của nhà văn Paulo Coelho. Tác phẩm đã được dịch ra 67 ngôn ngữ và bán ra tới 95 triệu bản trở thành một trong những cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại  - Là câu chuyện đầy ý nghĩa về cuộc hành trình đi tìm và chinh phục ước mơ, qua đó tác giả gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa về cuộc đời. |   **Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**  **Câu 1:** “Vì tim ở đâu thì kho báu ở đó”. “Vì chẳng bao giờ bắt trái tim im lặng được. Ngay cả khi cậu làm như không thèm nghe nó nói thì nó vẫn luôn ở trong con người cậu, nhắc đi nhắc lại những điều cậu nghĩ về cuộc đời và thế giới”.  **Câu 2:** Hiểu rõ trái tim mình, lắng nghe nó nói, hiểu rõ nó muốn gì, ước mơ gì thì sẽ biết cách ửng xử phù hợp.  **Câu 3:**  Đồng tình.  Vì: khi ta sống và nỗ lực theo những hoài bão, khát vọng thì cuộc sống sẽ vô cùng ý nghĩa, tràn đầy hạnh phúc cho dù có chông gai, hoặc có thất bại ta cũng học được bài học cho chính mình để tiếp tục cố gắng.  **Câu 4:**  Ví dụ:  - **“Trái tim cậu ở đâu thì kho báu cậu tìm cũng ở đó.”**  Khi “tìm thấy trái tim mình” ấy là lúc con người tìm thấy bản ngã, tìm thấy những mong muốn ẩn sâu thầm kín, tìm thấy chính con người mình, những gì ta tin và không tin, những gì ta cần và không cần, những gì ta thấy đúng đắn và cả những gì ta cho là sai trái, dở tệ. Nó sẽ dẫn đường, mở lối cho ta, để ta biết mình cần phải dũng cảm hơn, cần phải quyết tâm hơn, cũng quyết định cho ta một đường hướng, một lý tưởng để phấn đấu và vươn tới. Đó chính là kho báu mà vũ trụ ban tặng cho mỗi người.  - **“Chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện ước mơ”**  Khi ta cố gắng thực hiện giấc mơ, mỗi một ngày đều chan hòa niềm vui, vì mỗi giờ qua đi đều sẽ đem ta lại gần kho tàng hơn; ta phát hiện trên đường nhiều điều mà ta không bao giờ được thấy nếu ta không can đảm. Khi ta sống và nỗ lực theo những hoài bão, khát vọng thì cuộc sống sẽ vô cùng ý nghĩa, tràn đầy hạnh phúc cho dù có chông gai. |

**3. Vận dụng**

1. **Mục đích**

HS nói ra được điều mà các em cảm nhận được. Rèn luyện cảm xúc cho trái tim.

1. **Sản phẩm**

Cảm xúc và câu trả lời của HS.

1. **Nội dung**

HS đứng dậy, tay đặt lên ngực và lắng nghe bài nhạc “Con nợ mẹ” và bộc lộ cảm xúc mình.

1. **Tổ chức hoạt động**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

GV yêu cầu HS đứng dậy tại chỗ, đặt tay phải lên ngực, nhắm mắt lại và lắng nghe bài hát “ Con nợ mẹ” . Sau đó bộc lộ cảm xúc của mình.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS nghe bài hát và bộc lộ cảm xúc của mình bài một đoạn văn.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- Hình ảnh học sinh xúc động lắng nghe bài hát.

- Một số HS đoạn văn của mình.

- HS khác nhận xét trên cơ sở tôn trọng cảm xúc của người viết.

**\* Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét về kỹ năng viết đoạn văn của học sinh và tôn trọng cảm xúc của học sinh. GV khuyến khích học sinh bộc lộ cảm xúc của mình. Khuyến khích học sinh lắng nghe trái tim mình, khi vui chúng ta có thể cười, khi buồn chúng ta có thể khóc. Khi yêu, ghét, giận hờn chúng ta cũng nên bộc lộ ra. Sống đúng với trái tim mình. Muốn vậy chúng ta phải nuôi dưỡng tâm hồn thật tốt, để trái tim ta định hướng cho chúng ta đúng đường đúng lối.

**PHIẾU BÀI TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Câu trả lời của em** |
| 1 | Theo nhà luyện kim đan, vì sao cậu bé chăn cừu cần lắng nghe tiếng nói trái tim mình? |  |
| 2 | Nhà luyện kim đan khuyên cậu bé chăn cừu làm gì để không bị trái tim đánh bất ngờ? |  |
| 3 | Em có đồng tình với ý kiến của nhà luyện kim đan “Sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn là chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện ước mơ” không? Vì sao? |  |
| 4 | Đoạn trích có nhiều lời thoại nói về sự cần thiết của việc lắng nghe tiếng nói trái tim. Lời thoại nào em yêu thích nhất? Vì sao? |  |

**Bài 10 LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT**

**NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ TRONG NGỮ CẢNH**

Thời gian: 2 tiết

**I. Mục tiêu bài dạy**

Sau khi học xong bài này, học sinh có thể:

***1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được ngữ cảnh.

- Xác định được nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

2***. Năng lực chung***

Năng lực giao tiếp, hợp tác: thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm và trình bày bài tập.

**II. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu hoặc TV có kết nối, bảng phụ, phấn/ bút lông.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Hoạt động mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

Kích hoạt kiến thức nền về nghĩa của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong các trường hợp nhất định.

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh

**c. Nội dung:**

Học sinh nhìn hình ảnh giải nghĩa từ trong câu văn nhất định.

**d. Tổ chức hoạt động**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu hình ảnh và câu văn phù hợp với hình ảnh, học sinh thảo luận cặp đôi và trả lời.

**Ví dụ 1:**



Con ngựa đang đứng bỗng lồng lên. Bắt được con chim anh ấy nhốt vào lồng.

Em hãy giải nghĩa từ lồng trong 2 trường hợp trên.

**Ví dụ 2:**

a. Cái ghế này ***chân*** bị gãy rồi (1)

b. Nam đá bóng nên bị đau ***chân*** (2)

c. Các vận động viên đang tập trung dưới ***chân*** núi (3)

Thực hiện trò chơi ai nhanh hơn, GV tổ chức cho HS gắn câu văn vào hình ảnh với nghĩa của từ chân.

Ví dụ 3: GV chuyển giao cho HS ví dụ sau yêu cầu HS đoán vật mà em bé bưng và giải nghĩa của từ cởi

Em hãy xem xét trường hợp sau:

Em bé bưng ……………vào nhà và nói với mẹ:

* Mẹ ơi cởi ra.

Theo em nghĩ em bé nói mẹ cởi cái gì?

Sau đó GV lần lượt đưa ra hình ảnh vật mà em bé bưng ra HS rút ra nghĩa của từ cởi trong từng trường hợp trên.

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Ví dụ 1: HS thực hiện theo cặp đôi thảo luận.

- Ví dụ 2: HS làm việc cá nhân.

- Ví dụ 3: HS thảo luận cặp đôi.

**\* Báo cáo, thảo luận**

HS lần lượt trình bày kết quả thảo luận trước lớp

**\* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét cách HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các ví dụ.

Ví dụ 1: Nghĩa từ lồng trong 2 trường hợp:

* “ ngựa lồng lên”: hăng, mạnh lên;
* “ lồng chim” Đồ đan hoặc đóng bằng tre hoặc bằng sắt dùng để nhốt gà hoặc chim.

Ví dụ 2:

Chân ghế ( 1) Chân người (2) chân núi(3)

**Ví dụ 3:** Từ cởi trong 3 trường hợp trên

* Cởi cặp ( mở cái cặp ra)
* Cởi gói bánh ( bóc gói bánh ra)
* Cởi quả bưởi ( bóc quả bưởi)

Từ những ví dụ trên GV định hướng : cùng một từ nhưng khi đặt trong những câu văn nhất định chúng ta sẽ hiểu theo một nghĩa nhất định. Câu văn trong trường hợp như vậy người ta gọi là ngữ cảnh, nghĩa của từ trong trường hợp như vậy người ta gọi là nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

**B. Hoạt động hình thành kiến thức và thực hành tiếng Việt**

1**. Hoạt động tìm hiểu nội dung Tri thức Tiếng Việt**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được khái niệm Ngữ cảnh.

- Hiểu được nghĩa của từ trong từng ngữ cảnh nhất định

**b. Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh

**c. Nội dung**

Học sinh đọc phần Tri thức tiếng Việt trong sách giáo khoa, GV lấy ví dụ giảng giải thêm cho học sinh nắm vững khái niệm ngữ cảnh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs đọc khái niệm ngữ cảnh và ví dụ trong sách giáo khoa (trang 97).  **-** Gv trình chiếu ví dụ sau và yêu cầu HS trả lời “ người cha” trong trường hợp trên là chỉ ai?  Ví dụ:   1. **Người cha** luôn yêu thương con vô điều kiện. 2. **Người cha** mái tóc bạc   Đốt lửa cho anh nằm  ( Đêm nay Bác không ngủ - Minh Huệ)  Vì sao em biết như vậy?  **\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Hs đọc phần khái niệm ngữ cảnh và ví dụ trong sách giáo khoa (trang 97).  Sau đó GV trình chiếu lần lượt các ví dụ trong SGK yêu cầu HS gấp sách lại tìm nghĩa của từ.  \* **Báo cáo, thảo luận.**  HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**.  GV dựa vào SGK và câu trả lời của HS đưa ra kết luận. | 1. **Tri thức tiếng Việt:** 2. **Khái niệm ngữ cảnh**:   - Ngữ cảnh của một từ là những yếu tố ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ xung quanh nó. Như vậy, ngữ cảnh có thể là một tình huống, một đoạn văn, một câu, một cụm từ và cũng có thể là một từ. Ngữ cảnh có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn từ ngữ khi viết hoặc nói và hiểu nghĩa của từ khi đọc hoặc nghe.  Ví dụ:   1. Người cha chỉ người sinh ra ta. 2. Người cha chỉ Bác Hồ.   Vì căn cứ vào ngữ cảnh.  **2. Nghĩa của từ trong ngữ cảnh.**  Trong mỗi ngữ cảnh, từ thể hiện khả năng kết hợp với các yếu tố khác, qua đó bộ lộ một nghĩa xác định nào đó. Khi gặp một từ không biết nghĩa, có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ.  **Ví dụ 1 SGK**  - Khúc khuỷu: có nhiều đoạn gấp khúc ngắn, nối nhau liên tiếp rất nguy hiểm.  - Dựa vào ngữ cảnh “nhiều đoạn gấp khúc ngắn, nối nhau liên tiếp” trong câu văn trên để xác định nghĩa của từ  **Ví dụ 2 SGK**  - Phát minh: Tìm ra cái có cống hiến cho khoa học và loài người.  - Dựa vào một số ví dụ cụ thể : “máy hơi nước, điện, tivi, máy vi tính.”  **Ví dụ 3**:  - Lửa: màu đỏ của hoa lựu.  Nghĩa của từ lửa trong ngữ cảnh trên sử dụng với nghĩa ẩn dụ không dùng theo nghĩa thông thường. |

**2. Hoạt động thực hành Tiếng Việt ( Luyện tập)**

**a. Mục tiêu**

- Học sinh biết vận dụng kiến thức ở phần tri thức tiếng Việt áp dụng làm bài tập trong sách giáo khoa.

**b. Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh qua các phiếu bài tập.

**c. Nội dung**

Học sinh thực hiện thảo luận nhóm, điền vào phiếu bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV giao phiếu học tập cho hs yêu cầu học sinh thực hiện.**

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**

**Bài tập 1 và 3 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Căn cứ vào đâu** |
| 1. Em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa  Trời tối trên đầu hè. Nửa vừng trăng **non**. ( Vũ Quần Phương, Đợi mẹ) |  |  |
| 2.[…] Tim cậu đập nhanh khi nó nghĩ về kho báu, đập chậm hẳn khi cậu mơ màng lặng nhìn chân trời vô tận trên sa mạc. Nhưng nó không bao giờ **câm nín** kể cả khi cậu và nhà luyện kim đan không nói với nhau một lời nào. |  |  |
| Em hãy nêu cách xác định nghĩa của từ đưa vào ngữ cảnh?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. | | |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**Bài tập 2 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | Nghĩa của từ trong ngữ cảnh | **Ví dụ** |
| Trái tim tôi trong một phút bỗng **mềm** đi.  Một nỗi gì lâng lâng như hạnh phúc.  Được âu yếm, được vuốt ve, đùm bọc,  Được âm thầm cất tiếng ca ru.  (Anh Ngọc, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi) |  |  |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**

**Bài tập 4 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Giải thích** |
| a. Cha ông ta đã mở mang vùng đất hoang này để trồng trọt, sinh sống từ rất lâu đời. Công lao **khai khẩn** ấy con cháu cần đời đời ghi nhớ. |  |  |
| b. Một mình chị ấy **quán xuyến** mọi việc trong gia đình từ dọn dẹp, nấu ăn đến đưa đón, dạy dỗ con cái. |  |  |
| c. Người vị tha luôn vì người khác, biết nghĩ cho người khác. Đây là một đức tính tốt. Trái với người vị tha là **người vị kỉ.** |  |  |
| d. Bây giờ tôi chẳng thiết tha với chuyện gì cả. Tôi chỉ tha thiết mong anh giải quyết cho trường hợp của tôi. |  |  |

**\* Tổ chức thực hiện**

- GV chia lớp học thành 6 nhóm, 2 nhóm sẽ cùng làm 1 phiếu bài tập để có thể đối chiếu kết quả giữa các nhóm với nhau.

- Học sinh thảo luận với nhau trong vòng 4 phút sau đó ghi ra kết quả vào phiếu bài tập ( là bảng phụ đã được giáo viên chuẩn bị trước, đủ lớn để cả lớp nhìn được.)

**\* Báo cáo, thảo luận**

HS các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

**\* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét cách HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các phiếu bài tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Căn cứ vào đâu** |
| 1. Em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa  Trời tối trên đầu hè. Nửa vừng trăng **non**. ( Vũ Quần Phương, Đợi mẹ) | Trăng đầu tháng chưa tròn, còn khuyết. | Từ ngữ: “nửa vừng trăng” |
| 2.[…] Tim cậu đập nhanh khi nó nghĩ về kho báu, đập chậm hẳn khi cậu mơ màng lặng nhìn chân trời vô tận trên sa mạc. Nhưng nó không bao giờ **câm nín** kể cả khi cậu và nhà luyện kim đan không nói với nhau một lời nào. | Không có cảm xúc, trái tim không gửi thông điệp | Dựa vào ngữ cảnh đang nói về trái tim |
| Cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh:  - Cần dựa vào từ ngữ trong ngữ cảnh.  - Cần phải lưu ý xem trong ngữ cảnh này, từ được dùng theo nghĩa thông thường hay dùng với nghĩa khác. | | |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**Bài tập 2 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | Nghĩa của từ trong ngữ cảnh | **Ví dụ** |
| Trái tim tôi trong một phút bỗng **mềm** đi.  Một nỗi gì lâng lâng như hạnh phúc.  Được âu yếm, được vuốt ve, đùm bọc,  Được âm thầm cất tiếng ca ru.  (Anh Ngọc, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi) | Dịu dàng, tràn ngập tình yêu thương | Cô đã mềm lòng trước việc làm của nó. |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**

**Bài tập 4 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngữ cảnh** | **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh** | **Giải thích** |
| a. Cha ông ta đã mở mang vùng đất hoang này để trồng trọt, sinh sống từ rất lâu đời. Công lao **khai khẩn** ấy con cháu cần đời đời ghi nhớ. | Làm cho đất khai hoang trở thành đất trồng trọt | Dựa vào ngữ cảnh là cụm từ “ mở mang vùng đất hoang này để trồng trọt, sinh sống” |
| b. Một mình chị ấy **quán xuyến** mọi việc trong gia đình từ dọn dẹp, nấu ăn đến đưa đón, dạy dỗ con cái. | Trông coi, đảm đương hết mọi việc. | Dựa vào câu văn “ Một mình chị ấy quán xuyến mọi việc trong gia đình từ dọn dẹp, nấu ăn đến đưa đón, dạy dỗ con cái.” |
| c. Người vị tha luôn vì người khác, biết nghĩ cho người khác. Đây là một đức tính tốt. Trái với người vị tha là **người vị kỉ.** | Người chỉ biết lo đến lợi ích cá nhân mình, không biết nghĩ cho người khác. | Dựa vào các câu văn  “ Người vị tha luôn vì người khác, biết nghĩ cho người khác.” “Trái với vị tha là người vị kỉ” |
| d. Bây giờ tôi chẳng **thiết tha** với chuyện gì cả. Tôi chỉ tha thiết mong anh giải quyết cho trường hợp của tôi. | thiết tha: luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến. | Căn cứ vào ngữ cảnh cả 2 câu văn**.** |

**C. Hoạt động Vận dụng**

**a. Mục tiêu**

- Học sinh vận dụng kiến thức giải nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể.

- Rèn luyện kỹ năng nghe một vấn đề qua video và rút ra được bài học.

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh

**c. Nội dung**: Học sinh làm việc cặp đôi trả lời câu hỏi số 1, xem video và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**d. Tổ chức hoạt động**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

NV 1: Xác định nghĩa của từ **“cần”** trong ngữ cảnh sau và căn cứ vào đâu em xác định được.

Tựa gối ôm **cần** lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo

*( Câu cá mùa thu – Nguyễn Khuyến)*

NV 2: Học sinh xem video “Nói có đầu có đuôi”và nhận xét nhân vật người con đã áp dụng lời dạy trong hoàn cảnh nào? Em rút ra bài học gì trong quá trình giao tiếp? https://www.youtube.com/watch?v=h7xKad-r19I&t=61s

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS làm việc cặp đôi thực hiện NV1, sau đó GV cho HS xem đoạn video thực hiện trả lời câu hỏi.

**\* Báo cáo, thảo luận**

HS trình bày kết quả thảo luận NV1, các bạn cùng thảo luận đưa ra đáp án thống nhất.

Đối với NV 2: GV mời 2-3 HS trả lời câu hỏi.

**\* Kết luận, nhận định**

GV đưa ra kết luận dựa trên kết quả thảo luận của học sinh.

* Đối với NV 1: GV đưa kết luận: Cần: chỉ cần câu cá

Căn cứ vào: nhan đề của bài thơ,

Căn cứ vào câu thơ “ Cá đâu đớp động dưới chân bèo”

* Đối với NV 2: Cậu bé trong video đã áp dụng lời dạy “ nói có đầu có đuôi” một cách máy móc dẫn đến chiếc áo của người ba đã bị cháy, chi tiết đó đã tạo nên tiếng cười cho câu chuyện.
* GV rút ra kết luận dựa trên câu trả lời của học sinh: Trong giao tiếp chúng ta phải chú ý sử dụng từ cho đúng nghĩa, đúng ngữ cảnh, đúng hoàn cảnh giao tiếp.

**BÀI 10**

**LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH**

**Thời gian thực hiện: tiết**

**MẸ**

**- Đỗ Trung Lai-**

**MỤC TIÊU BÀI HỌC**

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

1. Phương pháp dạy học

- PP truyết trình giải thích ngắn gọn về thể loại thơ, kiểu bài biểu cảm về con người.

- PP hợp tác, đàm thoại gợi mở để học sinh tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành, vận dụng kiến thức kĩ năng

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV

- Một số tranh ảnh liên qua đến bài học

- Phiếu học tập

- Sơ đồ, biểu bảng

- Bảng kiểm tra đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập:**

**Phiếu học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** | So sánh vần và nhịp trong bài Mẹ với bài Đợi mẹ và Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi. Phân tích tác dụng của những cách gieo vần và ngắt nhịp khác nhau trong ba bài thơ. |  |
|  |  |
| **2** | Em có nhận xét gì về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người con với mẹ trong bài thơ này? Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ để làm rõ ý kiến của em. |  |
| **3** | Chủ đề của bài thơ là gì? |  |
| **4** | Theo em, nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em? |  |

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***MẸ*** | - Nắm được thông tin về văn bản  - Nắm được đề tài, chủ đề của bài thơ.  - Tìm được những tù ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của con với mẹ. | Nhận xét được những hình ảnh, những câu thơ thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng. | - Nêu được nội dung, ý nghĩa của bài thơ.  - Vận dụng hiểu biết về nội dung bài thơ để phân tích, cảm nhận nội dung, nghệ thuật có trong bài | - Cảm nhận hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh, các biện pháp tu từ….trong bài thơ  - Trình bày cảm nhận của bản thân về giá trị trân quý tình cảm gia đình trìu mến, yêu thương. |

**IV. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi:** Hiểu biết giá trị tình cảm qia đình: cách gieo vần, ngắt nhịp, từ ngữ, hình ảnh…

**2. Bài tập:** - Vẽ tranh, hát

**3. Rubric:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế bài vẽ, bài hát thể hiện chủ đề văn bản vừa học | Tranh vẽ, bài hát chưa đầy đủ nội dung | Tranh vẽ, bài hát đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn. | Tranh vẽ, bài hát đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn. |

**V. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thơ bốn chữ. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | - Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** |  | **I.Tìm hiểu chung về thơ.**  **II. Đọc hiểu văn bản.**  M*ẹ* | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** |  | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** |  | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ Mở rộng** | **Mở rộng** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

**VI. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu (5 phút)**

**a**. **Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền, tạo tâm thế cho học sinh. Kết nối – tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung:**

- Quan sát clip hay các bức tranh, ảnh về tình cảm gia đình và nêu cảm nhận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Cho học sinh nghe bài hát mẹ của Đỗ Trung Quân. Nêu cảm nhận của bản thân.

Đúng như lời bài hát, người con từ lúc còn trong bụng mẹ đã cảm nhận được biết bao tình cảm của người mẹ và cả sự quan tâm chăm sóc của người cha. Và rồi khi ta chào đời, ta lại được nuôi lớn bằng dòng sữa ngọt ngào của người mẹ và bao vất vả khó nhọc của người cha. Thời gian cứ thế trôi đi, đồng nghĩa với việc con ngày càng lớn khôn và cha mẹ ngày càng vất vả hơn để lo chu toàn cho ta từ miếng cơm manh áo đến học hành, dưỡng dục ta nên người. Chính vì thế đó là tình cảm vô bờ của họ mà ta cảm nhận được từ trái tim. Và có lúc ta cũng đã ẩn chứa bên trong trái tim ta mà ta đã từng thể hiện ở sự chờ đợi họ khi vào một ngày nào đó mà ta chưa nghe, chưa thấy mẹ dường như mình thiếu vắng một thứ gì khó tả đúng không các con? Và đó cũng là nội dung bài học mà cô trò mình tìm hiểu trong tiết học này, các con ạ!

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC**

**a. Mục tiêu**:

- HS nắm được những nét cơ bản về ngôn ngữ thơ.

- Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức bài thơ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu ngôn ngữ thơ trong ngữ cảnh: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu…

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

- Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về thơ, ngôn ngữ thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***: yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 96, 97 và tái hiện lại kiến thức.  **-** HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  ***Bước 2. HS trình bày cá nhân.***  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **- GV lấy VD và chiếu lên cho HS dễ quan sát.** | **1. Thơ:**  - Được sáng tác để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước khoảnh khắc của đời sống.  - Đọc thơ trước hết là tìm hiểu, lắng nghe, chia sẻ những tình cảm, cảm xúc ấy qua ngôn ngữ thơ.  **2. Ngôn ngữ thơ:**  Có khả năng truyền cảm, lan tỏa tình cảm, cảm xúc nhờ tổ chức một cảm xúc đặc biệt, độc đáo thể hiện qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp các biện pháp tu từ. |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản: MẸ**

**a. Mục tiêu**:

(HS hiểu được nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ.

**b. Nội dung:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuẩn bị đọc:**

**\* Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

**- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản + Đọc hiểu văn bản**

**(Sử dụng bài thơ “ Mẹ ” của Đỗ Trung Quân )**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HĐ1. Tìm hiểu tác giả (SGK/99) và đọc tác phẩm.**  ***- Bước 1.GV hướng dẫn cách đọc***: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  ***- Bước 2. HS đọc.***  ***- Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS.***  **HĐ2. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a. Hình ảnh người mẹ.**  ***\* Bước 1:*** *GV cho HS nghe lại bài hát trên*(GV mở cho HS quan sát trực tiếp).  **Sau đó giao nhiệm vụ:**  Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ đó ở các yếu tố: Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ; vần của bài thơ.   * Bài thơ được làm theo thể thơ 4 chữ:   + Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ: Số tiếng 4, nhịp chủ yếu là 2/2, có câu ngắt nhịp 1/3.  + Vần của bài thơ: Bài thơ gieo ở vần cuối câu 2 và câu 4 của mỗi khổ thơ.  ? So sánh vần và nhịp trong bài Mẹ với bài Đợi mẹ và Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi. Phân tích tác dụng của những cách gieo vần và ngắt nhịp khác nhau trong ba bài thơ.  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định***  ***2. Tình cảm của người con dành cho mẹ***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ? Em có nhận xét gì về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người con với mẹ trong bài thơ này? Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ để làm rõ ý kiến của em.  ?Chủ đề bài thơ là gì?  ? Theo em, nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.*** | **1. Tìm hiểu tác giả và đọc tác phẩm.**  **II. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **1. Hình ảnh người mẹ.**  - Hình ảnh người mẹ được đối chiếu với hình ảnh cây cau.  **+** Cây cau là hình ảnh quen thuộc xuất hiện trong nhiều câu chuyện dân gian, tượng trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người Việt Nam. Nó còn gắn liền với làng quê, với hình ảnh với phụ nữ Việt Nam, các bà mẹ thường nhai trầu cau. Hình ảnh mẹ được đặt bên cạnh một hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Việt Nam.  **- Hình dáng mẹ**  + Theo thời gian, cây cau ngày càng phát triển, cao lớn, xanh tốt. Nhưng thời gian cũng rất khắc nghiệt, nó làm mẹ càng ngày càng già đi. Hình ảnh mẹ và cây cau được đặt cạnh nhau cho thấy được sự đối lập tương phản và nỗi xót xa của người con khi mẹ càng ngày càng già yếu.  **- Hành động của mẹ**  **+** Khi concòn bé: bổ cau làm tư.  + Hiện tại: cau bổ làm tám mẹ còn ngại to.  + Tác giả mượn hình ảnh nhai trầu quen thuộc để khắc họa người mẹ. Miếng trầu bổ nhỏ gợi ra tuổi già móm mém của mẹ.  **2.Tình ảm của người con dành cho mẹ.**  - Nỗi buồn, xót xa của người con trước tuổi già của mẹ.  => Vào tuổi xế chiếu, bao lo toan vất vả của cuộc đời đã rút cạn sức lực của mẹ.  - Tình cảm của người con:  + Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.  + Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ  => Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.  +Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?  => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng |

**II. Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của Gv và HS** | **Sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:*** Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Báo cáo-Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Kết luận nhận định.*** | **1. Nghệ thuật.**- Thể thơ bốn chữ.  - Lời thơ giản dị, tự nhiên.  - Hình ảnh thơ gần gũi.  **2. Nội dung.**- Bài thơ mượn hình ảnh cây tre quen thuộc để khắc họa mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần. |

**LUYỆN TẬP SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu:** (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: Chỉ ra được những từ ngữ, hình ảnh độc đáo trong bài, giải thích…)

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân hoặc nhóm bàn để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu HT đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\*Dự kiến sản phẩm**

**Câu hỏi 1:** So sánh vần và nhịp trong bài Mẹ với bài Đợi mẹ và Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi. Phân tích tác dụng của những cách gieo vần và ngắt nhịp khác nhau trong ba bài thơ.

**Câu trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài thơ** | **Gieo vần – nhịp** | **Tác dụng** |
| Mẹ | Vần cách – Nhịp 2/2 | Dễ thuộc, dễ nhớ. |
| Đợi mẹ | Vần lưng – Nhịp 3/3, 2/3, 3/2 | Sử dụng nhịp điệu linh hoạt nhằm giàu sức gợi, giản dị và đầy tự nhiên. |
| Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi | Vần cách – Nhịp 3/5, 4/5, 3/4 | Sử dụng nhịp điệu linh hoạt khiến bài thơ vừa thôi thúc, vừa nhẹ nhàng, tăng sức biểu đạt mạnh mẽ nhằm thể hiện tình cảm giữa nhân vật “tôi” với mèo. |

**Câu hỏi 2:** Em có nhận xét gì về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người con với mẹ trong bài thơ này? Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ để làm rõ ý kiến của em.

**Câu trả lời:**

- Bài thơ bộc lộ nhiều cung bậc cảm xúc: Yêu thương, xót xa, ngậm ngùi trước tuổi già của mẹ; trách giận thời gian.

- Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh cau. Đối sánh trên những phương diện: Hình dáng, màu sắc (màu lá, màu tóc); chiều cao.

Lưng còng – thẳng

Ngọn xanh rờn - đầu bạc trắng

Cao – thấp

Gần giời – gần đất

Cau khô – (mẹ) gầy

- Tác giả sử dụng những biện pháp tu từ:

Đối lập: Giữa mẹ và cau trong dáng hình, màu sắc, chiều cao..có tác dụng gợi lên một cách xót xa hình ảnh người mẹ khi già đi, biểu đạt niềm thương cảm của người con đối với mẹ.

So sánh: Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ có tác dụng làm cho bài thơ tăng tính gợi hình, biểu cảm.

**Câu hỏi 3:** Chủ đề bài thơ là gì?

**Câu trả lời:**

Chủ đề: mượn hình ảnh cau, qua đó bộc lộ tình cảm yêu thương, xót xa, ngậm ngùi của người con khi đối diện với tuổi già của mẹ.

**Câu hỏi 4:**Theo em, nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?

**Câu trả lời:**

- Thông điệp: thông qua việc thể hiện được tình cảm yêu kính đối với mẹ và tâm trạng buồn, day dứt của người con khi mẹ ngày càng già và đến gần hơn với sự chia lìa cõi sống, tác giả muốn gửi gắm thông điệp rằng mỗi chúng ta hãy trân trọng giây phút bên cạnh mẹ của mình, thể hiện tình cảm yêu thương thông qua các hành động và lời nói với mẹ mình.

- Thông điệp đó đã nhắc nhở em rằng hãy luôn biết cách thấu hiểu, quan tâm, dành nhiều thời gian cho mẹ.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(10 phút)**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phầm: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện NV học tập**  **Báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| - Yêu cầu HS  *Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy họ có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | - Thực hiện NV học tập:  + HS suy nghĩ, trả lời  + Gv quan sát, hỗ trợ  - Báo cáo, thảo luận:  + Hs trả lời  + Hs khác lắng nghe, bổ sung. | GV nhận xét, bổ sung, chốt ý  - Hs vẽ, viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng  - Nêu được cảm xúc thật của bản thân đối với người thân. |

**VIẾT**

**VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI**

**( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực chuyên biệt:**

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Bước đầu biết viết VB biểu cảm về con người

- Diễn đạt đoạn văn, bài văn mạch lạc, cấu trúc chặt chẽ.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái, thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân đối với một người cụ thể.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT,

-Video bài hát: https://www.youtube.com/watch?v=S0C1LddbFFk

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Chiếu đoạn video: “Mẹ ơi, con yêu mẹ”  <https://www.youtube.com/watch?v=S0C1LddbFFk>  -GV đặt câu hỏi liên quan kiểu bài từ video:  *? Trong video, em bé đã thể hiện tình cảm cảm xúc gì? Với đối tượng nào? Khi thể hiện cảm xúc, em bé có kể hay tả lại điều gì không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, Quan sát, lắng nghe đoạn nhạc, trả lời  -GV đánh giá, chốt và dẫn vào bài mới  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới | - Học sinh quan sát, lắng nghe và trả lời, tùy vào câu trả lời của học sinh mà GV định hướng, có cách dẫn dắt vào bài cho phù hợp |

**Hoạt động 2.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Ôn tập kiến thức : khái niệm và các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: phát phiếu học tập, nêu câu hỏi ôn tập.  *? Kiểu bài biểu cảm về con người là dạng bài như thế nào?*  *? Với kiểu bài này, cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn | **I. Ôn tập khái niệm và các yêu cầu đối với bài văn văn biểu cảm**  ***1. Khái niệm***  Kiểu văn bản trình bày cảm xúc của người viết về đối tượng  ***2. Yêu cầu:***  ***-*** Tình cảm trong sáng, chân thật  -Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc  -Phương thức kết hợp: miêu tả và tự sự  -Bố cục: 3 phần  MB:Giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.  TB:Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng.( Cảm xúc , suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm đối với người đó  KB:Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng, rút ra điều đáng nhớ với bản thân. |
| **2. Phân tích ví dụ tham khảo**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK /107 ) và trả lời vào phiếu học tập, hoạt động theo nhóm:   |  |  | | --- | --- | | **PHIỀU HỌC TẬP** | | | **Câu hỏi** | **Nội dung trả lời** | | *1.Bài văn được viết để biểu lộ điều gì?* | ………………  ……………… | | *2.Tìm trong mở bài, câu văn giới thiệu về nhân vật, câu thể hiện cảm xúc của người viết đối với nhân vật?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… | | *3.Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ những cảm xúc gì dành cho nhân vật ? Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… | | *4.Dựa vào tình cảm, suy nghĩ được bộc lộ trong bài viết, người đọc có cảm nhận được tình cảm cảm xúc của người viết dành cho nhân vật không?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… | | *5.Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày những nội dung gì?* | ………………  ………………  ………………  ……………… | | *6.Từ bài viết trên, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách viết bài văn biểu cảm về con người?* | ………………  ………………  ………………  ………………  ……………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Phân tích ví dụ**  1.Bài văn được viết để biểu lộ tình cảm *: quý mến một người bạn*  2.  - Câu văn giới thiệu về nhân vật: *Mãi đến gần cuối năm , tôi mới thân với Lan, người bạn cùng bàn.*  -Câu văn thể hiện cảm xúc của người viết:  + *Tôi yêu quý Lan bởi tính….*  *+ Có bạn thân …. Thật là tuyệt.*  3.  a.Những cảm xúc :  -Ban đầu không thích bạn  -Sau đó: quý mến bạn  b.Sử dụng 2 phương thức kết hợp: Tự sự, miêu tả  4. Dựa vào tình cảm, suy nghĩ được bộc lộ trong bài viết, người đọc có thể cảm nhận được tình cảm cảm xúc chân thành của người viết dành cho nhân vật*.*  5. Ở KB, người viết đã trình bày những nội dung sau:  - Từ đối tượng, Khẳng định, hiểu ra ý nghĩa của tình bạn.  - Bài học từ người bạn, từ tình bạn: bản thân học được điều tốt: biết quan tâm, chia sẻ,…  6. Kinh nghiệm viết bài văn biểu cảm về con người: |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết theo các bước)**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Tôi nên chọn người trong gia đình hay những người khác nào? Tôi có cảm xúc gì đối với người đó? Những hình ảnh nào, kỉ niệm nào gây cho tôi cảm xúc?  + Tôi viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc của tôi có thể là ai?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *HS tìm ý theo PHT số 2*      Đối tượng ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  Cảm xúc chung về đối tượng  ………………………………………………………………………………………………………..………………………  Cảm xúc thứ nhất,nguyên nhân của cảm xúc: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  Cảm xúc thứ hai, nguyên nhân của cảm xúc: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  Khẳng định lại tình cảm với đối tượng …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  .  Ý nghĩa của đối tượng đối với bản thân ………………………………………………………………………..……………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………………………..  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luân, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hs viết bài*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Chỉnh sửa và đọc lại bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Phát bảng kiểm cho HS    + Sau khi viết xong, hai HS là 1 cặp sẽ dùng bảng kiểm để tự kiểm tra lẫn nhau.  +GV Hướng dẫn HS dùng Bảng kiểm để kiểm tra và điều chỉnh bài viết để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết củaa bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.  + Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Thực hành**  **Đề bài:**  Viết bài văn bày tỏ cảm xúc về một người mà em yêu quý .  **1. Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định thời gian, địa điểm, xác định đề tài, mục đích  - Thu thập tư liệu.  **2. Tìm ý, lập dàn ý theo phiếu học tập**  **a. Tìm ý**  **-**Từ ngữ biểu cảm: yêu mến, kính trọng,…  -Hình dung về người đó: việc là, kỉ niệm, hình ảnh….  - Lí giải nguyên nhân cảm xúc: chăm sóc, quan tâm, … em  -Yết tố tả, kể: đặc điểm nổi bật, kỉ niệm sâu sắc,…  **b. Lập dàn ý**  - Mở bài: giới thiệu người mà em yêu quý, cảm xúc chung.  - Thân bài:  + Cảm xúc thứ 1, nguyên nhân cảm xúc….  + Cảm xúc thứ 2, nguyên nhân cảm xúc  - Kết bài: Khẳng định tình cảm với người đó, bài học bản thân…  **3. Viết bài**  **4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.** |

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, mối liên hệ giữa chúng.

- Vấn đề trong đời sống

***2. Về năng lực:***

- Biết trình bày ý kiến của bản thân.

- Xác định được vấn đề trong đời sống.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề, hiện tượng đời sống.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn, ý kiến của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói hoặc bảng kiểm

-Video: ma túy: <https://www.youtube.com/watch?v=lCCc0vcG2ww>

*-Video câu chuyện về tình bạn:*

[*https://www.youtube.com/watch?v=MxjIKZjg3Ws*](https://www.youtube.com/watch?v=MxjIKZjg3Ws)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.  **b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv chiếu video câu chuyện về tình bạn:*  [*https://www.youtube.com/watch?v=MxjIKZjg3Ws*](https://www.youtube.com/watch?v=MxjIKZjg3Ws)  *và yêu cầu học sinh vừa xem và nói được vấn đề đặt ra trong video*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và kết nối vào bài | - Hs quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi  -Có thể HS trả lời nhiều : vấn đề “tình bạn”, “ý nghĩa của tình bạn”…. |

**Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Chuẩn bị bài nói** | | |
| **a. Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe;  - Xác định không gian và thời gian nói;  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.  **b. Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d.Tổ chức thực hiện** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **NV1: Chuẩn bị bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về vấn đề đó ntn?  ? Em có video, sơ đồ để bài nói ấn tượng, sinh động, hấp dẫn không?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **\*Chủ đề: Ý nghĩa của tình bạn**  **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Khi nói cần lựa chọn không gian và xác định thời gian nói.  - Dự kiến: Tìm hình ảnh, video, sơ đồ cho bài nói thuyết phục | |
| **2. Lập dàn ý** | | |
| **a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-**Gv tổ chức buổi tọa đàm:  HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lập dàn ý theo sơ đồ.  -GV hướng dẫn  **B3. Báo cáo, thảo luận**  -HS trình bày dàn ý trong nhóm, tổ  **Ý KIẾN**  ….  **Lí lẽ 1**  **Lí lẽ 2**  **Lí lẽ 3**  **Bằng chứng**  ……….  ………..  **Bằng chứng**  ……….  ……….  **Bằng chứng**  ………  ……….  -GV quát sát, hướng dẫn các em thực hiện trao đổi  **B3. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, hướng dẫn vào phần tiếp theo | | **2. Lập dàn ý**  -Tìm hình ảnh, video liên quan vấn đề  -Xác định các ý sẽ nói ( lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, xác thực).  -Liệt kê các ý sẽ trình bày bằng cách gạch đầu dòng, diễn đạt bằng những từ/ cụm từ ngắn gọn trên những mảnh giấy ghi chép nhỏ (dạng giấy ghi chú).  -Trao đổi dàn ý với bạn cùng nhóm để hoàn thiện hơn. |
| **3. Trình bày bày bài nói** | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng vấn đề và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **b. Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý (chọn 1 trong 3 vấn đề đã nêu ở trên) & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c. Sản phẩm:** Bài nói của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lập dàn ý theo sơ đồ.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… tự tin. |
| **4. Trao đổi và đánh giá** | | |
| **a.Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu (phát) bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống    - Yêu cầu HS đánh giá theo bảng kiểm  Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe, ghi lại  + 3 ưu điểm về phần tóm tắt của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV**:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo bảng kiểm  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí (bảng kiểm).  - Nhận xét của HS |

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP/ VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để nói và nghe.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS ghi lại những điều em đã học được qua tiết học.  -GV cho HS nghe video “Ma túy học đường <https://www.youtube.com/watch?v=lCCc0vcG2ww>  – GV thuyết trình  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm học tập:** Video bài nói của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS làm việc cá nhân, quay video bài nói gửi qua mail giáo viên.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhắc nhở HS thực hiện quay video và nói đúng thời hạn  -Chốt lại kiến thức | Video bài nói của HS |

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

HS biết cách hệ thống lại các đơn vị kiến thức đã học ở bài học 10 bao gồm 4 kĩ năng: đọc – viết- nói và nghe.

**2. Phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Nhân ái, biết yêu thương, quan tâm mọi người; yêu cái đẹp.

**II. Chuẩn bị của GV và HS**

**- Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập.

- **Học sinh**: Đọc lại các VB và tự làm các bài tập mục Ôn tập trước ở nhà. HS có thể ghi lại những khó khăn, thắc mắc để trao đổi tại lớp trong tiết Ôn tập.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Hoạt động 2: Tiến hành ôn tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học 9 để hoàn thành các bài tập trong mục Ôn tập.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Câu hỏi 1:** Em đã học ba bài thơ Đợi mẹ, Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi, Mẹ. Hãy so sánh các văn bản và rút ra nhận xét chung bằng cách điền vào Phiếu học tập sau (kẻ vào vở):



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Câu hỏi 2:** Qua việc học các bài thơ trên, em rút ra kinh nghiệm gì khi đọc thể loại này?

**Câu hỏi 3:**Đọc đoạn thơ sau:

*Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp*

*Theo những con tàu cập bến các vì sao*

*Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng*

*Biết bay rồi, ta lại muốn bay cao.*

(Xuân Quỳnh, Khát vọng)

a. Dựa vào ngữ cảnh, em hãy giải thích nghĩa của các từ "bay" trong đoạn văn trên.

b. Nghĩa của các từ "bay" có liên quan với nhau không?

**Câu hỏi 4:** Hoàn chỉnh sơ đồ sau về đặc điểm của bài văn biểu cảm (về con người).

**Câu hỏi 5:**Qua bài học này, em rút kinh nghiệm gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập**

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các HS trả lời nhanh và đúng nhất.

- GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

* Tìm hiểu thông tin về tác giả của các văn bản đã học: thu thập các nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, ảnh, video,... Đọc thêm các tác phẩm của cùng tác giả.
* Hệ thống hoá kiến thức bài học 10 bằng sơ đồ tư duy.